

TAN NAM LICH

DEPOT LEGAL
• INDOCHINE •
N^o 207762



CERTIFIÉ L'INSERTION
TIRAGE 10.000 EXEMPLAIRES

Hanoi le 7 Dec. 1943

TRAVAILLER EN ENSEMBLE
C'EST LE SEUL MOYEN DE
PROGRESSER

曆南新
年申甲

V.H. 21/12/43

Cùng các độc - giả Tân - Nam - Lịch

Cứ xem cái số thư của độc giả ở khắp cõi Đông-dương gửi đến bản-xã hỏi pháp luật, y-học, thú-y, khoa-học, nông-phổ, xã-giao, văn-vân..., thì rõ là quốc-dân đều công nhận cái giá-trị của cuốn lịch này. Vì duy bộ biên-tập Tân-Nam Lịch mới có gồm đủ các nhà Hán-học, và Tây-học, các tag chuyên-môn về các khoa ấy.

Nhưng vì cái số hỏi giải-dáp, mỗi ngày một nhiều, cho nên bản-xã bắt buộc phải hạn-chế lại và dấu-hiệu năm nào chỉ được dùng về năm ấy thôi. Từ năm 1944 này trở đi, mỗi cuốn lịch mua chỉ được hỏi hai điều thôi, bất cứ về khoa gì.

Những giấy nào nhờ giải-dáp mà không cắt dấu-hiệu in ở trang sau dán kèm thì xin miễn trả-lời. Giấy nào cũng vậy, bản-xã tùy số thư-tự đến trước đến sau, tùy việc phải tra-cứu chóng hay lâu, mà giải-dáp cả, không có giấy nào để đến quá ba tháng. Hoặc giả, có thư nào không thấy trả-lời là lại giấy không dính kèm dấu-hiệu, không dính tem trả-lời, hoặc là dính không đủ, vì bài giải-dáp nặng quá 10 grammes thì phải dán tem 15 xu. Hoặc nữa là thư có khi bị thất-lạc chẳng. Muốn chắc thì hạn trong một tháng, chưa thấy trả lời, xin độc-giả cứ viết thư nhắc và nhớ biên cả ngày đã gửi lần trước. Bản-xã đã giới - đáp giúp không lấy khoản chi-phi gì cả thì lúc nay, xin các ngài gửi cả cho cái phong-bì dán tem để sẵn cả chỗ ở cho rõ-ràng, đừng viết thâu, đề cả tên, xã, tổng, phủ, huyện và tỉnh, chứ đừng đề tên xã không mà thôi, có khi thư trả-lời bị thất-lạc vì đó.

Các bài soạn về lịch năm Giáp-thân này, phần nhiều là theo những câu hỏi của độc-giả trong năm, hoặc theo ý muốn của các ngài viết thư cho bản-xã từ tháng sáu tháng bảy trở lại. Cũng có lắm đầu-đề các ngài gửi đến mà bản-xã không soạn theo, là tại lịch các năm trước đã đăng rồi, chỉ vì các ngài chưa đọc mà hỏi lại đó thôi.

Nhân tiện, xin nói rõ-ràng việc soạn lịch mỗi năm, mỗi đời mới, các bài đăng không bài nào giống bài nào.

Tân-Nam xã căn-bạch.

THỐNG-CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI :

Quốc-Trưởng là người biết làm cho ai nấy vâng theo và quý mến.

二十日午正初刻五分

初五日未正三刻
二十七日寅初初

初七日午正一刻四分
二十二日酉正一刻十二分

初七日亥初一刻七分
二十二日亥初初刻三分

初七日酉正二刻十分
二十二日未初一刻十四分

初八日辰初初刻八分
二十三日子正初刻七分

初七日酉初二刻四分
二十二日午初二刻

1944
JANVIER
SAMEDI

1

Kiến : Ất-sửu, h. Kim, s. Đê,
tr. Kiến. *Nên* : Tế lễ, cầu phúc.
Ky : Xuất hành, kết hôn

DIMANCHE

2

H. Kim, s. Phòng, tr. Trừ. *Nên* :
Kết hôn, động thổ, xuất hành, lập
khoán. *Ky* : Xem bói, kiện cáo.

LUNDI

3

H. Hỏa, s. Tâm, tr. Mãn.
Nên : Dâng biểu, họp bạn, xuất
hành, kết hôn.

MARDI

4

H. Hỏa, s. Vĩ, tr. Bình.
Nên : Tế tự, xuất hành, cầu tài.
Ky : Kết hôn.

MERCREDI

5

H. Mộc, s. Cơ, tr. Định
Sát chủ
Nên : Tế - tự.

JEUDI

6

Tiểu hàn
H. Mộc, s. Đầu, tr. Định. *Nên* :
Xuất hành, cầu tài. *Ky* : Giồng cây.

VENDREDI

7

H. Thổ, s. Ngưu, tr. Chấp. *Nên* :
Dâng biểu, cầu quan, cầu tài
Ky : Cưới xin.

十二月小
THÁNG 12
NGÀY GIÁP-TÍ

6

1944
JANVIER
SAMEDI

8

H. Thổ, s. Nữ tr. Phá, *Nên*
Tế tự, cầu phúc
Ky : Xuất hành, đi việc quan.

DIMANCHE

9

H. Kim, s. Hư tr. Nguy
Nguyệt kỵ
Nên : Xuất hành, cầu tài.

LUNDI

10

H. kim, s. Nguy, tr. Thành
Thụ-tử
Nên : Kết hôn, xuất hành.

MARDI

11

H. Hỏa, s. Thất, tr. Thu
Nên : Xuất hành, cầu tài, đánh cá,
giồng cây, lập khoán.

MERCREDI

12

H. Hỏa, s. Bích, tr. Khai
Nên : Nhập học, mở hàng,
cầu tài.

JEUDI

13

H. Thủy, s. khuê, tr. Bế.
Nên : Động thổ, xuất hành, cầu
tài, tế tự. *Ky* : Kết hôn.

VENDREDI

14

H. Thủy, s. Lâu, tr. Kiến
Nên : Xuất hành, cầu tài, làm nhà,
cải mã,

十二月小
THÁNG 12
NGÀY TÂN-TÝ

13

DIMANCHE

14

LUNDI

15

MARDI

16

MERCREDI

17

JEUDI

18

VENDREDI

19

1944 JANVIER SAMEDI 15	十二月小 THÁNG 12 NGÀY MẬU-DẦN 20
H. Thổ s. Vị tr. Trừ. <i>Nên</i> : Xây nhà mới. <i>Kỵ</i> : Kết hôn.	
DIMANCHE 16	NGÀY KỶ-MÃO 21
Hành Thổ s. Mão, tr. Mão. <i>Nên</i> : Xuất hành, tế lễ, buôn bán.	
LUNDI 17	NGÀY CANH-THÌN 22
H. Kim, s. Tất, tr. Bình. Sát chủ <i>Nên</i> : Giồng cây, sửa đường.	
MARDI 18	NGÀY TÂN-TY 23
H. Kim s. Chung tr. Đinh. <i>Nên</i> : Xuất hành, cầu tài, vào học, kết hôn. Nguyệt kỵ	
MERCREDI 19	NGÀY NHÂM-NGO 24
H. Mộc s. Sâm, tr. Chấp. <i>Nên</i> : Tế lễ, cầu tài, đánh cá. <i>Kỵ</i> : cất nhà.	
JEUDI 20	NGÀY QUÝ-MÙI 25
H. Mộc s. Tỉnh tr. Phá <i>Nên</i> : Tế lễ. <i>Kỵ</i> : Xuất hành.	
VENDREDI 21	NGÀY GIÁP-THÂN 26
H. Thủy s. Quý tr. Nguy. Đại hàn. Mọi việc không nên.	

1944 JANVIER SAMEDI 22	十二月小 THÁNG 12 NGÀY ẤT-DẬU 27
H. Thủy. s. Liễu tr. Thành. <i>Nên</i> : Vào học, xuất hành, cầu tài, kết hôn.	
DIMANCHE 23	NGÀY BÍNH-TUẤT 28
H. Thổ s. Tỉnh tr. Thu <i>Nên</i> : Xuất hành, cầu tài, đánh cá. <i>Kỵ</i> : An táng.	
LUNDI 24	NGÀY ĐINH-HỢI 29
H. Thổ, s. S. Trường, tr. Khôi. <i>Nên</i> : Sửa sang đường sá, cửa nhà. <i>Kỵ</i> : Xuất hành.	
NĂM GIÁP - THÂN	
MARDI 25	正月大 THÁNG GIÊNG NGÀY MẬU-TÍ 1
KIẾN Bính-dần b. Hoa s. Dực, tr. Bế. Tết Nguyên đán. Hỉ thần phương Bắc Tài thần phương Nam.	
MERCREDI 26	NGÀY KỶ-SỬU 2
H. Hỏa s. Chấn, tr. Kiến. <i>Kỵ</i> : Xuất hành.	
JEUDI 27	NGÀY CANH-DẦN 3
H. Mộc s. Dốc, tr. Trừ. <i>Nên</i> : Mở hàng, tế lễ.	
VENDREDI 28	NGÀY TÂN-MÃO 4
H. Mộc s. Cang, tr. Mão <i>Nên</i> : Đánh cá, mở chợ lập khoán, giồng cây.	

1944 JANVIER SAMEDI 29 H. Thủy s. Đê, tr. Bình. Nguyệt kỵ Nên: Tế lễ	正月大 THÁNG GIÊNG NGÀY NHÂM-THÌN 5
DIMANCHE 30 H. Thủy s. Phòng, tr. Định. Sát chủ Nên: Tế tự.	NGÀY QUÍ-TỊ 6
LUNDI 31 H. Kim s. Tâm tr. Cháp. Nên: Lập khoán, động thổ. Kỵ: Cưới xin.	NGÀY GIÁP-NGO 7
FÉVRIER MARDI 1 H. Kim s. Vĩ tr. Phá. Nên: Tế lễ. Kỵ: Xuất hành	NGÀY ẤT-MÙI 8
MERCREDI 2 H. Hỏa s. Cơ, tr. Ngụy. Nên: Hợp bạn, nạp tài	NGÀY BÍNH-THÂN 9
JEUDI 3 H. Hỏa, s. Đào, tr. Thành. Nên: Vào học, xuất hành, đổi chỗ ở, thụ trụ, thưởng lương, lập khoán, giao dịch, chăn nuôi, an táng.	NGÀY ĐINH-DẬU 10
VENDREDI 4 H. Mộc, s. Ngưu, tr. Thu. Thụ tử Kỵ: xuất hành.	NGÀY MẬU-TUẤT 11

1944 FÉVRIER SAMEDI 5 H. Mộc, s. Nữ, tr. Thu. Lập Xuân Nên: Xuất hành, nạp tài, giồng cây.	正月大 THÁNG GIÊNG NGÀY KỶ-HỢI 12
DIMANCHE 6 H. Thổ, s. Hư, tr. Khai. Nên: Tế lễ, vào học. Kỵ: Động thổ.	NGÀY CANH-TÍ 13
LUNDI 7 H. Thổ s. Ngụy tr. Bế. Nguyệt kỵ Mọi việc không nên.	NGÀY TÂN-SỬU 14
MARDI 8 H. Kim s. Thất, tr. Kiến. Nên: Cầu phúc, dâng biếu. tế lễ, Cầu tự.	NGÀY NHÂM-DẦN 15
MERCREDI 9 H. Kim, s. ích, tr. Trừ. Nên: Kết hôn, xuất hành, hợp bạn, lập khoán, giao-dịch, đi việc quan.	NGÀY QUÍ-MÃO 16
JEUDI 10 H. Hỏa, s. Khuê, tr. Mão. Nên: Khai trương, buôn bán, cầu danh, nạp tài. Kỵ: Giồng cây.	NGÀY GIÁP-THÂN 17
VENDREDI 11 H. Hỏa s. Lân tr. Bình. Sát chủ Kỵ: Xuất hành, giồng cây.	NGÀY ẤT-TỊ 18

1944
FÉVRIER
SAMEDI

12

正月大
THÁNG GIÊNG
NGÀY BÌNH-NGO

19

H. Thủy, s. Vị tr. Định.

Nên : Kết hôn, họp bạn, động thổ, thụ trụ, thương lương, chăn nuôi, mở chợ, xuất hành, đổi chỗ ở.

DIMANCHE

13

NGÀY ĐINH-VỊ

20

H. Thủy, s. Mão, tr. Cáp.

Nên : Lễ lễ, dâng biếu, lên quan, họp bạn, xuất hành.

LUNDI

14

NGÀY MẬU-THÂN

21

H. Thổ, s. Tất, tr. Phá.

Nên : Lễ lễ, họp bạn, trồng cây

MARDI

15

NGÀY KỶ-DẬU

22

H. Thổ, s. Chủy, tr. Nguy.

Nên : Phá thổ, an táng.

MERCREDI

16

NGÀY CANH-TUẤT

23

H. Kim, s. Sâm, tr. Thành.

Nguyệt kỵ

Các việc không nên.

JEUDI

17

NGÀY TÂN-HỢT

24

H. Kim, s. Tỉnh, tr. Thu.

Nên : Họp bạn, xuất hành, nạp tài, chăn nuôi.

VENREDI

18

NGÀY NHÂM-TÝ

25

H. Mộc, sao Quỷ, tr. Khai.

Nên : Lễ lễ, dâng biếu, đi việc quan, vào học, xuất hành.

1944
FÉVRIER
SAMEDI

19

正月大
THÁNG GIÊNG
NGÀY QUÍ-SỬU

26

H. Mộc, s. Liễu, tr. Bế.

Mọi việc không nên.

DIMANCHE

20

NGÀY GIÁP-DẦN

27

H. Thủy, s. Tỉnh, tr. Kiến.

Vũ thủy

Nên : Họp bạn, xuất hành, cầu phúc

LUNDI

21

NGÀY ẤT-MÃO

28

H. Thủy, s. Trương, tr. Trứ.

Nên : Đi việc quan, họp bạn, kết hôn, lập khoán. Kỵ : Giồng cây.

MARDI

22

NGÀY BÍNH-N

29

H. Thổ, s. Dực, tr. Mão. Nên : Xuất hành, đổi chỗ ở, an táng, chăn nuôi.

MERCREDI

23

NGÀY ĐINH-TÝ

30

H. Thổ, s. Chấn, tr. Bình

Sát chủ

Mọi việc không nên.

JEUDI

24

二月小
THÁNG HAI
NGÀY MẬU-NGO

1

Kiến Đinh-mão h. Hỏa, s. Dốc, tr. Định. Nên : Động thổ, thụ trụ, thương lương, kết hôn, họp bạn, đổi chỗ ở, tu tạo, mở chợ, chăn nuôi.

VENREDI

25

NGÀY KỶ-VỊ

2

H. Hỏa, s. Cường, tr. Chấn.

Nên : Trồng cây, chăn nuôi, lập gia.

1944 FÉVRIER SAMEDI	二月小 THANG HAI NGÀY CANH-THÂN
26	3
H. Mộc s. Đê. tr. Phá. Mọi việc không nên.	
DIMANCHE	NGÀY TÂN-ĐẠO
27	4
H. Mộc s. Phô g. tr. Ngụy. Nên : Đi việc quan. xuất hành, cầu phúc.	
LUNDI	NGÀY NHÂM-TUẤT
28	5
H. Thủy s. Sâm, tr. Thành Nguyệt kỵ Nên : Tế lễ, họp bạn.	
MARDI	NGÀY QUI-HỢI
29	6
H. Thủy, s. Vĩ, tr. Thu. Nên : Tế lễ, cầu tự, kết hôn xuất hành.	
MARS MERCREDI	NGÀY GIÁP-TÝ
1	7
H. Kim s. Cơ tr. Khai Nên : Vào học, tế lễ Kỵ : Xuất hành.	
JEUDI	NGÀY ẤT-SỬU
2	8
H. Kim s. Đẩu tr. Bế. Nên : Cầu phúc, cầu tự, kết hôn, họp bạn.	
VENDREDI	NGÀY BÍNH-DẦN
3	9
H. Hỏa, s. Ngưu, tr. Kiến Nên : Thụ trụ, thưởng lương, kết hôn, giao dịch, chăn nuôi, an táng.	

1944 MARS SAMEDI	二月木 THÁNG HAI NGÀY ĐINH-MẪO
4	10
H. Hỏa, s. Nữ, tr. Trư. Nên : Tang biếu, kết hôn, họp bạn, lập khoan, giao dịch, chăn nuôi, an táng.	
DIMANCHE	NGÀY MẬU THÂN
5	11
H. Mộc s. Ngự tr. Trư. Thụ tử Mọi việc không nên	
LUNDI	NGÀY KỶ-TÌ
6	12
H. mộc s. Ngụy tr. Mão. Nên : Dựng cột, mở chợ, lập khoan, nạp tài, chăn nuôi.	
MARDI	NGÀY CANH-NGO
7	13
H. Thổ. s. Thất, tr. Bính Nên : Tế lễ, sửa đường.	
MEBCREDI	NGÀY TÂN-TÝ
8	14
H. Thổ s. Bính tr. Đinh. Nguyệt kỵ Nên : Tế lễ, họp bạn. kỵ : Châm chích	
JEUDI	NGÀY NHÂM-THÂN
9	15
H. Kim s. Khố tr. chấp Nên : tế lễ. kỵ : Xuất hành.	
VENDREDI	NGÀY QUI-ĐẠC
10	16
H. Kim, s. Lâu, tr. Phá. Nên : Hợp bạn, xuất hành, tu-tạo, an táng.	

1944 MARS SAMEDI 11	二月小 THÁNG HAI NGÀY GIÁP-TUẤT 17
-------------------------------------	---

H. Hỏa, s. Vị tr. Nguy.
Nên : Kết hôn, họp bạn, xuất hành,
tu tạo, động thổ, dời chỗ ở.

DIMANCHE 12	NGÀY ẤT-HỢI 18
-----------------------	--------------------------

H. Hỏa, s. Mão, tr. Thành. Nên : Vào
học, thụ trụ, thưởng lương, chăn
nuôi, an táng, họp bạn, tu tạo.

LUNDI 13	NGÀY BÍNH-TÝ 19
--------------------	---------------------------

H. Thủy, s. Tất, tr. Thu.
Sát chủ. Mọi việc không nên.

MARDI 14	NGÀY ĐINH-SU'U 20
--------------------	-----------------------------

H. Thủy, s. Chủy tr. khai
Nên : Tu tạo, thụ trụ, thưởng
lương, khai cử, đào giếng, cưới
xin, họp bạn, vào học.

MERCREDI 15	NGÀY MẬU-DẦN 21
-----------------------	---------------------------

H. Thổ, s. Sâm, tr. Bế.
Nên : Lập khoán, giao dịch, chăn
nuôi, an táng, giống cây.

JEUDI 16	NGÀY KỶ-MÃO 22
--------------------	--------------------------

H. Thổ, s. Tỉnh tr. Kiến.
Nên : Xuất hành, kết hôn, cất nhà.

VENDBEDI 17	NGÀY CANH-THÌN 23
-----------------------	-----------------------------

H. Kim, s. Quý tr. Trừ. Nguyệt kỵ
Thụ tử. Mọi việc không nên.

1944 MARS SAMEDI 18	二月大 THÁNG HAI NGÀY TÂN-TỊ 24
-------------------------------------	--

H. Kim, s. Liễu, tr. Mão.
Nên : Tế lễ, cầu tài.
Ky : Xuất hành, kết hôn.

DIMANCHE 19	NGÀY NHÂM-NGỌ 25
-----------------------	----------------------------

H. Thủy : s. Tỉnh, tr. Bình.
Nên : Tế lễ, sửa đường sá,
cất nhà, xuất hành.

LUNDI 20	NGÀY QUÝ-VỊ 26
--------------------	--------------------------

H. Thủy, s. Trương tr. Định.
Nên : Tế lễ, đánh cá. ky : Xuất hành.

MARDI 21	NGÀY GIÁP-THÂN 27
--------------------	-----------------------------

H. Thủy, s. Dực, tr. Chấp.
Xuân phân
Nên : Tế lễ, cầu phúc.
ky : Xuất hành, kết hôn.

MERCREDI 22	NGÀY ẤT-DẬU 28
-----------------------	--------------------------

H. Thủy s. Chân, tr. Phá.
Nên : Xuất hành, giao dịch, dâng
biếu, đi việc quan.

JEUDI 23	NGÀY BÍNH-TUẤT 29
--------------------	-----------------------------

H. Thổ, s. Dốc, tr. Nguy.
Nên : Xuất hành, vào học, nạp lễ.

VENDBEDI 24	三月大 THÁNG BA NGÀY ĐINH-HỢI 1
-----------------------	--

Kiếp mậu-thìn h. Thổ, s. Cương tr.
Thành. Thụ tử. Mọi việc không nên.

1944 - MARS SAMEDI 25	三月大 THÁNG BA NGÀY MẬU-TÍ 2
H. Hỏa, s. Đê. tr. Thu. Nên: Hợp bạn, cầu phúc, cầu tự, cốt nhà, xuất hành.	
DIMANCHE 26	NGÀY KỶ-SỬU 3
H. Hỏa, s. Phòng, tr. Khai. Nên: Xuất hành, cầu tài, giao dịch, vào học. Ky: Cất nhà.	
LUNDI 27	NGÀY CANH DẦN 4
H. Mộc, s. Tâm tr. Bế. Nên: Giao dịch, lập khoán, chăn nuôi, xuất hành, an táng.	
MARDI 28	NGÀY TÂN-VỊ 5
H. Mộc, s. Vĩ. tr. Kiến. Nguyệt kỵ Nên: Tế lễ, hợp bạn.	
MERCREDI 29	NGÀY NHÂM-THÌN 6
H. Thủy, s. Cơ. tr. Trừ. Nên: Đi việc quan, xuất hành. Ky: Kết hôn.	
JEUDI 30	NGÀY QUI-TÝ 7
H. Thủy, s. Đầu. tr. Mão. Nên: Tế lễ, mở chợ, hợp bạn, giao dịch, nạp tài.	
VENDREDI 31	NGÀY GIÁP-NGỌ 8
H. Kim, s. Ngươn. tr. Bình. Nên: Xuất hành, kết hôn, cầu tự, cầu phúc.	

1944 AVRIL 1 SAMEDI	三月大 THÁNG BA - NGÀY ẤT-VỊ 9
H. Kim, s. Nữ, tr. Định. Nên: Tế lễ, hợp bạn, nạp tài. Ky: Động thổ, giồng cây.	
DIMANCHE 2	NGÀY BÍNH-THÂN 10
H. Hỏa, s. Ngự. tr. Chấp. Nên: giao dịch, tế lễ. Ky: Xem bói, kiện cáo.	
LUNDI 3	NGÀY ĐINH-ĐẬU 11
H. Hỏa, s. Nguy. tr. Pha. Nên: sửa đường sá, an táng. Ky: Kết hôn.	
MARDI 4	NGÀY MẬU-TUẤT 12
H. Mộc, s. Thất. tr. Nguy. Nên: Kết hôn, cất nhà, xuất hành, giao dịch.	
MERCREDI 5	NGÀY KỶ-HỢI 13
H. Mộc, s. Bính, tr. Nguy. Thanh minh Nên: Tu tạo, vấn danh.	
JEUDI 6	NGÀY CANH-TÍ 14
H. Thổ, s. Khuê, tr. Thành. Nguyệt kỵ Nên: Tế lễ, hợp bạn,	
VENDREDI 7	NGÀY TÂN-SỬU 15
H. Thổ, s. Lâu, tr. Thu. Nên: Tế lễ, kiếm người, nạp tài, cất nóc, kết hôn.	

Những việc giao-dịch với sở Bưu-điện

Trong Tân - Nam - Lịch năm Quý-vị (1943) đã chỉ-bảo mọi cách-lức giao-dịch với sở Bưu-điện, nay theo ý độc-giả, bản-xã lại đăng thêm những điều sau này để mỗi khi cần đến, các ngài không phải đi hỏi tận các sở bưu-điện.

Những giờ làm việc của các sở Bưu-điện

Những giờ các sở bưu-điện giao-dịch với công-chúng như sau này :

Hạng nhất.— Những sở mở cửa cả ngày

a) Saigon, Chợ-lớn Phnom-Penh

Ngày thường :

Các việc bưu-cục. — từ 7 giờ đến 18 giờ

Điện-tín và Điện-thoại	{	từ 7 giờ đến 22 giờ
---------------------------	---	---------------------

Chủ nhật và ngày lễ :

Điện-tín và Điện-thoại	{	từ 7 giờ đến 22 giờ
---------------------------	---	---------------------

b) Hanoi, Hải-phong

Ngày thường :

Các việc bưu-cục. — từ 7 giờ 30 đến 18 giờ

Điện - tín. — từ 7 giờ 30 đến 22 giờ

Điện-thoại. — từ 7 giờ — 22 giờ

Cách chữ ngũ độc, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

1944	三月大
AVRIL	THÁNG BA
SAMEDI	NGÀY BÍNH-THÌN
22	30

H. Thở, s. Đê, tr. Kiến. *Nên* : Giải trừ, tế tự, cầu tự. *Ky* : kết hôn.

	四月小
	THÁNG TƯ
DIMANCHE	NGÀY ĐINH-TÌ
23	1

Kiến kỷ từ H. Thở, s. Phòng, tr. Trừ. *Nên* : Dâng biếu, kết hôn, họp bạn, đổi chỗ ở, dựng cột, cất nóc, lập khoán, giao dịch.

LUNDI	NGÀY MẬU-NGO
24	2

H. Hòa, s. Tâm, tr. Mẫn. *Nên* : Ván danh, cất nhà, xuất hành, cầu tự.

MARDI	NGÀY KỶ-VỊ
25	3

H. Hòa, s. Vĩ, tr. Bình. *Nên* : Kết hôn, cầu tự. *Ky* : Xuất hành.

MERCREDI	NGÀY CANH-THÂN
26	4

H. Mộc, s. Cơ, tr. Địch. *Nên* : Tu tạo, tế tự. *Ky* : kiện cáo.

JEUDI	NGÀY TÂN DẬU
27	5

H. Mộc, s. Mậu, tr. Chấp Nguyệt kỳ. Các việc không nên.

VENDREDI	NGÀY NHÂM-TUẤT
28	6

H. Thủy, s. Ngưu, tr. Phú. *Nên* : Dâng biếu, xuất hành, cất nhà.

1944	四月小
AVRIL	THÁNG TƯ
SAMEDI	NGÀY QUÝ-HỢI
29	7

H. Thủy, s. Nhữ, tr. Ngưu. *Nên* : Tế lễ, cầu tự, an táng.

DIMANCHE	NGÀY GIÁP-TÌ
30	8

H. Kim, s. Hưu, tr. Thành. *Nên* : Hợp bạn, vào học, dựng cột, cất nóc, lập khoán.

1944	
MAI	
LUNDI	NGÀY ẤT-SỬU
1	9

H. Kim, s. Ngưu, tr. Thu. *Nên* : Mở chợ, vào học. *Ky* : Trồng cây.

MARDI	NGÀY BÍNH-DẦN
2	10

H. Hỏa, s. Thất, tr. Khai. *Nên* : Dựng cột, cất nóc, mở chợ, chăn nuôi, giao dịch. *Ky* : chôn chích.

MERCREDI	NGÀY ĐINH-MÃO
3	11

H. Hỏa, s. Bính, tr. Bế. *Nên* : Hợp bạn, xuất hành, mở chợ, giao dịch.

JEUDI	NGÀY MẬU-THÌN
4	12

H. Mộc, s. Khue, tr. Kiến. *Nên* : Cầu tự, cất nhà. *Ky* : xuất hành.

VENDREDI	NGÀY KỶ-TÌ
5	13

H. Mộc, s. Lân, tr. Kiến. *Lập hạ. Nên* : Tế tự, cầu phúc. *Ky* : Kiện cáo.

1944 MAI SAMEDI 6	四月小 THÁNG TƯ NGÀY CANH-NGO 14
H. Thổ, s. Vi, tr. Trừ. Nguyệt kỵ Các việc đều không nên.	
DIMANCHE 7	NGÀY TÂN-VỊ 15
H. Thổ, s. Mão, tr. Mãn. Nên : Tế lễ. Ky : Trồng cây.	
LUNDI 8	NGÀY NHÂM-TUÂN 16
H. Kim, s. Thất, tr. Bình. Nên : Sửa đường, họp bạn, xuất hành, giao dịch. Ky : Châm chích.	
MARDI 9	NGÀY QUÝ-DẬU 17
H. Kim, s. Chủy, tr. Định. Nên : Kết hôn, xuất hành, mở chợ, dựng cột, cất nóc, lập khoán.	
MERCREDI 10	NGÀY GIÁP-TUẤT 18
H. Hỏa, s. Sâm, tr. Chấp. Nên : Đăng biểu, giá thú, động thổ. Ky : kiện cáo.	
JEUDI 11	NGÀY ẤT-HỢI 19
H. Hỏa, s. Tỉnh, tr. Phá. Nên : Giỡ nhà, phá tường. Ky : Trồng cây.	
VENREDI 12	NGÀY BÍNH-TÍ 20
H. Thủy, s. Quý, tr. Nguy. Nên : Trồng cây, chăn nuôi. Ky : Xuất hành.	

1944 MAI SAMEDI 13	四月小 THÁNG TƯ NGÀY ĐINH-SỬ 21
H. Thủy, s. Liễn, tr. Thành. Nên : Vào học, xuất hành, tu tạo, dựng cột, cất nóc, mở chợ.	
DIMANCHE 14	NGÀY MẬU-DẦN 22
H. Thổ, s. Tỉnh, tr. Thu. Nên : Vào học, mở chợ, giao dịch, xuất hành.	
LUNDI 15	NGÀY KỶ-MÃO 23
H. Thổ, s. Trương, tr. Khai. Sát chủ, Nguyệt kỵ. Mọi việc không nên.	
MARDI 16	NGÀY CANH-THÌN 24
H. Kim, s. Dực, tr. Bế. Nên : Cất nhà, kết hôn, cầu tự, cầu phúc.	
MERCREDI 17	NGÀY TÂN-TI 25
H. Kim, s. Chấn, tr. Kiến. Nên : đăng biểu, kết hôn, họp bạn, dời chỗ ở, dựng cột, cất nóc.	
JEUDI 18	NGÀY NHÂM-NGO 26
H. Mộc, s. Dốc, tr. Trừ. Nên : Họp bạn, xuất hành, phá thổ, an táng.	
VENREDI 19	NGÀY QUÝ-VỊ 27
H. Mộc, s. Cường, tr. Mãn. Nên : Xuất hành, cầu tài, giá-thú.	

1944 MAI SAMEDI 20	四月小 THÁNG TƯ NGÀY GIÁP-THÂN 28
------------------------------------	--

H. Thủy s. Đề, tr. Bình.
Nên: Tế lễ, an sàng, an táng.

DIMANCHE 21	NGÀY ẤT-DẬU 29
-----------------------	--------------------------

H. Thủy s. Phòng, tr. Định.
Tiểu mãn
Nên: Đi săn, bắt cá.

LUNDI 22	閏四月大 Tháng Tư Nhuận NGÀY BÍNH TUẤT 1
--------------------	--

H. Thổ, s. Tâm, tr. Cháp.
Nên: Tế lễ, họp bạn.

MARDI 23	NGÀY ĐINH-HỢI 2
--------------------	---------------------------

H. Thổ, s. Vị, tr. Phá.
Nên: Giở nhà, phá tường.

MERCREDI 24	NGÀY MẬU-TÍ 3
-----------------------	-------------------------

H. Hỏa, s. Cơ, tr. Nguy.
Nên: Vào học, cất nhà, an táng.

JEUDI 25	NGÀY KỶ-SỬU 4
--------------------	-------------------------

H. Hỏa, s. Dần, tr. Thành.
Nên: Tế lễ, giao dịch.
Ky: xuất hành.

VENREDI 26	NGÀY CANH-DẦN 5
----------------------	---------------------------

H. Mộc s. Ngưu, tr. Thu.
Nguyệt kỵ Nên: Họp bạn,
xuất hành. Ky: Động thổ.

1944 MAI SAMEDI 27	閏四月大 Tháng Tư Nhuận NGÀY TÂN-MÃO 6
------------------------------------	--

H. Mộc, s. Nữ, tr. Khai.
Sát chủ Các việc không nên.

DIMANCHE 28	NGÀY NHÂM-THÌN 7
-----------------------	----------------------------

H. Thủy, s. Hư, tr. Bế.
Nên: Dâng biểu, họp bạn,
nạp tài.

LUNDI 29	NGÀY QUI-TÝ 8
--------------------	-------------------------

H. Thủy, s. Nguy, tr. Kiến. Nên: Đi
việc quan, họp bạn. Thụ tử

MARDI 30	NGÀY GIÁP-NGỌ 9
--------------------	---------------------------

H. Kim, s. Thất, tr. Trừ.
Nên: Kết hôn, họp bạn, dời chỗ ở,
tu tạo, dựng cột, cất nóc.

MERCREDI 31	NGÀY ẤT-VỊ 10
-----------------------	-------------------------

H. Kim, s. Bính, tr. Mão. Nên: Xuất
hành, nạp tài. Ky: Trồng cây.

1944 JUN JEUDI 1	NGÀY BÍNH-THÂN 11
----------------------------------	-----------------------------

H. Hỏa, s. Khuê, tr. Bình. Nên: Kết
hôn, cất nhà, xuất hành, đi việc quan.

VENREDI 2	NGÀY ĐINH-DẬU 12
---------------------	----------------------------

H. Hỏa, s. Lâu, tr. Cháp.
Nên: Kết hôn, xuất hành,
đi việc quan.

1944

JUIN

SAMEDI

3

閏四月大
Tháng Tư Nhuận
NGÀY MẬU-TUẤT

13

H. Mộc, s. Vị, tr. Chấp.
Nên : Sửa đường sá, cửa nhà.
Kỵ : Kết hôn.

DIMANCHE

NGÀY KỶ-HỢI

4

14

H. Mộc, s. Mão, tr. Phá.
Nguyệt kỵ
Các việc không nên.

JEUDI

NGÀY CANH-TÍ

5

15

H. Thổ, s. Tất, tr. Nguy.
Nên : Kết hôn, họp bạn,
xuất hành, chăn nuôi, dựng
cột, cất nóc.

MARDI

NGÀY TÂN-SỬU

6

16

H. Thổ, s. Chủy, tr. Nguy.
Mang thực
Mọi việc không nên.

MERCREDI

NGÀY NHÂM-DẦN

7

17

H. Kim, s. Sấm, tr. Thành.
Nên : Dựng cột, cất nóc, vào học,
lập khoán, giao dịch.

JEUDI

NGÀY QUÍ-MÃO

8

18

H. Kim, s. Tỉnh, tr. Thu.
Nên : Tế lễ, tu tạo.
Kỵ : Châm chích, Trồng cây.

VENDREDI

NGÀY GIÁP-THÌN

9

19

H. Hỏa, s. Quý, tr. Khai. Nên : tu
tạo, nạp tài, Kỵ : Độ g thổ.

1944

JUIN

SAMEDI

10

閏四月大
Tháng Tư Nhuận
NGÀY ẤT-TY

20

H. Hỏa, s. Liễu, tr. Bế.
Thu từ
Mọi việc không nên.

DIMANCHE

NGÀY BÌNH-NGỌ

11

21

H. Thủy, s. Tỉnh, tr. Kiến.
Nên : tu tạo, kết hôn, cất nóc,
dựng cột.

LUNDI

NGÀY ĐINH-VỊ

12

22

H. Thủy s. Trương, tr. Trừ.
Nên : Vào học, cầu tài, dựng
cột, cất nóc, mở chợ, giao dịch,
xuất hành.

MARDI

NGÀY MẬU-THÂN

13

23

H. Thổ, s. Dực, tr. Mão. Nên : Khai
trương, buôn bán, về nhà mới, xuất
hành, văn danh. Nguyệt kỵ.

MERCREDI

NGÀY KỶ-DẬU

14

24

H. Thổ, s. Chấn, tr. Bình.
Nên : Tế lễ, cầu tài, sửa sang
đường sá

JEUDI

NGÀY CANH-TUẤT

15

25

H. Kim, s. Giốc, tr. Định.
Nên : Kết hôn, họp bạn, tu tạo.
động thổ.

VENDREDI

NGÀY TÂN-HỢI

16

26

H. Kim, s. Cang, tr. Chấp.
Các việc không nên

1944

JUIN

SAMEDI

17

星期四大
Tháng Tư Nhuận
NGÀY NHÂM-TÍ

27

H. Mộc, s. Đê, tr. Phá.

Nén : An sàng, an táng.

Kỵ : Xuất hành.

DIMANCHE

NGÀY QUÍ-SỬU

18

28

H. Mộc, s. Phòng, tr. Nguy.

Nén : Cầu tự, xuất hành,

vào học, kết hôn.

LUNDI

NGÀY GIÁP-DẦN

19

29

H. Hỏa, s. Tâm, tr. Thành.

Nén : Vào học, họp bạn, xuất hành,
mở chợ, giao-dịch, chăn nuôi,

trồng cây.

MARDI

NGÀY ẤT-MÃO

20

30

H. Hỏa, s. Vĩ, tr. Thu.

Nén : Tế lễ, vào học.

Kỵ : Xuất hành, trồng cây.

MERCREDI

五月小
THÁNG NĂM
NGÀY BÍNH THÌN

21

1

Kiến canh Ngọ. H. Thổ, s. Cơ

tr. Khai. Hạ chí

Nén : Cầu tự, cầu phúc, vào học.

JEUDI

NGÀY ĐINH-TỊ

22

2

H. Thổ, s. Dậu, tr. Bế.

Nén : Xuất hành. kỵ : Châm chích.

VENREDI

NGÀY MẬU-NGO

23

3

H. Hỏa, s. Ngươn, tr. Kiến. Nén : trồng
cây, xuất hành. kỵ : Kiện cáo.

1944

JUIN

SAMEDI

24

五月小
THÁNG NĂM

NGÀY KỶ-VỊ

4

H. Hỏa, s. Nữ, tr. Trừ.

Nén : Hợp bạn, xuất hành, tu tạo,
dựng cột, cất nóc, chăn nuôi

DIMANCHE

NGÀY CANH-THÂN

25

5

H. Mộc, s. Hư, tr. Mão.

Sát chủ Nguyệt kỵ

Mọi việc không nên.

LUNDI

NGÀY TÂN-DẬU

26

6

H. Mộc, s. Ngay, tr. Bình

Nén : Xuất hành, cầu tự, cầu
phúc, cất nhà.

MARDI

NGÀY NHÂM-TUẤT

27

7

H. Thủy, s. Thất, tr. Định.

Nén : Kết hôn, họp bạn, dựng cột,
cất nóc, lập khoán, giao dịch.

MERCREDI

NGÀY QUÍ-HỢI

28

8

H. Thủy, s. Bich, tr. Chấp.

Nén : Tu tạo, động thổ, trồng cây.

JEUDI

NGÀY GIÁP-TÍ

29

9

H. Kim, s. Khuê, tr. Phá.

Nén : Kết hôn, cất nhà, xuất hành.

VENREDI

NGÀY ẤT-SỬU

30

10

H. Kim, s. Lâu, tr. Nguy.

Nén : Dâng biểu, lên quan, kết hôn.

1944 JUILLET SAMEDI 1	五月 THÁNG NĂM NGÀY BÍNH-DẦN 11	1944 JUILLET SAMEDI 8	五月小 THÁNG NĂM NGÀY QUÝ-DẬU 18
H. Hỏa, s. Vị, tr. Thành. Nén : Xuất hành, trồng cây.		H. Kim, s. Liễn, tr. Mão. Nén : Tế tự, cất nhà, kết hôn.	
DIMANCHE 2	NGÀY ĐINH-MÃO 12	DIMANCHE 9	NGÀY GIÁP-TUẤT 19
H. Hỏa, s. Mão, tr. Thu. Nén : Hợp bạn, xuất hành, cầu phúc.		H. Hỏa, s. Tí, tr. Bình. Nén : Tế lễ, cầu tự, giao dịch, xuất hành.	
LUNDI 3	NGÀY MẬU-THÌN 13	LUNDI 10	NGÀY ẤT-HỢI 20
H. Mộc, s. Tất, tr. Khai. Nén : Tế tự, dâng biếu, vào học, kết hôn, đổi chỗ ở, trồng cây, an sàng.		H. Hỏa, s. Trương, tr. Định. Nén : Trồng cây, động thổ, lập khoán, giao dịch.	
MARDI 4	NGÀY KỶ-TY 14	MARDI 11	NGÀY BÍNH-TÍ 21
H. Mộc, s. Chủy, tr. Bế. Nguyệt kỵ. Mọi việc không nên.		H. Thủy, s. Dục, tr. Chấp. Thụ tử. Mọi việc không nên.	
MERCREDI 5	NGÀY CANH-NGO 15	MERCREDI 12	NGÀY ĐINH-SỬU 22
H. Thổ, s. Sâm, tr. Kiến. Nén : Tế tự, đổi chỗ ở, an sàng.		H. Thủy, s. Chấn, tr. Phá. Nén : Cất nhà, kết hôn, dâng biếu.	
JEUDI 6	NGÀY TÂN-VỊ 16	JEUDI 13	NGÀY MẬU-ĐẦN 23
H. Thổ, s. Tí, tr. Trừ. Nén : Xuất hành, động thổ, dựng cột, cất nóc, đổi chỗ ở, chăn nuôi, an sàng, giao dịch.		H. Thổ, s. Dốc, tr. Ngụy. Nén : Xuất hành, cầu tài.	
VENDREDI 7	NGÀY NHÂM-THÂN 17	VENDREDI 14	NGÀY KỶ-MÃO 24
H. Kim, s. Quý, tr. Trừ. Nén : Tế tự, cầu tài, giao dịch. Tiểu thử		H. Thổ, s. Cang, tr. Thành. Nén : Tế tự, dâng biếu, vào học, kết hôn, tu tạo, động thổ, đổi chỗ ở, mở chợ, chăn nuôi.	

1944 JUILLET SAMEDI 15	五月小 THÁNG NĂM NGÀY CANH-TH IN 25
--	--

H. Kim, s. Chi, tr. Thư. *Nên* : Tế tự, vào học, giao dịch, xuất hành.
Sợ phục

DIMANCHE 16	NGÀY TÂN-TI 26
-----------------------	--------------------------

H. Kim, s. Phòng, tr. Khai.
Nên : Tế tự, cầu phúc, cầu tài.

LUNDI 17	NGÀY NHÂM-NGO 27
--------------------	----------------------------

H. Mộc, s. Tâm, tr. Bế.
Nên : Cất nóc, kết hôn, cầu tự, trồng cây.

MARDI 18	NGÀY QUÝ-VỊ 28
--------------------	--------------------------

H. Mộc, s. VI, tr. Kiến.
Nên : Vào học, mở chợ, giao dịch, an táng.

MERCREDI 19	NGÀY GIÁP-THÂN 29
-----------------------	-----------------------------

H. Thủy, s. Cơ, tr. Trừ.
Nên : Mở kho, mở chợ, cầu tài.

JEUDI 20	六月大 THÁNG SÁU NGÀY ẤT-DẬU 1
--------------------	---

Kiến Tân-vị, h. Thủy, s. Đẩu, tr. Mãn.
Nên : Kết lưới, đi săn.

VENDBEDI 21	NGÀY BÌNH-TUẤT 2
-----------------------	----------------------------

H. Thổ, s. Ngưu, tr. Bình.
Nên : Xuất hành, giao dịch.

1944 JUILLET SAMEDI 22	六月大 THÁNG SÁU NGÀY ĐINH-HỢI 3
--	---

H. Thổ, s. Ngưu, tr. Định.
Nên : Đi săn, đánh cá.

DIMANCHE 28	NGÀY MẬU-TI 4
-----------------------	-------------------------

H. Hỏa, s. Hư, tr. Chấp.
Nên : Trồng cây, nuôi súc vật, may áo. Đại thử

LUNDI 24	NGÀY KỶ-SỬU 5
--------------------	-------------------------

H. Hỏa, s. Ngụy, tr. Phá.
Nguyệt kỵ
Mọi việc không nên.

MARDI 25	NGÀY CANH-DẦN 6
--------------------	---------------------------

H. Mộc, s. Thất, tr. Ngụy.
Nên : Giao dịch, xuất hành, kết hôn, cất nóc.

MERCREDI 26	NGÀY TÂN-MÃO 7
-----------------------	--------------------------

H. Mộc, s. Bính, tr. Thành. *Nên* : Tế tự, dâng biếu, vào học, kết hôn, họp bạn, nuôi súc vật, cầu tài.

JEUDI 27	NGÀY NHÂM-THÌN 8
--------------------	----------------------------

H. Thủy, s. Khê, tr. Thìn.
Nên : Tế tự, nạp tài, mở chợ, vào học, xuất hành, cầu tài, chăn nuôi súc vật.

VENDBEDI 28	NGÀY QUÝ-TY 9
-----------------------	-------------------------

H. Thủy, s. Lâu, tr. Khai.
Nên : Tế tự, vào học, an táng.

1944
JUILLET
SAMEDI
29

六月大
THÁNG SÁU
NGÀY GIÁP-NGỌ
10

H. Kim, s. Vị, tr. Bế.
Nên : Cất nóc, kết hôn, xuất hành.

DIMANCHE
30

NGÀY ẤT-VỊ
11

H. Kim, s. Mão, tr. Kiến.
Nên : Mở chợ, giao dịch, cầu phúc.

LUNDI
31

NGÀY BÌNH-THÂN
12

H. Hỏa, s. Tất, tr. Trừ. *Nên* : Tế tự, bộ tróc, mở kho, trồng cây.

1944
AOUT
MARDI
1

NGÀY ĐINH-ĐẬU
13

H. Hỏa, s. Chủy, tr. Mãn.
Nên : Tế tự, cầu phúc, sửa cửa nhà, đường xá.

MERCREDI
2

NGÀY MẬU-TUẤT
14

H. Mộc, s. Sâm, tr. Bình.
Nguyệt kỵ. Sát chủ
Mọi việc không nên

JEUDI
3

NGÀY KỶ-HỢI
15

H. Mộc, s. Tỉnh, tr. Định.
Nên : Tế tự, dâng biếu, đổi chỗ ở, giao dịch, kết hôn, lập khoán, nạp tài, cất nóc, chăn nuôi.

VENDREDI
4

NGÀY CANH-TÍ
16

H. Thổ, s. Quĩ, tr. Chấp
Nên : Nuôi súc vật, nạp tài.

1944
AOUT
SAMEDI
5

六月大
THÁNG SÁU
NGÀY TÂN-SỬU
17

H. Thổ, s. Liễu, tr. Phá.
Nên : Văn danh, họp bạn, kết hôn.

DIMANCHE
6

NGÀY NHÂM-DẦN
18

H. Kim, s. Tỉnh, tr. Nguy.
Nên : Hợp bạn, kết hôn, an sàng, mở chợ, lập khoán, giao dịch.

LUNDI
7

NGÀY QUÝ MÃO
19

H. Kim, s. Trùng, tr. Thành.
Nên : Mở kho, cần tài.

MARDI
8

NGÀY GIÁP-THÌN
20

H. Hỏa, s. Dực, tr. Thành.
Nên : Mở chợ, lập khoán, khai trường, vào học.
Lập thu

MERCREDI
9

NGÀY ẤT-TỶ
21

H. Hỏa, s. Chấn, tr. Thu.
Nên : Cầu tự, cầu phúc, cầu tài.

JEUDI
10

NGÀY BÌNH-NGỌ
22

H. Thủy, s. Giốc, tr. Khai.
Thụ tử
Các việc đều không nên

VENDREDI
11

NGÀY ĐINH-VỊ
23

H. Thủy, s. Cang, tr. Bế
Nguyệt kỵ
Các việc đều không nên

1 9 4 4	六 月 大
AOUT	THÁNG SÁU
SAMEDI	NGÀY MẬU-THÂN
12	24

H. Thổ, s. Đề, tr. Kiến.
Nên: Tế tự, dâng biếu, giá thú, xuất hành, họp bạn.

DIMANCHE	NGÀY KỶ-DẬU
13	25

H. Thổ, s. Phòng, tr. Trừ.
Nên: Cất nhà, kết hôn, vào học, họp bạn, an táng.

LUNDI	NGÀY CANH-TUẤT
14	26

H. Kim, s. Tâm, tr. Mãn.
 Sát chủ
Nên: trồng cây, chăn nuôi.

MARDI	NGÀY TÂN-HỢI
15	27

H. Kim, s. Vĩ, tr. Bình.
Nên: Mở chợ, vào học, dâng biếu.

MERCREDI	NGÀY NHÂM-TÍ
16	28

H. Mộc, s. Cơ, tr. Định.
Nên: Mở kho, cầu tài, cho vay.

JEUDI	NGÀY QUÝ-SỬU
17	29

H. Mộc, s. Đâu, tr. Chấp.
Nên: Tế tự, cầu tự, cầu phúc, động thổ, an táng.

VENDREDI	NGÀY GIÁP-DẦN
18	30

H. Thủy, s. Ngưu, tr. Phá.
Nên: Tế tự, họp bạn, săn bắn.

1 9 4 4	七 月 小
AOUT	THÁNG BẢY
SAMEDI	NGÀY ẤT-MÃO
19	1

Kiến Nhâm-thân H. Thủy, s. Nừ, tr. Ngự. *Nên*: Tế lễ, cầu phúc, mở chợ, nạp tài.

DIMANCHE	NGÀY BÍNH-THÌN
20	2

H. Thổ, s. Hư, tr. Thành.
Nên: Tế tự, cầu tài, cho vay.

LUNDI	NGÀY ĐINH-TI
21	3

H. Thổ, s. Ngoy, tr. Thu.
Nên: Tế tự, mở chợ, đổi chỗ ở, vào học, an sàng, kết hôn, họp bạn.

MARDI	NGÀY MẬU-NGỌ
22	4

H. Hỏa, s. Thất, tr. Khai.
Nên: Tế tự, dâng biếu, vào học, kết hôn, họp bạn, xuất hành, đổi chỗ ở.

MERCREDI	NGÀY KỶ-VỊ
23	5

H. Hỏa, s. Bích, tr. Bế.
 Nguyệt kỵ Xử thử
 Mọi việc không nên.

JEUDI	NGÀY CANH-THÂN
24	6

H. Mộc, s. Khuê, tr. Kiến.
Nên: Tế tự, cầu phúc, họp bạn, xuất hành.

VENDREDI	NGÀY TÂN-ĐẬU
25	7

H. Mộc, s. Lâu, tr. Trừ.
Nên: Hợp bạn, xuất hành, tu tạo, động thổ.

1944

ACUT

SAMEDI

26

H. Thủy s. Vị, tr. Mãn.

Nên: Hạp bạn, xuất hành,
cầu tự, cầu phúc.

七月小
THÁNG BẢY
NGÀY NHÂM-TUẤT

8

DIMANCHE

27

NGÀY QUÍ-HỢI

9

H. Thủy, s. Mão, tr. Bình. Nên: Kết
hôn, cất nhà, cầu tự, cầu tài.

LUNDI

28

NGÀY GIÁP-TÍ

10

H. Kim, s. Thất, tr. Định.

Nên: Tế tự, dâng biếu, kết hôn, giá
thú, xuất hành, săn bắn, đổi chỗ ở.

MARDI

29

NGÀY ẤT-SỬU

11

H. Kim, s. Chủy, tr. Chấp.

Thụ tử Sát chủ
Các việc không nên.

MERCREDI

30

NGÀY BÍNH-DẦN

12

H. Hỏa, s. Sâm, tr. Phá.

Nên: Mở chợ, hạp bạn, cầu tài.

JEUDI

31

NGÀY ĐINH-MÃO

13

H. Hỏa, s. Tí, tr. Ngụy. Nên: Tế tự,
dâng biếu, kết hôn, xuất hành, vào
học, động thổ, lập khoán, an táng.

1944

SEPTEMBRE

VENDREDI

1

H. Mộc, s. Quĩ, tr. Thành.

Nên: Săn bắn, mở kho, cầu tài.
Nguyệt kỵ

NGÀY MẬU-THÌN

14

1944
SEPTEMBRE

SAMEDI

2

H. Mộc, s. Liễu, tr. Thu.

Nên: Tế lễ, dâng biếu, kết hôn,
cất nóc, tu tạo, động thổ, giao
dịch, đổi chỗ ở, mở chợ.

七月小
THÁNG BẢY
NGÀY KỶ-TỊ

15

DIMANCHE

3

NGÀY CANH-NGO

16

H. Thổ, s. Tí, tr. Khai.

Nên: Vào học, an sàng, an táng

LUNDI

4

NGÀY TÂN-VỊ

17

H. Thổ, s. Trương, tr. Bế.

Nên: Cất nóc, kết hôn,
tu tạo.

MARDI

5

NGÀY NHÂM-THÂN

18

H. Kim, s. Dực, tr. Kiến. Nên: Tế tự,
dâng biếu, hạp bạn, đổi chỗ ở, xuất
hành, cất nóc, trị bệnh, chăn nuôi

MERCREDI

6

NGÀY QUÍ-DẬU

19

H. Kim, s. Chấn, tr. Trừ. Nên: Tế tự,
kết hôn, tu tạo, động thổ, an táng

JEUDI

7

NGÀY GIÁP-TUẤT

20

H. Hỏa, s. Giốc, tr. Mãn

Nên: Tế tự, hạp bạn, cầu tài,
vấn danh, trồng cây, chăn nuôi

VENDREDI

8

NGÀY ẤT-HỢI

21

H. Hỏa, s. Cang, tr. Mãn.

Nên: Tế tự, hạp bạn, kết hôn,
đổi chỗ ở, xuất hành.
Bạch lộ

Rue Tirand

Rue du Pont en Bois
Philharmonique

Imprimerie
Tonkinoise

Rue Fellerneau
Boulevard
Usine
d'électricité
Travaux
Publics
Rue

Rue
Rue Pottier

Avenue
de la Cathédrale

Jules A.F.I.M.A.

Boulevard

Mairie Tresor

Francis

Square Paul Bart

Postes

Chaux
Glacière

Banque
de
l'Indochine

Direction
des
Postes

Résidence
Supérieure

Bureaux
de la
Résidence
Hôtel
Métropole

Garnier

Bd. Henri-Rivière

Gurbet

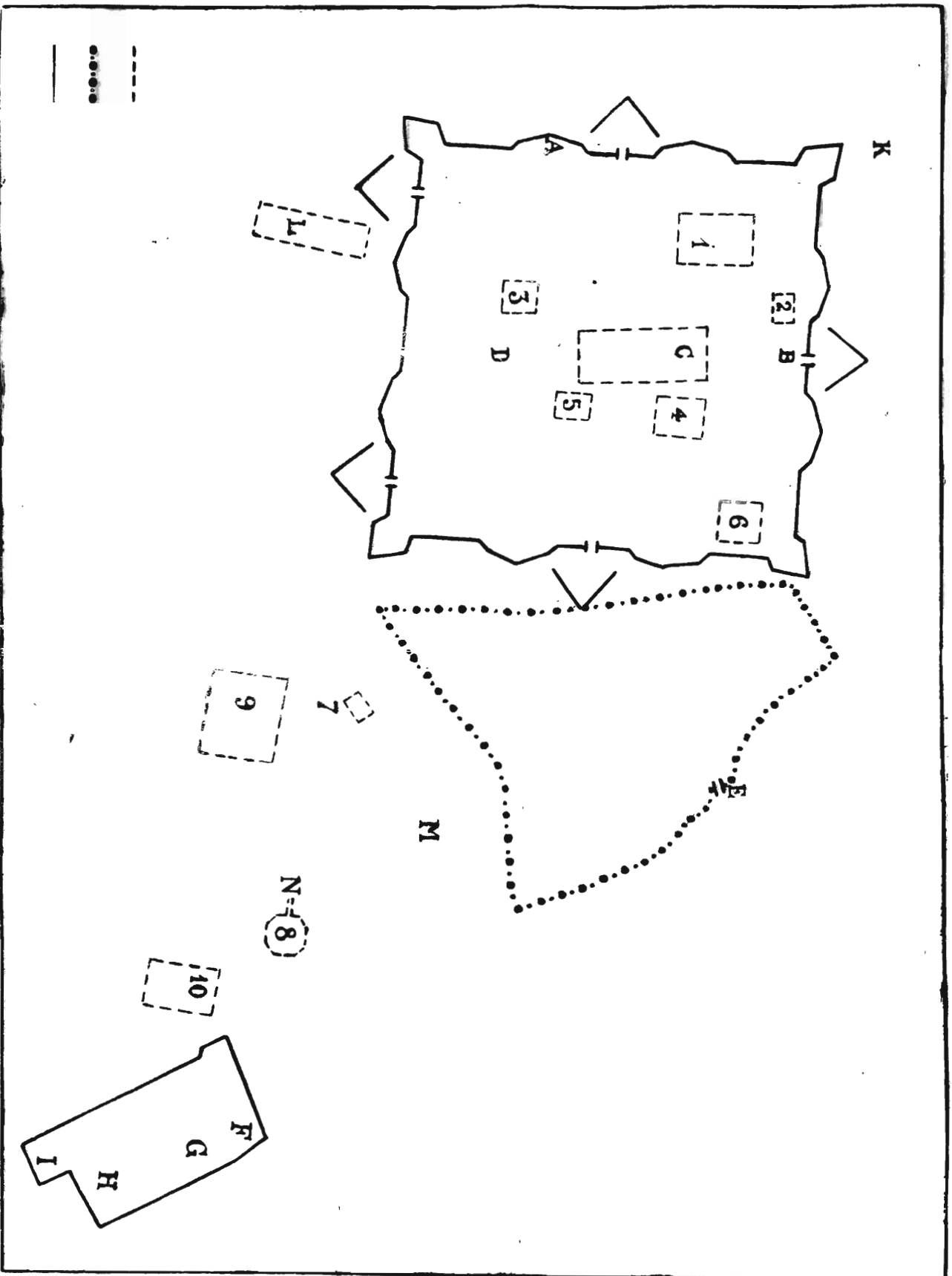
Douane

Rue

Paul

Bert

Temple
Rue de France



1944
SEPTEMBRE
SAMEDI

9

七月小
THÁNG BẢY
NGÀY BÍNH-TÍ

22

H. Thở, s. Đê, tr. Bình.
Nên: Mở kho, săn bắn, cầu tài,
sửa sang đường sá.

DIMANCHE

10

NGÀY ĐINH-SỬU

23

H. Thủy, s. Phòng, tr. Định.
Thụ tử. Sát chủ,
Nguyệt kỵ.
Các việc đều không nên.

LUNDI

11

NGÀY MẬU-DẦN

24

H. Thở, s. Tâm, tr. Chấp.
Nên: Lập khoán, vào học.

MARDI

12

NGÀY KỶ-MÃO

25

H. Thở, s. Vĩ, tr. Phá.
Nên: Hợp bạn, xuất hành,
cầu tự, cầu phúc.

MERCREDI

13

NGÀY CANH-THÌN

26

H. Kim, s. Cơ, tr. Nguy. Nên: Tế
tự, dâng biếu, kết hôn, hợp bạn,
đổi chỗ ở, an sàng, cầu tài.

JEUDI

14

NGÀY TÂN-TÝ

27

H. Kim, s. Đầu, tr. Thành.
Nên: Tế tự, mở chợ, mở cửa
hàng, cầu tài.

VENDREDI

15

NGÀY NHÂM-NGỌ

28

H. Mộc, s. Ngưu, tr. Thu.
Nên: Tế tự, trồng cây.

1944
SEPTEMBRE
SAMEDI

16

七月小
THÁNG BẢY
NGÀY QUÝ-VỊ

29

H. Mộc, s. Nữ, tr. Khai.
Nên: Tế tự, tu tạo,
an táng.

DIMANCHE

17

八月大
THÁNG TÁM
NGÀY GIÁP-THÂN

1

Kiến Quý-dậu H. Thủy, s. Hư, tr. Bế.
Nên: Tế tự, tu tạo, xuất hành,
cất nhà, chăn nuôi, an táng.

LUNDI

18

NGÀY ẤT-DẬU

2

H. Thủy, s. Hư, tr. Bế.
Nên: Tế tự, cầu phúc, cầu tài.

MARDI

19

NGÀY BÍNH-TUẤT

3

H. Thở, s. Thất, tr. Trừ.
Nên: Tế tự, xuất hành, mộc dục,
nuôi súc vật.

MERCREDI

20

NGÀY ĐINH-HỢI

4

H. Thở, s. Bích, tr. Mão.
Sát chủ
Các việc không nên.

JEUDI

21

NGÀY MẬU-TÝ

5

H. Hỏa, s. Khuê, tr. Bình.
Nguyệt kỵ.
Nên: Sửa sang đường sá.

VENDREDI

22

NGÀY KỶ-SỬU

6

H. Hỏa, s. Lâu, tr. Định.
Nên: Mở kho, mở chợ, săn bắn.

1944	八月大
SEPTEMBRE	THÁNG TÂM
SAMEDI	NGÀY CANH-DÂN
23	7

H. Mộc, s. Vị, tr. Chấp.
 Nên : Tế tự, mộc dục,
 cầu phúc, cầu tài. Thu phân

DIMANCHE	NGÀY TÂN-MÃO
24	8

H. Mộc, s. Mão, tr. Phá. Nên : Cầu
 tự, cất nhà, kết hôn, cầu tài.

LUNDI	NGÀY NHÂM-THÌN
25	9

H. Thủy, s. Tất, tr. Nguy.
 Nên : Tế tự, cất nhà,
 kết hôn.

MARDI	NGÀY QUÝ-TỊ
26	10

H. Thủy, s. Chủy tr. Thành.
 Nên : Tế tự, dâng biếu, họp bạn,
 vào học, kết hôn, đổi chữ ở, tu
 lạo, động thổ, mở chợ, lập khoán.

MERCREDI	NGÀY GIÁP-NGO
27	11

H. Kim, s. Lâu, tr. Thu. Nên : Tế tự,
 vào học, mở chợ, giao dịch.

JEUDI	NGÀY ẤT-VỊ
28	12

H. Kim, s. Tỉnh, tr. Khai.
 Nên : Tế tự, kết hôn, họp bạn, đổi
 chỗ ở, nuôi súc vật, xuất hành.

VENDREDI	NGÀY BÍNH-THÂN
29	13

H. Hỏa, sao Quỷ, tr. Bế.
 Nên : Tế tự, trồng cây, lập khoán,
 sửa đường sá.

1944	八月大
SEPTEMBRE	THÁNG TÂM
SAMEDI	NGÀY ĐINH-DẬU
30	14

H. Hỏa, s. Liễu, tr. Kiến.
 Nguyệt kỵ
 Nên : Tế lễ, khai quang.

1944	
OCTOBRE	
DIMANCHE	NGÀY MẬU-TUẤT
1	15

H. Mộc, s. Tinh, tr. Trừ. Nên : Tế tự,
 cầu phúc, cất nhà, kết hôn.

LUNDI	NGÀY KỶ-HỢI
2	16

H. Mộc, s. Trương, tr. Mãn. Sát chủ
 Nên : Xuất hành, đổi, chỗ ở,
 buôn bán.

MARDI	NGÀY CANH-TÍ
3	17

H. Thổ, s. Dục, tr. Bình.
 Nên : Tế tự, kết hôn,
 xuất hành, cầu tài.

MERCREDI	NGÀY TÂN-SỬU
4	18

H. Thổ, s. Chấn, tr. Định. Nên : Tu
 tạo, bộ tróc, săn bắn, khai trương.

JEUDI	NGÀY NHÂM-DÂN
5	19

H. Kim, s. Dốc, tr. Chấp.
 Nên : Tế tự, cầu tự
 cầu phúc.

VENDREDI	NGÀY QUÝ-MÃO
6	20

H. Kim, s. Cang, tr. Phá.
 Nên : Vãn danh, cầu tự,
 cầu tài.

1944 OCTOBRE SAMEDI 7	八月大 THÁNG TÁM NGÀY GIÁP-THÌN 21
H. Hỏa, s. Đê, tr. Nguy. Nên: Hộp bạn, xuất hành, tu tạo, vào học.	
DIMANCHE 8	NGÀY ẤT-TÌ 22
H. Hỏa, s. Phòng, tr. Nguy. Nên: Tế tự, dâng biểu, xuất hành, Hàn-lộ	
LUNDI 9	NGÀY BÍNH-NGO 23
H. Thủy, s. Tâm, tr. Thành. Nguyệt ky. Nên: Tế lễ, hộp bạn.	
MARDI 10	NGÀY ĐINH-VỊ 24
H. Thủy, s. Vĩ, tr. Thu Thụ tử Mọi việc không nên.	
MERCREDI 11	NGÀY MẬU-THÂN 25
H. Thổ, s. Cơ, tr. Khai. Nên: Tế tự, kết hôn, vào học, cất nóc, hộp bạn.	
JEUDI 12	NGÀY KỶ-DẬU 26
H. Thổ, s. Đẩu, tr. Bế. Nên: Hộp bạn, xuất hành, sửa đường sá.	
VENDREDI 13	NGÀY CANH-TUẤT 27
H. Kim, s. Ngưu, tr. Kiến. Nên: Tế tự, hộp bạn, xuất hành, đổi chỗ ở, chăn nuôi súc vật, tu tạo,	

1944 OCTOBRE SAMEDI 14	八月大 THÁNG TÁM NGÀY TÂN-ĐỢI 28
H. Kim, s. Nữ, tr. Trừ. Nên: Tế tự, dâng biểu, xuất hành, đổi chỗ ở, hộp bạn, cất nhà.	
DIMANCHE 15	NGÀY NHÂM-TÍ 29
H. Mộc, s. Hư, tr. Mãn. Nên: Tế lễ, mở chợ, tu tạo, sửa đường sá.	
LUNDI 16	NGÀY QUÝ-SỬU 30
H. Mộc, s. Nguy, tr. Bình. Nên: Tu tạo, kết hôn, động thổ.	
MARDI 17	九月大 THÁNG CHÍN NGÀY GIÁP-DẦN 1
KIẾN Giáp tuất. H. Thủy, s. Thất, tr. Đinh. Thụ tử Các việc đều không nên	
MERCREDI 18	NGÀY ẤT-MÃO 2
H. Thủy, s. Bích, tr. Chấp. Nên: Tế tự, săn bắn.	
JEUDI 19	NGÀY BÍNH-THÌN 3
H. Thổ, s. Khuê, tr. Phá. Nên: Tế tự, cất nhà, an táng.	
VENDREDI 20	NGÀY ĐINH-TÌ 4
H. Thổ, s. Lâu, tr. Nguy. Nên: Tế tự, an sàng, hộp bạn, xuất hành.	

1944
OCTOBRE
SAMEDI

21

九月大
THÁNG CHÍN
NGÀY MẬU-NGO

5

H. Hỏa, s. Vị, tr. Thành.
Sát chủ Nguyệt kỵ
Các việc đều không nên

DIMANCHE

NGÀY KỶ-VỊ

22

6

H. Hỏa, s. Mão, tr. Thu.
Nên : Hạp bạn, xuất hành,
tu tạo, kết hôn.

LUNDI

NGÀY CANH-THÂN

23

7

H. Mộc, s. Tất, tr. Khai.
Nên : Tế tự, vào học, xuất hành,
đổi chỗ ở. Sương giáng

MARDI

NGÀY TÂN-DẬU

24

8

H. Mộc, s. Chủy, tr. Bế.
Nên : Tế tự, tu tạo, đắp đường
sá, cầu tài.

MERCREDI

NGÀY NHÂM-TUẤT

25

9

H. Thủy, s. Sâm, tr. Kiến.
Nên : Tế lễ, dâng biếu, kết hôn,
hạp bạn, xuất hành, mở chợ,
giao dịch.

JEUDI

NGÀY QUÝ-HỢI

26

10

H. Thủy, s. Tỉnh, tr. Trừ.
Nên : Mở chợ, hạp bạn
xuất hành, cầu tài.

VENREDI

NGÀY GIÁP-TÍ

27

11

H. Kim, s. Quý, tr. Mão.
Nên : Tế tự, cầu phúc, cầu tài.

1944
OCTOBRE
SAMEDI

28

九月大
THÁNG CHÍN
NGÀY ẤT-SỬU

12

H. Kim, s. Liễu, tr. Đinh.
Nên : Hạp bạn, xuất hành,
tu tạo.

DIMANCHE

NGÀY BÍNH-DẦN

29

13

H. Hỏa, s. Tỉnh, tr. Đinh.
Thụ tử
Mọi việc không nên.

LUNDI

NGÀY ĐINH-MÃO

30

14

H. Hỏa, s. Trương, tr. Chấp.
Nguyệt kỵ.
Các việc không nên

MARDI

NGÀY MẬU-THÌN

31

15

H. Mộc, s. Dực, tr. Phá.
Nên : Tế tự, cầu tự, săn bắn, cầu
phúc, nạp tài, chăn súc-vật.

1944
NOVEMBRE
MERCREDI

1

NGÀY KỶ-TỊ

16

H. Mộc s. Chấn, tr. Ngụy. Nên : Tế
tự, kết hôn, cất nóc, an sàng.

JEUDI

NGÀY CANH-NGO

2

17

H. Thổ, s. Dốc, tr. Thành.
Sát chủ Nên : Vào học,
kết hôn, hạp bạn, dựng nhà.

VENREDI

NGÀY TÂN-VỊ

3

18

H. Thổ, s. Cang, tr. Thu.
Nên : Mở chợ, kết hôn, cất nhà,

1944
NOVEMBRE
SAMEDI

4

H. Kim, s. Đề, tr. Khai.
Nên: Tế tự, cầu phúc.

九月大
THÁNG CHÍN
NGÀY NHÂM-THÂN

19

1944
NOVEMBRE
SAMEDI

11

H. Thổ, s. Nữ, tr. Định.
Nên: Tế lễ dâng biếu xuất hành, đổi chỗ ở, kết hôn, hợp bạn, tu tạo, động thổ, lập khoán, chă nuôi.

九月大
THÁNG CHÍN
NGÀY KỶ-MÃO

26

DIMANCHE

5

H. Kim, s. Phòng, tr. Bế.
Nên: Cất nóc, hợp bạn, cầu tài.
Lập đông

NGÀY QUÝ-DẬU

20

DIMANCHE

12

H. Kim, s. Hư, tr. Chấp.
Nên: Hợp bạn, mở chợ, cầu phúc, vấn danh.

NGÀY CANH-THÌN

27

LUNDI

6

H. Hỏa, s. Tâm, tr. Kiến.
Nên: An sàng, cầu tự, trồng cây.

NGÀY GIÁP-TUẤT

21

LUNDI

13

H. Kim, s. Ngụy, tr. Phá.
Nên: Xuất hành, hợp bạn, cầu tài, cầu phúc.

NGÀY TÂN-TỊ

28

MARDI

7

H. Hỏa, s. Nữ, tr. Kiến.
Nên: Tế tự, hợp bạn, cầu tài.

NGÀY ẤT-HỢI

22

MARDI

14

H. Mộc, s. Nhựt, tr. Ngụy.
Sát chủ Nên: Phạt mộc, đi s n.

NGÀY NHÂM-NGO

29

MERCREDI

8

H. Thủy, s. Cơ, tr. Trừ.
Nguyệt kỵ Mọi việc không nên

NGÀY BÍNH-TÍ

23

MERCREDI

15

H. Mộc, s. Bích, tr. Thành.
Nên: Tế tự, săn bắn, kiếm cá.

NGÀY QUÝ-VỊ

30

JEUDI

9

H. Thủy, s. Dần, tr. Mão.
Nên: Vào học, xuất hành, cầu tự, cầu tài.

NGÀY ĐINH-SỬU

24

JEUDI

16

Kiến Ất-hợi. H. Thủy, s. Khê, tr. Thìn. Nên: Tế tự, Thụ-tử

十月小
THÁNG MƯỜI
NGÀY GIÁP-THÂN

1

VENDBREDI

10

H. Thổ, s. Ngụy, tr. Bình.
Thụ tử
Mọi việc không nên.

NGÀY MẬU-DẦN

25

VENDBREDI

17

H. Thủy, s. Lân, tr. Khai.
Nên: Tế tự, cầu phúc.
Sát chủ

NGÀY ẤT-DẬU

2

1944
NOVEMBRE
SAMEDI
18

十月木
THÁNG MƯỜI
NGÀY BÌNH-TUẤT
3

H. Thồ, s. Vị, tr. Bể. *Nên* : Hạp
bạn, xuất hành, cắt tóc, kết hôn.

DIMANCHE | NGÀY ĐINH-HỢI
19 | **4**

H. Thồ, s. Mão, tr. Kiến.
Nên : Tế tự, cầu tự,
cầu phúc, nạp tài.

LUNDI | NGÀY MẬU-TÍ
20 | **5**

H. Hỏa, s. Tất, tr. Trừ.
Nguyệt kỵ
Các việc không nên.

MARDI | NGÀY KỶ-SỬU
21 | **6**

H. Hỏa, s. Chủy, tr. Mão. *Nên* : Sửa
cửa nhà, đắp đường sá, mở chợ.

MERCREDI | NGÀY CANH-DẦN
22 | **7**

H. Mộc, s. Sâm, tr. Bình.
Nên : Cầu tự, cắt tóc, kết hôn, đổi
chỗ ở, tu tạo, động thổ.

JEUDI | NGÀY TÂN-MÃO
23 | **8**

H. Mộc, s. Tỉnh, tr. Đinh.
Nên : Kết hôn, giá thú, hạp bạn,
xuất hành, chăn nuôi, an táng.

VENDBEDI | NGÀY NHÂM-THÌN
24 | **9**

H. Thủy, s. Quý, tr. Chấp.
Nên : Dâng biểu, săn bắn, kiếm cá,

1944
NOVEMBRE
SAMEDI
25

十月木
THÁNG MƯỜI
NGÀY QUÍ-TỊ
10

H. Thủy, s. Liễu, tr. Phá. *Nên* : Tế
lễ, đổi chỗ ở, dỡ nhà, phá tường.

DIMANCHE | NGÀY GIÁP-NGO
26 | **11**

H. Kim, s. Tỉnh, tr. Ngụy.
Nên : Tế tự, cầu phúc, kết hôn, giao
dịch, lập khoán, tu tạo, động thổ.

LUNDI | NGÀY ẤT-VỊ
27 | **12**

H. Kim, s. Trương, tr. Thành.
Nên : Tế lễ, vào học, kết hôn, hạp
bạn, dựng cột, cắt tóc, tu tạo, lập
khoán, mở chợ, động thổ, xuất hành.

MARDI | NGÀY BÌNH-THÂN
28 | **13**

H. Hỏa, s. Dực, tr. Thu.
Thụ tử Các việc không nên

MERCREDI | NGÀY ĐINH-LẬU
29 | **14**

H. Hỏa, s. Chấn, tr. Khai.
Nguyệt kỵ. Sát chủ

JEUDI | NGÀY MẬU-TUẤT
30 | **15**

H. Mộc, s. Dốc, tr. Bể.
Nên : May áo, trồng cây, cầu tài,

VENDBEDI
1944
DÉCEMBRE
1

Ngày KỶ-HỢI
16

H. Thủy, s. Nữ, tr. Ngụy.
Nên : Vào học, mở chợ, cầu tài.

1944	十月小
DÉCEMBRE	THÁNG MƯỜI
SAMEDI	NGÀY CANH-TÍ
2	17

H. Thổ, s. Đê, tr. Trừ.
Nên : Tế tự, dâng biếu, họp bạn, kết hôn, đổi chỗ ở, trị bệnh, an táng.

DIMANCHE	NGÀY TÂN-SỬU
3	18

H. Thổ, s. Phòng, tr. Mãn.
Nên : Tế tự, kết hôn, cất nhà.

LUNDI	NGÀY NHÂM-DẦN
4	19

H. Kim, s. Tâm, tr. Bình.
Nên : Tế tự, mở chợ, cầu tài, giá thú, đổi chỗ ở, tu tạo, động thổ.

MARDI	NGÀY QUÝ-MÃO
5	20

H. Kim, s. Vĩ, tr. Định.
Nên : Kết hôn, họp bạn, xuất hành, đổi chỗ ở, giao dịch, tu tạo, động thổ.

MERCREDI	NGÀY GIÁP-THÌN
6	21

H. Hỏa, s. Cơ, tr. Chấp. *Nên* : Tế tự, mở kho, săn bắn, kiếm cá.

JEUDI	NGÀY ẤT-TỊ
7	22

H. Hỏa, s. Đẩu, tr. Chấp. *Nên* : Tế tự, trồng cây, nuôi súc vật.

VENDREDI	NGÀY BÍNH-NGO
8	23

H. Thủy, s. Ngưu, tr. Phá.
 Nguyệt kỵ
 Các việc không nên.

1944	十月小
DÉCEMBRE	THÁNG MƯỜI
SAMEDI	NGÀY ĐINH-VỊ
9	24

H. Thủy, s. Nữ, tr. Ngụy.
Nên : Vào học, mở chợ, cầu tài.

DIMANCHE	NGÀY MẬU-THÂN
10	25

H. Thổ, s. Hư, tr. Thành.
Nên : Vào học, mở chợ, mở kho, kết hôn, lập khoán.

LUNDI	NGÀY KỶ-DẬU
11	26

H. Thổ, s. Ngụy, tr. Thu.
Nên : Tắm gội, săn bắn.
 Sát chủ

MARDI	NGÀY CANH-TUẤT
12	27

H. Kim, s. Thất, tr. Khai.
Nên : Tế tự, vào học, họp bạn, động thổ, tu tạo, đào giếng, khai cử.

MERCREDI	NGÀY TÂN-HỢI
13	28

H. Kim, s. Bính, tr. Bế. *Nên* : Tu-tạo, động thổ, cất nhà, kết hôn.

JEUDI	NGÀY NHÂM-TÍ
14	29

H. Mộc, s. Khuê, tr. Kiến. *Nên* : Cầu tự, cầu tài, an sàng, làm bếp.

	十一月大
	THÁNG 11
VENDREDI	NGÀY QUÝ-SỬU
15	1

Kiến Bính-tí, h. Mộc, s. Lâu, tr. Trừ.
Nên : Tế tự, dâng biếu, kết hôn, họp bạn, lập khoán, xuất hành, mở chợ, tu tạo.

1944
DÉCEMBRE

SAMEDI

16

+ 一月大
THÁNG 11

NGÀY GIÁP-DẦN

2

H. Thủy s. Vị, tr. Mãn.

Nên: Dâng biểu, vào học, cầu tài.

Sát chủ

DIMANCHE

NGÀY ẤT-MÃO

17

3

H. Thủy, s. Mão, tr. Bình.

Thụ tử

Mọi việc không nên.

LUNDI

NGÀY BÍNH-THÌN

18

4

H. Thổ, s. Tắt, tr. Định.

Nên: Tế lễ, dâng biểu, kết hôn, lập khoán, giao dịch.

MARDI

NGÀY ĐINH-TI

19

5

H. Thổ, s. Chủy, tr. Định.

Nên: Tế lễ, dâng biểu, kết hôn, lập khoán, giao dịch.

MERCREDI

NGÀY MẬU-NGO

20

6

H. Hỏa, s. Sâm, tr. Phá.

Nên: Trồng cây, nuôi súc vật, cầu tài.

JEUDI

NGÀY KỶ-VỊ

21

7

H. Hỏa, s. Tỉnh, tr. Nguy. Nên: Kết hôn, cầu tự, cất nhà, cầu tài.

VENREDI

NGÀY CANH-THÂN

22

8

H. Mộc, s. Quĩ, tr. Thành.

Nên: Vào học, cất nhà, chăn nuôi, an táng, Đông chí.

1944
DÉCEMBRE

SAMEDI

23

+ 一月大
THÁNG 11

NGÀY TÂN-DẬU

9

H. Mộc, s. Liễu, tr. Thu.

Nên: Mở kho, sắm bần, cầu tài.

DIMANCHE

NGÀY NHÂM-TUẤT

24

10

H. Thủy, s. Tinh, tr. Khai.

Nên: Tế tự, vào học, kết hôn, họp bạn, tu tạo, xuất hành.

LUNDI

NGÀY QUÝ-HỢI

25

11

H. Thủy, s. Trương, tr. Bế.

Nên: Văn danh, an sàng, làm bếp.

MARDI

NGÀY GIÁP-TI

26

12

H. Kim, s. Dực, tr. Kiến.

Nên: Tu tạo, cất nhà.

MERCREDI

NGÀY ẤT-SỬU

27

13

H. Kim, s. Chấn, tr. Trừ.

Nên: Tế tự, cầu phúc, kết hôn, dời chỗ ở, tu tạo, động thổ, lập khoán, giao dịch.

JEUDI

NGÀY BÍNH-DẦN

28

14

H. Hỏa, s. Giốc, tr. Mãn

Nguyệt kỵ.

VENREDI

NGÀY ĐINH-MÃO

29

15

H. Hỏa, s. Cang, tr. Bình.

Nên: Tế lễ, sửa đắp đường xá.

1944
DÉCEMBRE

SAMEDI

30

十一月大
THÁNG 11

Ngày Mậu-Thìn

16

H. Mộc, s. Đê, tr. Định.

Nên : Tế tự, dâng biếu, kết hôn,
hợp bạn, tu tạo, xuất hành, lập
khoán, giao dịch, động thổ.

1944
DÉCEMBRE

DIMANCHE

31

十一月大
THÁNG 11

Ngày Kỷ-Tị

17

H. Mộc, s. Phòng, tr. Chấp.

Nên : Tế tự, săn bắn,
mở kho.

LỊCH TÂN-NAM

Là một tập sách phổ thông đăng đủ các mục cần-thiết cho quốc-dân, không ai là không phải tra đến. Ngoài phần âm-lịch và dương-lịch thì năm nào riêng năm ấy không kể, còn những bài khác không năm nào giống năm nào cả. Bởi vậy, dù là lịch cũ, bao giờ dùng cũng vẫn thích-thời mãi. Duy về pháp luật thường thức, hễ có điều nào sửa đổi lại, thí-dụ như thuế trước-bạ chẳng hạn, thì năm sau bản-xã lại báo độc-giả biết ngay. Ai đã đọc *Tân-Nam-Lịch* thì nên có đủ bộ, nghĩa là từ năm Tân-tị (1941) là năm bắt đầu xuất-bản trở đi : mỗi năm *Lịch-Tân-Nam* xuất-bản hàng vạn cuốn mà không đủ bán, năm nào cũng phải tái-bản hai ba lần.

Giá lịch các năm cũ bán như sau này :

Năm Tân-Tị, năm Nhâm-Ngọ :

0\$50

Năm Quý-Vị :

0.80

Dù là lịch cũ, giá bán cũng không hạ. Duy ngài nào mua lịch năm nay mà muốn mua lịch cũ, hễ gửi kèm cái phiếu in, cắt ở trên kia ra thì được trừ 30 o/o.

Lịch các năm cũ đăng những bài gì, xin tóm lược như sau này :

Năm Tân-Tị

Pháp-luật thường-thức. — *Tư-pháp bổ-trợ*. — *Cách xin thế nào*. — *Những điều người ta thường lầm trong việc Nam án*. — *Kháng án và kháng cáo khác nhau thế nào*. — *Việc thi-hành án*. — *Thủ-tiên nguyên-án*. — *Tái-thẩm*. — *Tiên-án và thu-hồi nguyên-án*.

— *Việc sinh-tử, giá-thủ ở ba kỳ khác nhau thế nào*.

— *Thẻ căn-cước*.

— *Cách dùng tin-chỉ và tem* — *Lệ trước-bạ*.

Cách chữa rắn cắn, rết cắn, xem *Tân-Nam-Lịch* năm Tân-tị

Xã giao. — Mời khách ngồi ó-tô thế nào. — Y-phục Âu-tây. — Bắt tay — Danh-thiệp.

— Những bài thuốc kinh-nghiệm.

— Trang phụ-nữ. — Cách giữ gìn thân-thể. — Sắc đẹp.

— Thể-thao của phụ-nữ. — Luật đi đường. — Vệ-sinh. — Thú-u.

Bệnh truyền-nhiễm các gia-súc. — Việc giết thịt và khám thịt. — Việc chăn nuôi loài vật. — Cách thiến súc-vật.

Những nơi thắng-cảnh ở Đông-dương, vân-vân.

Năm Nhâm-Ngo

Cách tìm ngày, tháng, năm dương-lịch ra âm-lịch và âm-lịch ra dương-lịch

— Phép cân, đo, lường ta đối chiếu với phép cân, đo, lường tây.

— Biểu kê giá-ngạch thuế thân An-nam tại Bắc-kỳ.

— Xã-giao : Cách đề danh-thiệp mời ăn. — Cách đề giấy báo tin hiếu hi, giấy tạ ơn. — Phấn biếu.

— Những việc giao-dịch với các nhà ga xe-lửa : Vé hành-khách. — Đánh giấy-thếp trên xe-lửa thế nào. — Hành-lý lỡ quên trên xe-lửa, phải làm thế nào. — Cách thức gửi hàng-hóa.

— Lời chỉ-bảo của docteur : Các bệnh nào chữa lấy được, bệnh nào phải mời thầy-thuốc ngay.

— Mấy cách phòng-thủ thu-dộng về không-chiến.

— Hướng-dạo.

— Luật thường thức về thương-chính : Hiếu-lực của tờ biên-bản do các viên-chức thương-chính làm. — Những giờ nào thương-chính được phép khám nhà. — Số tiền phạt. — Thế nào là một tội thành ba. — Những trường-hợp nào bị phạt. — Những điều nên tránh. — Tại sao điều-đinh với thương-chính có lợi hơn là theo kiện.

— Nhĩ đồng : Cái chai biết tắt lửa. — Quĩ biết động-dậy. — Tự làm lấy phong-vũ biếu — Chụp hình bằng nển. — Nhảy dù. — Bóng đèn có ma. — Mấy trò quĩ-thuật.

— Nông vi bản : Cách trồng khoai-tây. — Cách dùng bèo hoa-dầu.

— Phép chọn trâu cày. — Những cách lừa dối của lái trâu.

— Thương-thức : Cách thử trứng tốt xấu. — Cách rửa các đồ dùng trong nhà. — Cách thử nấm, thử mật-ong, vân vân.

— Pháp-luật thường-thức : Theo nghĩa pháp-luật, thế nào là công-chính

Cách chữa hôi nách, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

chứng-thư, là tự-thư chứng-thư. — Lỗi làm các chứng-thư thế nào. — Quyền hạn của lý-trưởng hay phó-trưởng trong việc làm các chứng-thư thế nào. — Chứng-thư phải làm bằng chữ gì ?

— Trong thời-kỳ đại tang, con cái có thể kết-hôn được không ?

— Chúc-thư phải lập theo cách nào mới hợp lệ ? Nếu không có chúc-thư thì ai được hưởng di-sản ? Quyền của người vợ góa thế nào ?

— Địa-vị của người dân-bà có chồng đối với pháp luật thế nào ? Nói về sự vô tư cách của dân-bà có chồng. Những việc gì không do chồng cho phép thì dân-bà không được tự ý làm ?

— Tại làm sao mảnh vé xe-lửa lượt về, đem cho hay bán cho người khác lại phải phạt ?

— Cách xin phục-quyền thế nào ?

— Thế nào là án treo ?

— Tại ngoại hậu-cử.

— Việc xin tạm tha.

Năm Quí-Mù

Pháp-luật thường-thức. — Tiều doanh điền. — Những miễn nào được xin khản đất hoang. — Những người nào được xin khản đất. — Thế lệ xin khản thế nào. — Mẫu đơn xin khản đất. — Nói về tội oa-tàng. — Thế nào mới thành phạm tội tông-phạm về oa-tàng ? — Mấy đạo án vì tội tông-phạm oa-tàng. — Luật thuê nhà (nguyên đạo sắc-lệnh ngày 13 Mai 1942 về luật thuê nhà tại Đông-dương) ; Định giá tiền thuê. — Quyền gia hạn. — Quyền lấy lại nhà. — Thủ-tục. — Lệ khai sinh tử, giá thú của nhân-dân tại những làng Hà-dòng mới sáp-nhập vào địa-phận thành-phố Hanoi. — Lệ dùng tin-chỉ và lệ trước-ba sửa đổi lại. — Thuế đăng-bạ điền thổ.

Cách giao-dịch với sở Bru-diện. — Gửi thư. — Gửi danh-thiếp. — Điện báo. — Bru-diện.

Lời chỉ bảo của Docteur. — Cách phòng và cách chữa mấy chứng bệnh của trẻ-con. — Mấy cách chữa ghẻ.

Trang phụ-nữ. — Bếp nước. — Vá may. — Bận gái làm thế nào được trẻ lâu. — Cách lau-chùi đồ vật trong nhà. — Đánh đồ gỗ, đồ ngà, đồ bạc, đồ đồng, ván ván.

Khoa-học. — Các giống người trên hoàn-cầu. — Phép nuôi gà ta, gà táy.

Xã-giao. — Bồn phạn khách đi thăm. — Đồ mừng, đồ phúng.

Cách chữa rám-má và tàn-hương, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

Tục so đôi tuổi trong việc giá-thú

Việc giá-thú của ta xưa kia có nhiều điều, lấy óc khoa-học ngày nay mà xét, không khỏi cho là mê-tin hay quá câu-nệ, tức như việc so đôi tuổi. Nhưng ta chờ nên với chế và hà-trách cổ-nhân, ta nên xét thấu cái vi-ý của cổ-nhân đối với một việc quan-trọng như việc hôn-thú này thế nào, ta sẽ thấy rõ chỗ thận-trọng, linh-vi trong sự dựng vợ gả chồng là một việc mà cổ-nhân cho là nguồn-gốc của phong-hóa. Tác-hợp cho trai gái kết nên vợ chồng, điều chú-trọng của cổ-nhân là ở sự tự-tục, nghĩa là sinh con đẻ nối dõi tông-đường, tiếp nối hương-hỏa về lâu dài. Vì mối quan-hệ ấy, hai bên đối với nhau, về tài-dức đã phải so-sánh kén-chọn rất kỹ càng, ngoài ra đến cả những cái có liên-thuộc về việc hôn-nhân, cũng không dám cẩu-thả coi thường, đều phải xem-xét, có xứng-hợp rồi mới dám làm. Việc so đôi tuổi, ấy là một việc lâu ngày thành tục, ai nấy tin rằng lấy vợ lấy chồng cần phải so đôi tuổi xem có hợp thì mới lấy, hễ không hợp thì về sau vợ chồng ở với nhau không được chu-toàn.

Muốn so đôi tuổi, cần phải xem những điều sau này :

Ngũ-hành tương-sinh là hợp, là tốt :

Kim sinh thủy — Thủy sinh mộc — Mộc sinh hỏa — Hỏa sinh thổ — Thổ sinh kim.

Ngũ-hành tương-khắc là không hợp, là xấu :

Kim khắc mộc — Mộc khắc thổ — Thổ khắc thủy — Thủy khắc hỏa — Hỏa khắc kim

Ngoài ngũ-hành sinh khắc như trên đã kể, lại phải xem hành của chồng mà sinh hành của vợ thì gọi là sinh-xuất, hành của vợ mà sinh hành của chồng thì gọi là sinh-nhập. Khắc cũng thế. Chồng khắc vợ là khắc-xuất, vợ khắc chồng là khắc-nhập. Sinh-nhập thì thật là tốt, sinh-xuất thì là liết-khí hơi kém. Khắc-xuất thì xấu, nhưng còn tiếm được. Khắc-nhập thì thật là xấu, không nên lấy nhau. Còn như vợ chồng cùng một hành thì là tị-hòa. Tị-hòa cũng có thể dung được.

Mỗi hành lại chia làm mấy thứ, như hành hỏa thì có Tích-lực hỏa (lửa sấm sét) với Thiên-thượng hỏa (lửa trên trời) hai thứ cùng dữ-dội, hai thứ ấy là hỏa diệt, không thể đi được với nhau. Vậy nên nhớ những câu này :

Lưỡng mộc mộc chiết ; lưỡng kim kim khuỷt ; lưỡng hỏa hỏa diệt ; lưỡng thủy thủy kiệt ; lưỡng thổ thổ liệt.

Trái lại, lại có những thể cùng hành lại dung nhau được, như phù-dưỡng hỏa (lửa đèn) với sơn-hạ hỏa (lửa dưới núi) phải nhờ lẫn nhau mới sáng. Vậy nên nhớ những câu :

Lưỡng hỏa thành viêm ; lưỡng mộc thành lâm ; lưỡng thủy thành xuyên ; lưỡng thổ thành sơn ; lưỡng kim thành khí.

BẢNG-LẬP THÀNH ĐỀ SO ĐÔI TUỔI VỢ CHỒNG THEO NGŨ HÀNH KHẮC HỢP

1-) Chồng kim vợ kim, hai kim lấy nhau, sinh đẻ không lợi, hay cãi nhau, có khi phải lìa nhau.

2-) Chồng kim vợ mộc, thì kim khắc mộc (khắc xuất) đời rết đắng cay, chồng nam vợ bắc.

3-) Chồng kim vợ hỏa, hay cãi nhau, sinh-dục khó. cửa nhà bần-hàn.

4-) Chồng kim vợ thủy, thiên-duyên tác hợp, con cháu đầy-dàn, cửa nhà thịnh-vượng.

5-) Chồng kim vợ thổ, vợ chồng hòa-hợp, con cháu đầy đàn, cửa nhà vui vẻ, lục-súc bình-yên.

6-) Chồng mộc vợ mộc, quan lộc tốt, con cháu nhiều, gia-đình hòa-thuận.

7-) Chồng mộc vợ thủy, mộc thủy tương-sinh, tiền tài thịnh-vượng, con cháu đầy đàn vợ chồng bách niên giai lão.

8-) Chồng mộc vợ hỏa, mộc hỏa tự nhiên hợp với nhau, con cháu nhiều, tiền-tài vượng, quan lộc cũng tốt.

9-) Chồng mộc vợ thổ, thổ mộc sinh nhau, con nhiều, làm nên đại-phú.

10-) Chồng mộc vợ kim, hai thứ khắc nhau, trước hợp sau lìa, con cháu bất lợi.

11-) Chồng thủy vợ thủy, hai thủy tuy không hay, nhưng cũng khá, điền Trạch yên, tôi tớ tốt.

12-) Chồng thủy vợ kim, kim thủy sinh tài, sung - sướng đến già, con cháu khá.

13-) Chồng thủy vợ mộc, thủy mộc nhân duyên, bách niên giai lão, đầy tớ khá.

14-) Chồng thủy vợ hỏa, duyên tự thiên thành, tuy xấu mà cũng hợp.

15-) Chồng thủy vợ thổ, tương hình khắc nhau, vui vẻ không thương, làm việc gì cũng khó.

16.) Chồng hỏa vợ hỏa, hai hỏa giúp nhau, nhiều khi hưng-vượng, con cháu đầy đàn.

17.) Chồng hỏa vợ kim, hỏa kim khắc nhau, hay cãi nhau và kiện cáo, gia-dinh không yên.

18.) Chồng hỏa vợ mộc, hỏa mộc hợp duyên, thất gia hỏa-hợp, phúc-lộc kiêm toàn.

19.) Chồng hỏa vợ thủy, thủy hỏa tương khắc, vợ chồng phân-ly, con cháu bất lợi, cửa nhà gian nguy.

20.) Chồng hỏa vợ thổ, hỏa thổ có duyên, tài lộc sung túc, còn hảo, cháu hiền.

21.) Chồng thổ vợ thổ, lưỡng thổ tương-sinh, trước khó sau dễ, lắm của nhiều con.

22.) Chồng thổ vợ kim, vợ chồng hỏa hợp, con cháu thông-minh, tài lộc sung-túc.

23.) Chồng thổ vợ mộc, thổ mộc bất sinh, vợ chồng phải phân-ly xuất ngoại.

24.) Chồng thổ vợ thủy, thủy thổ tương khắc, trước hợp sau ly, sinh kế không lợi.

25.) Chồng thổ vợ hỏa, thổ hỏa đắc vị, quan lộc rồi-rào, con cháu đông-dúc.

XEM THÁNG NGÀY GIỜ CƯỚI

Những ngày tốt nên cưới xin là :

Thiên-đức, Thiên-hỉ, Nguyệt-đức, Thiên-nguyệt đức hợp, Hoàng-đạo, Thiên-quí, Sinh-khi, Ích-hạ, Tục-thế, Âm-dương-hợp, Thiếu-xá, Nhân-dân hợp, Nguyệt-ân, Thiên-phú, Dịch-mã, Lục-hợp, Tam-hợp, Yếu-an, Đại-hồng xa. Thiên-phúc, Cát-khánh, Thiên-thụy, ngày Vượng, ngày Tướng, Trục-dinh, Trục-thành, Trục-chấp, Trục-bế.

Các sao : Đốc, Phòng, Vị, Cơ, Bích, Khuê, Linh, Trương, Đẩu, Lâu, Vị, Tật, Chấn.

Những ngày kỵ việc cưới xin là :

Thống-chế Pétain đã nói :

« Hồi người Pháp và người Nam, không lúc nào bằng lúc này, phải cùng nhau sát cánh, Pháp Việt đồng-tâm là điều cốt-tử cho cuộc tương-lai của Đông-pháp ».

Những cách lựa đôi của lá trầu, xem Tân Nam Lịch năm Nh

sau này :

Thu : Mão, Dần, Ngọ

Đồng : Dận, Sửu, Thân

Lại có thử không-phỏng nữa, kiêng được càng hay :

Tháng bảy ngày Tuất

— tám — Dận

— chín — Thân

- mười - Tì

— một — Ngộ

— chap — Hoi

Ngoài ngày không - phòng, còn những ngày xấu sau này :

oong, Bạch-hồ, Sát-chủ, Thụ-tử, Âm-thác, Dương-thác, Bằng-liêm, Trùng-lang, Trùng-phục, Cầu-giảo, Ngũ-ly, Nguyệt-hình, Nguyệt-bại, Nguyệt-kỵ, Tử-tuyệt, Nhân-dương-ly, Ly-sào, Tử-huyệt, Phục-độn, Hà-khôi, Quikị, Ngâm-thần, Nguyệt-phá, Tử-phế, Thiên-địa-quả, Thiên-cương, Thiên-địa-hùng, Phi-ma-na, Nguyệt-yến, Yến-dời, Hoang-vu, Vô-kiểu, Thiên-địa-tranh-hùng, Hồng-chủ-y-chu-lược, Trục-kiến, Trục-phá, Trục-bình, Trục-tha. Các sao : Cang, Chí, Tâm, Ngưu, Nữ, Mão, Sâm, Quỷ, Liễn, Tinh, Dục.

GIỜ KHÁM BỆNH { *mai : 8 giờ đến 12 giờ*
chiều : 3 giờ đến 6 giờ

10. Rue Frères Louls — Saigon

HẢI-ĐÀM

Cưới một thể!...

Thằng xe.— Con xin phép bà mười hôm về cưới vợ.

Bà chủ.—Tháng trước, mày mới nghỉ một tháng chữa bệnh thương hàn, thì sao không cười một thề?

Luật đi đường, xem Tân Nam-Lịch năm Tân-ti.

LUẬT THUỜNG - THỨC

Luật hóa-giá tại Đông-dương

Ở Đông - dương cũng như bên nước Pháp, trong thời - kỳ chiến-trạch, các hàng-hóa thiết-dụng cho sự sinh-hoạt của nhân-dân, giá bán bắt phải theo lệ hạn-chế, nghĩa là các nhà nông, công, thương không được tùy ý định-giá như trong lúc bình-thời. Không bán theo giá Nhà-nước là phạm vào tội tăng-giá trái phép. Chẳng những thế mà thôi, chào khách hàng hay là ký hợp-đồng bán quá cái giá Nhà-nước định, hay là cố - tình mua hoặc giăm mua bằng một giá cao hơn giá Nhà-nước định, cũng phạm vào tội tăng-giá trái phép (luật ngày 14 mars 1942 tuyên-bố tại Đông-dương ngày 3 janvier 1943). Sau nữa, các nhà công thương hay tiền công-nghệ có hàng - hóa dư-dật, đối với cái số hàng người ta hỏi mua không lấy gì là thái-quá, mà cứ tích-trữ không chịu bán, hay là bắt khách hàng phải đồng-thời mua một thứ hàng khác nữa, hoặc là bắt phải mua một số hàng-hóa nhất-dịnh là bao nhiêu mới chịu bán, hay là thứ hàng người ta hỏi mua, chỉ bán trong hạn những giờ nào, mà cửa hàng mình bán các vật-hóa khác vẫn mở, thì cũng là phạm tội tăng-giá trái phép. Xem thế thì chẳng những người bán quá giá phải phạt, mà người bằng lòng mua đắt cũng có lỗi.

Chính-phủ sở-dĩ thi-hành điều-lệ nghiêm-ngặt ấy là cốt để bài-trừ triệt-đề sự buôn - bán thãm - vụng mà chữ tây gọi là « *marché noir* ».

Trừng-phạt có hai thứ, là trừng-phạt về đường hành-chính và trừng-phạt về đường pháp-luật.

Trừng-phạt về đường hành - chính. — Khi nào tội tăng giá trái phép có đủ chứng-cớ, thì trong khi giao hồ-sơ cho tòa-án xét, quan hành-chính có thể ra lệnh bắt đóng cửa hàng không

~ Phép trợn trâu cây thề nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm - ngọ

được buôn-bán trong một thời-hạn là bao lâu và có thể cho yết-thị và đăng báo cái lệnh cấm ấy.

Trừng-phạt về đường pháp-luật. — Về đường pháp-luật thì tội tăng-giá trái phép có thể phải phạt giam từ hai tháng đến hai năm và phạt tiền từ 200 đến 1.200.000 quan (tính theo giá bạc là 60 đến 360.000 đồng) và bị cấm buôn bán trong hạn bao lâu hoặc cấm mãi mãi.

Về giá bán tại Đông-dương đã có lệ rõ ràng. Lệ sau cùng là nghị-dịnh ngày 8 mai 1943. Lệ bán có ba thứ :

1.) Bán theo giá Nhà-nước chuẩn-y, là hễ chưa nhận được nghị-dịnh chuẩn-y giá, thì nhà xuất-sản, nhà kỹ-nghệ không được phép bán.

2.) Bán tăng-giá do Nhà-nước kiểm-soát, là nhà buôn không cần phải xin phép Nhà-nước định giá trước, nhưng các giá vốn của hàng buôn phải có bằng-chứng đích-xác và chỉ được bán tăng lấy lãi mấy phần trăm ; số phần trăm này thì do Nhà-nước định.

3.) Bán theo giá Nhà-nước hạn-dịnh, là người xuất-sản hay người bán ở nơi xuất-sản hoặc nơi bán, không được bán quá cái giá tối-cao của Nhà-nước hạn-dịnh.

Các hàng-hóa bán phải có biển yết cho khách mua được rõ từng thứ là bao nhiêu tiền.

Ai muốn biết rõ làm hay bán hàng gì được tính lãi bao nhiêu, khi nào phải xin giá trước rồi mới được bán, khi nào chỉ phải khai là mình sẽ bán bao nhiêu, mà không phải chờ nghị-dịnh quan trên, thì nên đọc các biểu-kế A, B, C và D phụ-dính theo nghị-dịnh ngày 8 mai 1943 của quan Tòa-quyền. Muốn biết điều gì, có thể đến hỏi Hội-đồng hóa-giá bản-xứ (Hanoi Huế, Saigon) hay Hội-đồng hóa-giá hàng tỉnh.

Hàng gì không kê vào các biểu ấy thì được bán tự-do, ví dụ các xa-xỉ phần. Giá ngũ-cốc thì phải theo thể-lệ riêng.

Có mấy thứ hàng-hóa như sợi bông, xà-phòng, giấy, các chất hóa-học, sắt, đồng, thầu-dầu, lạc (đậu-phộng), vừng (mè), đay, vân vân. . . , Chính-phủ để dành quyền buôn hay chế-lạo cho mấy công-ti hay nhà buôn có phép riêng. Người khác mà tích-trữ các thứ ấy thì phải trừng-trị.

Những người bị truy-tố theo luật hóa-giá có thể điều-dinh nộp tiền phạt để khỏi đem xử tại tòa-án. Số tiền ấy nhiều

hay ít, tùy với tội nặng hay nhẹ. Tiền phạt từ 200 đồng trở xuống thì quan Chánh hội - đồng hóa-giá thành-phố hay hàng tỉnh cho điều-dinh được. Trên 200 đến 500\$ thì phải do quan chánh hội-dồng hóa-giá trong xứ đứng thay mặt quan Thủ-biến bản-xứ định. Trên số ấy, thì phải do quan Thủ-biến định, và quá 50.000\$ thì quan Thủ-biến bản-xứ phải hỏi ý-kiến quan Giám-đốc Kinh-tế phủ Toàn-quyền.

Điều-dinh không xong thì quan Thủ-biến bản-xứ giao sang tòa-án xử. Lúc đó, kẻ đương-sự có thể mượn luật-sư bênh-vực như là các tội thương-phạm.

CENTRE MÉDICAL DE HANOI

NHÀ THƯƠNG NGÔ TRAM

167, Boulevard Henri d'Orléans — Tél. 772

CỦA BÁC-SĨ PHẠM-HỮU-CHƯƠNG



THĂM BỆNH VÀ
NHẬN NGƯỜI ĐAU
ĐẾN CHỮA TẠI
NHÀ THƯƠNG

Có máy chiếu điện và chữa bằng điện
Những phòng cho bệnh nhân nằm rất lịch-sự

DUYỆT CÁC BÁO

Trong mục « Ai lín » của một tờ báo kia, có đăng rằng : « Cụ Nguyễn - văn - Mô, hưởng thọ 90 tuổi, bất hạnh tạ thế ngày... » K'ông phải ông cụ ấy bất hạnh đâu ! Có bất hạnh là con cái ông cụ ấy bất hạnh. Bất hạnh là không may. Theo lý-tưởng Đông-phương, một ông già đã sống đến 90 tuổi mới mất, là có phúc lắm, chứ không bất hạnh. Con mắt cha thì mới nói à « Chúng tôi bất hạnh... »

Ai được lập chúc-thư, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-Ngo

Luật thuê nhà

Trong Tân-Nam Lịch năm Quý - mùi, trang 46, đã đăng toàn văn đạo sắc-lệnh ngày 13 mai 1942 về thề-lệ thuê nhà tại Đông-dương. Lệ ấy, ngày 31 mai 1943 lại có sắc-lệnh bãi cả thiên thứ III nói về « quyền lấy lại nhà » và thêm những điều sau này, phạm chủ nhà với người thuê nhà đều nên nhận kỹ :

Điều thứ nhất. — Thiên thứ III (quyền lấy lại nhà) trong sắc-lệnh ngày 13 mai 1942 qui-định tiền thuê nhà ở tại Đông-dương thì nay bãi đi. Điều này thi-hành đối với cả những việc kiện đã có án xử rồi mà chưa chấp-hành.

Điều 2. — Từ rầy trở đi, hễ không có phép chủ nhà thì cấm người thuê nhà hay người ở nhà cho thuê lại. Nếu cho thuê lại nhà mà không có phép thì người chủ có thể đòi nhà lại.

Điều 3. — Người thuê hay người ở đòi hoặc nhận một cách trực-tiếp hoặc gián-tiếp, của chủ nhà hay của người thuê sau, một số tiền hay một vật có giá, không chính-đáng, hoặc là bắt lấy lại đồ vật bằng một giá thái-quá không hợp với giá bán thực, mới chịu đòi khỏi nhà thuê thì sẽ phải phạt giam từ hai tháng đến hai năm và phạt bạc từ 200 đến 200.000 quan.

Vả lại, người chủ nhà hay người thuê sau có thể đòi lại số tiền mà người thuê trước đã thu nhận trái phép.

Điều 4. — Tại các thành-phố Hanoi, Haiphong, Saigon và Chợ lớn, phạm các nhà đề ở hay nhà đề làm nghề-nghiệp, hễ không xin phép trước quan thành-phố thì không được cho thuê hoặc là cho thuê lại.

Nếu vì sự xin phép trước ấy mà việc cho thuê phải chậm lại, thì người chủ nhà có thể bắt đền Chính-phủ bản hạt một số tiền bồi-thường ngang với số thiệt-hại đã chịu.

Điều 5. — Trong các thành-phố ấy, phạm nhà ở mà chứa lại đề dùng vào việc khác, nếu không có giấy phép của thành-phố thì cấm không được chứa.

Điều 6. — Trái với điều-khoản ở điều 4 và 5 trong sắc-lệnh này thì phải phạt bạc từ 16 đến 500 quan mà không thể thi-hành lệ giảm-đảo được. Nếu tái-phạm thì nhất-định phải phạt đến tột bậc.

Muốn rõ các chứng bệnh người, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Điều 7. — Điều 2 sắc - lệnh ngày 15 mai 1942 qui-định tại Đông-dương về việc yết-thị và khai-báo những nhà dể ở hay dùng về nghề-nghiệp mà bỏ không thì nay đổi lại như sau này :

« Những người nói trên ấy, hễ khi nào không cho thuê nữa, hay là người thuê không thuê nhà mình nữa, bất cứ là nhà của mình hay nhà mình hưởng-dụng, hay nhà mình đứng quản-lý thì nội trong 15 ngày phải báo cho tòa Đốc-lý sở - tại biết, cùng là ngày sẽ bỏ không là ngày nào, nhà có mấy buồng và giá tiền cho thuê là bao nhiêu ».

Điều 8. — Cách-thức thi-hành sắc-lệnh này thế nào sẽ do quan Toàn-quyền định.

Y-SĨ NGUYỄN-VIỆT-AN

30 NĂM CHUYÊN
NGHIỆP VÀ KINH
NGHIỆM VỀ ĐỦ
MỌI CHỨNG BỆNH

PHÒNG THUỐC Ở HÀ NỘI

Số 15, Phố Hàng Cót

và
Số 2, Phố Sóng - tổ - lịch

HÀI - ĐAM

Quan tòa. — Việc trộm này, mày đi một một mình, hay là có rủ đưa nào không ?

Kẻ trộm. — Quan lớn tính thời buổi này, khó lòng tìm được người không gian đảo mà rủ nhập cuộc.

Khoáy trâu thế nào là xấu, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Thẻ-lệ xin phép mua súng săn và súng-lục

Súng săn. — Không phải ai có tiền mua súng săn cũng được đầu. Người An-nam ta, muốn dùng súng săn phải theo các thẻ-lệ sau này :

Làm đơn bằng tin-chỉ, gửi đến quan Đốc-lý (xã-trưởng) hay quan Công-sứ (tham-biện chủ tỉnh) kể rõ súng xin là súng gì, đặc-tính của súng thế nào, xin mua bao nhiêu đạn và đạn hạng nào, dùng súng làm gì, số mấy, mua tại hiệu nào. Quan đốc-lý hay quan chủ tỉnh điều-tra về sự lương-thiện của người đứng xin, rồi tư lên quan Thủ-hiến bản xứ (quan Thống-sứ, Khâm-sứ hay Thống-đốc) nếu xét nên cho thì sẽ cấp cho cái giấy phép dùng súng và dùng đạn. Khi có giấy phép ấy rồi thì hàng súng mới được phép bán cho mình (sắc-lệnh ngày 21 avril 1918).

Lệ mua súng săn phải nộp thuế. Thuế ấy, mỗi xứ có khác nhau đôi chút. Có thể hỏi tại các tòa sứ (Trung-kỳ và Bắc-kỳ) hay tòa bố (Nam-kỳ). Ở Bắc-kỳ thì thuế định như sau này :

Thuế cấp giấy phép : 25\$. Thuế thay giấy phép 5 năm một lần (được thay hay không, tùy quan Thủ-hiến định) : 25\$. Thuế duyệt giấy hàng năm : 5\$. Thuế cấp giấy khác, những khi đánh mất giấy phép : 25\$.

Những người có chân trong các hội-đồng công-cử, như viên Dân-biểu, Hội-đồng Quản-bạt, Hội-đồng thành-phố, phòng Canh-nông, phòng Thương-mại, các quan tỉnh và phủ huyện, các quan võ An-nam, các viên kiểm-sát ngạch thủy-lâm, các viên-chức làm việc Nhà-nước được 20 năm thì được miễn thuế trên ấy. Nếu những người này đã có giấy phép dùng súng-lục thì không được miễn thuế kể trên nữa.

Súng lục. — Súng-lục xin phép không mất tiền thuế, nhưng xin lại khó hơn là súng săn. Cách-thức xin cũng y như súng săn, vì theo như sắc-lệnh nói trên ấy, người Đông-dương chỉ có một vài hạng là có thể đặc-cách được cấp giấy phép mà thôi, như là quan-chức, thân-hào hay là có chân trong các hội-đồng công-cử nói trên kia. Giấy phép dùng súng-lục cấp trong hạn hai năm một, hết hạn ấy phải xin lại.

Thống-chế Pétain đã nói :

« Bản-chức hết lòng trông cậy các người giúp Chánh-phủ dựng lại nước Pháp, làm cho người Pháp thành một dân - tộc lớn, trung-nghĩa và lương-thiện ».

DÂN-LUẬT

Nói về đoan-mại, điền-mại, cầm-cố và đề-dương

Sản-nghiệp của tổ-phụ để lại, hoặc của mình tạo được, người An-nam ta bắt-đắc-dĩ mới chịu đem bán đứt cho người ngoài. Nước ta vốn là nông-quốc, theo chế-độ chia tài-sản vụn-vật đã quen và lấy việc thờ phụng tổ-tiên làm gốc luân-lý, cho nên lòng duy-trì cơ-nghiệp của tiền-nhân là lẽ tự-nhiên.

Theo luật hiện-hành, những người có nhà cửa, ruộng đất, lỗ túng tiền mà không muốn đem bán đứt thì có ba cách kiếm tiền như sau này, trong Bắc-kỳ Dân-luật đã có định rõ :

1.) Điền-mại 典賣 (điều 957 đến 967) nghĩa là bán mà giữ lại cái quyền chuộc, nhưng phải hoán cho người mua số tiền vốn và tiền phí-tôn người ấy đã ứng ra.

2.) Cầm-cố hay là thế-chấp 替執 (điều 1334 đến 1352) nghĩa là vay tiền mà giao cho người chủ-nợ một bất-động-sản nào đó làm tin, hay là chỉ giao văn-tự về bất-động-sản ấy cũng được.

3.) Đề-dương 抵當 (điều 1353 đến 1372) nghĩa là quyền của người mắc nợ giao cho người chủ nợ, hễ đến hạn không trả, thì được sai-áp một bất-động-sản nào đó, dù bất-động-sản ấy vào tay ai mặc lòng, để đem ra phát-mại lấy tiền trừ nợ trước cả các chủ nợ khác.

Đem ba cách kiếm tiền trên ấy mà so-sánh với nhau thì ta nhận ra rằng trong việc đề-dương, người mắc nợ chẳng những có quyền sở-hữu bất-động-sản của mình, mà lại được quyền hưởng-dụng, được quyền giữ nguyên văn-tự cái bất-động-sản ấy, còn như cầm-cố hay thế-chấp, tuy không bắt-buộc phải giao bất-động-sản cho chủ nợ, và có thể chỉ giao lấy lệ bằng cái văn-tự cũng được, song thường lệ ra thì vẫn giao bất-động-sản thật. Và lại, cầm-cố thì bất-động-sản chỉ có thể cầm cho một chủ nợ (hay nhiều chủ nợ liên-dới) thôi (điều 1336), còn đề-dương thì đồng-thời có thể lần-lượt đề-dương cho nhiều chủ nợ khác nhau, mỗi người cứ lần-lượt theo thứ-tự mà thi-hành quyền được lấy nợ trước (điều 1358). Sau nữa, bất-động-sản đem cầm thì người chủ không bán được, còn đề-dương thì vẫn có quyền bán.

Đề-dương do Bắc-kỳ dân-luật theo luật Tây mới đặt ra từ năm 1931, trước kia luật ta không có. Những người có nhà

đất, lỡ khi túng tiền, thì nên đề-đương hơn là điền-mại hay cầm-cổ.

Bài này là soạn theo Dân-luật Bắc-kỳ, tuy so với Hoàng-Việt Hộ-luật thi-hành ở Trung-kỳ từ năm 1939 có khác nhau đôi chút, song độc-giả ở Trung-kỳ có thể tựa theo đó mà làm khế-ước. Ở Trung-kỳ thì nên tra trong Hoàng-Việt hộ-luật về những điều này : Đoan-mại, điều 995 đến 1088 ; điền-mại hay bán đợ, hay mãi-lai-thực, điều 1089 đến 1103 ; cầm-cổ hay thế-chấp, điều 1527 đến 1559 ; đề-đương, điều 1560 đến 1615.

* * *

Các văn-tự nói trên ấy phải viết bằng tin-chỉ hay giấy trắng dán tem và có thể làm bằng chữ tây, chữ quốc-ngữ, chữ nôm, chữ nôm cũng được cả. Cần nhất là phải làm thành công-chính-chứng-thủ (xem Tân-Nam Lịch năm Nhâm-ngọ), nghĩa là mượn quản-lý văn-khế (nô-te) làm cho, hoặc giấy mà mình làm lấy mà mượn lý-trưởng thị-thực cho. Văn-tự đoan-mại và điền-mại thì phải vừa lý-trưởng, vừa chương-bạ thị-thực ; cầm-cổ hay thế-chấp và đề-đương thì chỉ một mình lý-trưởng thị-thực thôi, song văn-tự phải đem đến chương-bạ đăng-ký vào địa-bạ là của ấy hiện đang thế-chấp hay là đề-đương.

Theo ý muốn của độc-giả Tân-Nam Lịch, nay bản-xã thảo mấy bản làm mẫu như sau này đề ai có việc cần đến, khỏi lăm-lẫn. Mẫu đây, đại-đề theo lối của ta thường dùng xưa nay cho phần đông dễ hiểu, chứ luật-pháp không bắt buộc phải theo lối này. Bên mua, bên bán, bên cầm, bên vay có thể thay đổi lời lẽ tùy ý, miễn là không có trái với pháp-luật, với chỉ-dụ, sắc-lệnh hay nghị-định hiện hành là được.

I. — Văn-tự đoan-mại 斷賣

Tên tôi là Nguyễn-văn-Giáp, nghề điền chủ, trú-quán tại....
thê thuế thân năm 1943, số...., làng...., tổng...., huyện....,
tỉnh.... (hoặc là thê căn-cước số...., phát tại tỉnh...., ngày....)
cùng chính-thất là Lê-thị-Ất, có năm thửa ruộng của tổ-phụ di
lai (hay là của tôi tại ngày.... của) đăng-ký vào địa-bạ số....
và bản-đồ làng...., tổng...., huyện...., tỉnh.... (1). Nay vì thiếu

(1) Xã nào chưa có bản-đồ từng thửa thì phải biên rõ là mấy mẫu, mấy sào, mấy thước và từ chỉ giáp những ruộng đất của các chủ lân cận nào.

tiền chỉ dụng, tôi thuận bán đứt ruộng ấy cho ông Trần-văn-Bình là hương-sur, trú-quán tại..., thẻ thuế thân năm 1943, số..., làng..., tổng..., huyện..., tỉnh..., (hay là thẻ căn-cước số...) và chính-thất là Đặng-thị-Đinh, y giá tiền (300\$00) (1). Tiền ấy, sau khi lập văn-tự, tôi đã nhận đủ số rồi. Ruộng ấy thực là của tôi, nếu có man-trá, tôi xin chịu trách-nhiệm, không can-thiệp đến chủ tậu. Từ ngày lập khế, ruộng ấy sẽ giao cho ông Trần-văn-Bình quản nhận canh tác, truyền tử lưu tồn, vĩnh vi kỷ-vật. Văn - tự này sẽ đăng-ký vào địa-bạ làng.... Các lệ-phí văn-tự, tin-chỉ, trước-bạ và đăng-ký vào địa-bạ thì chủ tậu phải chịu. Quốc hữu thường pháp, cổ lập văn-khế, vì chiều dụng giả.

Nguyễn-văn-Giáp ký
Trần-văn-Bình ký

Lê-thị-Ất ký
Đặng-thị-Đinh ký (2)

Ngày..... tháng..... năm..... Tôi là lý-trưởng làng..... thị-thực rằng Nguyễn-văn-Giáp và vợ là Lê-thị-Ất, Trần-văn-Bình và vợ là Đặng-thị-Đinh, sau khi nghe đọc lại bản giấy ở trên và nhận rằng đúng với lời đính-ước của mình thì đã ký tên tại trước mặt tôi.

Lý-trưởng ký tên và áp triện

Ngày..... tháng..... năm..... Tôi là chương-bạ làng..... thị-thực rằng bất-động-sản nói trên thực là của Nguyễn-văn-Giáp đem đoan-mại cho Trần-văn-Bình

Chương-bạ ký tên và áp triện

II. — Văn-tự điền-mại 典賣

Tên tôi là Nguyễn-văn-Giáp, nghề điền chủ... và chính-thất là..... (thco như đoạn thư nhất, mẫu số I trên kia). Nay vì thiếu tiền chỉ dụng, tôi thuận điền-mại ruộng ấy cho ông Trần-văn-Bình, trú-quán tại.... và chính-thất là..... y giá tiền là ba trăm đồng (300\$00). Tiền ấy, sau lúc lập khế-ước, tôi đã nhận đủ số rồi. Ruộng ấy thật là của tôi, nếu man - trá thì xin chịu trách-nhiệm không can-thiệp đến chủ tậu. Từ ngày lập khế này, ruộng ấy sẽ giao cho ông Trần - văn-Bình quản nhận canh-tác (hay là : tôi xin lĩnh canh và nộp cho chủ mua mỗi vụ là.....

(1) Số tiền phải biên toàn bằng chữ, rồi mới biên bằng số ở sau.

(2) Người nào không biết ký thì điền-chỉ hay là in tay thì hơn.

tạ thóc). Thời-hạn điền-mại ước-định là (1)..... năm. Trong thời-kỳ ấy, chủ mua điền-mại được thi-hành hết cả quyền-lợi của tôi. Tôi xin cam-đoan nội trong thời-hạn ấy sẽ chuộc lại toàn bộ bất-động-sản ấy bằng nguyên giá ba trăm đồng nói trên kia, thêm tiền phí-tồn về việc điền-mại, về việc sửa chữa cần-thiết cho bất-động-sản và các việc sửa chữa đã làm cho bất-động-sản ấy tăng giá lên, nhưng về khoản sau này thì tôi chỉ phải hoàn lại bằng với số tăng lên mà thôi. Kể từ ngày chuộc lại, thì việc điền-mại này sẽ tiêu hết và việc chuyển-di quyền sở-hữu cũng tiêu hết. Tuy nhiên, những khế-ước cho thuê do chủ mua điền-mại đã ký nhận mà không có sự gian-lậu thì vẫn cứ thi-hành. Nhưng, nếu đến hạn đã định, tôi không chuộc lại thì ông Trần-văn-Bính sẽ thành sở-hữu chủ nhất-định (2).

Nhưng nếu trong thời-hạn đã định, ông Trần-văn-Bính bán bất-động-sản ấy đi thì tôi vẫn được quyền chuộc với người mua lần thứ nhì, dù trong khế-ước thứ nhì đó không nói đến quyền chuộc mặc lòng.

Văn-tự này sẽ đăng-ký vào địa-bạ làng..... Các lệ-phí về văn-tự, tem, trước-bạ và đăng-ký thì chủ mua điền-mại phải chịu hết.

Quốc hữu thường pháp, cổ lập văn-khế, vì chiều dụng giả.

(Chủ bán chủ mua đều ký tên hay điền-chỉ và lý-trưởng với chứng-bạ đều thị-thực như mẫu số I, duy chỗ thị-thực của chứng-bạ thì chữ đoạn-mại đổi là điền-mại).

III. — Văn tự cầm-cổ hay là thế-chấp bất-động-sản

Tên tôi là Nguyễn-văn-Giáp..... (theo như đoạn thứ nhất mẫu số I trên kia). Nay vì thiếu tiền chi dụng, tôi có vay của ông Trần-văn-Bính, trú-quán tại.... thẻ thuế thân số (theo như mẫu trên) một món tiền là một trăm đồng (100.000), sau khi lập khế,

(1) Quyền chuộc lại không được ước-định đến quá hạn 10 năm. Nếu định một thời-hạn lâu hơn thì sẽ phải rút xuống 10 năm. Nếu khế-ước không định hạn thì coi như là đôi bên y theo hạn pháp-luật đã định là 10 năm (Bắc-kỳ dân-luật điều 959).

(2) Khi đến hạn đã định trong văn-tự mà không chuộc thì người mua điền-mại thành sở-hữu chủ nhất-định. Nếu trong văn-tự không định rõ hạn chuộc là bao lâu thì quá hạn 15 năm, người mua điền-mại thành sở-hữu chủ nhất-định (Bắc-kỳ dân-luật điều 962).

tôi đã nhận đủ số. Tôi thuận trả lãi mỗi năm là..... phần (1) và đem thế-chấp cho ông Trần-văn-Bình những thửa ruộng nói trên ấy (2). Ruộng này thật là của tôi, nếu có man-trá, tôi xin chịu trách-nhiệm, không can-thiệp đến chủ nợ. Tiền vay này, hẹn đến ngày..... tháng..... năm....., tôi xin trả cả gốc lẫn lãi (3). Khi khế-ước này thủ-liệu vì nợ đã trả xong thì chủ nợ (hay là các người thừa-kế) sẽ hoàn lại cho tôi bất-động-sản thế-chấp ấy. Nếu đến quá hạn mà bất-động-sản không chuộc thì chủ nợ được quyền kiện để bán bất-động-sản ấy và được đặc-quyền lấy giá bán đó để trừ nợ của mình trước các chủ nợ khác (4). Các khoản thuế má, về phần tôi chịu (5). Tiền lệ-phi khế-ước này cũng là tiền tem, tiền trước-bạ, tiền đăng-ký vào địa-bạ đều do tôi chịu.

Quốc hữu thường pháp, cổ lập văn-khế, vì chiều dụng giả.

(Đôi bên ký tên và lý-trưởng thị-thực cũng y như văn-khế trên).

Lời dặn.— Văn-khế này, một mình lý-trưởng thị-thực là đủ, không cần phải chứng-bạ thị - thực, vì quyền sở-hữu không có chuyển-dịch, song nơi nào có địa-bạ thì phải đưa cho chứng-bạ đăng-ký vào địa-bạ, không thì không thể đối-dụng với người đệ-lam được.

(1) Theo như Dự năm Bảo-đại thứ 9 (23 aoút 1934), tiền lãi mỗi năm chỉ được lấy đến 8 % (8 phần) là cùng.

(2) Không buộc-phải giao thật bất-động-sản cho chủ nợ. Có thể giao lấy lệ, bằng văn-tự chứng-nhận quyền-lợi của người mắc nợ về bất-động-sản ấy cũng được. Như vậy thì người mắc nợ vẫn giữ bất-động-sản của mình (Bắc-ký dân-luật điều 1337 và 1339).

(3) Người mắc nợ có thể ước-định rằng hễ nợ trả xong, thì bất-động-sản đem cầm phải hoàn lại cho mình. Lại có thể ước-định rằng hễ hết một thời hạn nào đó thì bất-động-sản sẽ hoàn về mình, các hoa-lợi người chủ nợ được hưởng trong thời-hạn đó là trừ được cả tiền gốc lẫn tiền lãi (Dân-luật điều 1338). Ý-định thế nào, có thể nói rõ vào trong văn-khế.

(4) Không khi nào, vì đến hạn không trả mà chủ nợ có thể đương-nhiên thành sở-hữu chủ bất-động-sản được. Dù có đính-ước thế khác nữa, cũng là vô-hiệu và coi như không vậy. Chỉ khi nào người chủ nợ đã chiếm-hữu bất-động-sản thế-chấp trong 15 năm liên-tiếp mà người mắc nợ không tình-nguyên trả thật thì người chủ nợ mới đương-nhiên được quyền sở-hữu hoàn toàn (điều 1340 và 1342).

(5) Hoặc muốn đính-ước về phần chủ nợ chịu cũng được (điều 1347).

Văn-tự đề-đương 抵當

Tên tôi là Nguyễn-văn-Giáp, trú-quán tại.... cùng chính-thất là.... (theo như mẫu số 1), nay vì thiếu tiền chi dụng, tôi có vay của ông Trần-văn-Bình, làm.... trú-quán tại...., một món tiền là ba trăm đồng (300\$00), xin hạn đến ngày.... tháng.... năm.... sẽ hoàn đủ số. Tiền lãi mỗi năm, tôi xin chịu là.... phần (%) (1) và cứ cuối tháng trả một lần. Về sự đảm-bảo món tiền nợ ấy cùng tiền lãi thì tôi thuận đem đề-đương cho ông Trần-văn-Bình các bất-động-sản sau này của tôi-phụ di lai (hoặc của tôi tại lấy) :

Một cái nhà gạch (hay là..... thửa ruộng) đăng-ký vào địa-bạ số..... và bản-đồ làng (2). Nếu quá hạn mà không trả gốc lãi thì ông Trần-văn-Bình có quyền sai-áp, dù bất-động-sản ấy vào tay ai mặc lòng, để đem ra phát-mại lấy tiền trừ nợ trước các chủ nợ khác. Bất-động-sản này thật là của tôi (Từ đây trở xuống cũng theo như mẫu trên).

(1) Tiền lãi mỗi năm không được quá 8 phần (Dự năm Bảo-Đại thứ 9).

(2) Làng nào chưa có địa-bạ, theo như lời trú-thích số 1 trang 40.

Ai cũng nên đọc :

Phòng-thủ Thụ-động về không-chiến

Manuel élémentaire de Défense passive
contre les attaques aériennes

của ông **Phạm-Huy-LỤC** soạn
cùng với ông **Albert COURTOUX**

35 bức tranh vẽ

Bản chữ tây hay bản quốc-ngữ
giá bán mỗi quyển : **0\$30**

Hỏi các hàng sách và tại nhà in
Imprimerie de Hanoi — 85, phố hàng Bông, Hanoi

Thế nào là án t্রেদ xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-Ngo

Cành cây chìa sang nhà láng-diềng

Quả (trái) còn liền ở cành cây là bất-động-sản, khi lìa khỏi cây rồi, mới là động-sản. Theo lý-thuyết ấy và chiều Dân-luật cũng soạn theo lý-thuyết ấy, thì bẽ cành cây nhà mình mọc sầm sang nhà láng-diềng mà quả rụng tự nhiên xuống đất thì là của người ta, bởi vì nói về động-sản, bẽ đã chiếm-hữu được ở tay mình, là coi như có giấy-má rồi. Người láng-diềng không thể viện tục-lệ nào mà coi những quả còn liền trên cây nhà mình là kỷ-vật của người ta, duy người ta chỉ có thể bắt mình chặt những cành xâm sang nhà người ta mà thôi. Nếu rễ cây đâm lấn vào đất người ta, thì tự người ta được phép chặt đi được (Bắc-kỳ dân-luật điều 103, dân-luật Tây điều 623).

HÌNH-LUẬT

Nói về tạm-tha (1)

Tạm-tha là tha trước, hay là « phóng-thích dự-bị », là tha một tội-nhân trước khi mãn hạn. Tại nước Pháp, lệ ấy kỳ thủy chỉ thi-hành cho những hạng thiếu-niên bị giam ở các trường - giới - trường, về sau thi-hành cho cả những người bị đày ở Tân-thế-giới và ở Guyane. Ngày 14 août 1885, mới có luật tạm tha ở nước Pháp. Luật ta, ngày xưa không có lệ ấy. Các nhà trước-thuật bộ hình-luật tổ-tụng ở Bắc-kỳ (điều 108 đến 115) và bộ hình-luật tổ-tụng ở Trung-kỳ (điều 190 đến 197) đều bắt-chước luật này cả. Những điều ấy, nay tóm lược như sau này :

Phạm tội-nhân hiện đương phải chịu một thứ hay nhiều thứ phạt giam, nếu đã chịu được một nửa thời-hạn thì có thể xin tạm-tha được. Nhưng theo luật ta, người tái-phạm không được hưởng lệ ấy.

Ở Nam-kỳ và các thành-phố nhượng-dịa ở Trung Bắc kỳ theo luật Tây thì các tội-nhân phạt giam từ 6 tháng trở xuống, người nào đã chịu ít ra được 3 tháng rồi, mới có thể được tạm-tha, còn phạt giam từ 6 tháng trở lên, thì ít ra chịu

(1) Tân-Nam Lịch năm Nhâm-ngọ đã có nói qua, nay theo ý độc giả bản-xã thích-nghe kỹ hơn và làm sẵn cả mẫu đơn xin tạm tha thế nào.

được một nửa hình-phạt rồi mới có thể được tạm tha. Nhưng người tái-phạm cũng có thể được tạm tha, duy cái thời-hạn đã chịu tội phải tăng lên, nghĩa là từ 9 tháng phạt trở xuống, ít ra phải chịu được 6 tháng rồi, và từ 9 tháng trở lên, ít ra phải chịu được 2/3.

Nên nhớ rằng tạm-tha là một cái đặc-ân, chứ không phải là một cái quyền. Việc tư cho tạm-tha là việc của các viên giám-thị các nơi giam-thất, mỗi khi xét ra tội-nhân nào đáng nên ân-chuẩn tạm-tha thì kê danh-biên liệt tên các người ấy đệ trình quan đầu tỉnh, nhưng thường lệ thì ở Bắc-kỳ mỗi năm đệ-trình vào nửa tháng đầu về kỳ tháng giêng, tháng tư, tháng bảy và tháng mười tây; ở Trung-kỳ thì vào tết nguyên-đán và ngày Hưng-quốc khánh-niệm. Ở Bắc-kỳ thì tạm-tha phải có nghị-định quan Thống-sứ, còn ở Trung-kỳ do chỉ nhà vua, chiếu tờ tâu của bộ hình thỏa-hiệp với quan Khâm-sư.

Đã gọi là tạm-tha thì không phải là tha hẳn và cũng không phải là giảm tội, chẳng qua là hoãn tội cho đó thôi. Từ lúc được tạm-tha cho đến ngày mãn hạn, tội-nhân có tu-tĩnh, không làm sự gì bất-thiện thì mới được hưởng sự tha ấy, bằng không thì lại phải câu-giam lại cho đến khi mãn hạn.

Mẫu xin tạm tha

Bẩm quan Công sứ tỉnh..... (1)

(Do quan Giám-thị Giam thất tỉnh..... đệ

Tôi có đơn này kính bẩm Quan lớn rằng nguyên ngày..... tôi bị Tòa-án tỉnh..... kết nghị..... năm cấm-cố (hay khổ-sai, hay đồ) về tội..... Tỉnh đến nay, tôi đã chịu tội được một nửa tại ngục-thất rồi. Vậy tôi kính xin Quan lớn làm ơn chiếu theo luật hình sự tổ-tụng tư lên quan Thống-sứ (2) cho tôi được tạm-tha, vì tôi không phải là tái-phạm. Từ khi tôi bị giam đến giờ, tôi đã biết hối-hận và vẫn tuân theo thề-lệ trong giam-thất, không làm điều gì đáng trách cả. Tôi cam-đoan khi được tha ra, sẽ ăn ở làm một người dân lương-thiện, biết trọng pháp-luật.

Nay kính bẩm

Nguyễn - văn - Mỗ

quan....., xã....., tổng....., huyện....., tỉnh....., tù số..... tại giam-thất.....

(1) Tại Trung-kỳ thì đơn phải đệ đến quan tỉnh-hiến An-nam.

(2) Đệ về bộ Hình.

Y-HỌC THU'ỜNG-THÚ'C

Cách đề-phòng và điều-trị các chứng ho nhẹ (*rhumes, bronchites*)

Những chứng ho nhẹ, ta thường gọi là ho gió, không cứ mùa nào hay nơi nào, cũng có thể mắc phải, nhưng chính về mùa đông và ở những nơi khí-trời âm-thấp thì người ta dễ mắc hơn.

Về mùa đông, tiết-trời hay thay đổi, ta dễ bị cảm lạnh, sinh ngạt mũi, sò mũi, nhức (đau) đầu và ho là thường.

Vậy muốn tránh những chứng ấy, ta cần phải giữ-gìn cho khỏi bị cảm lạnh: mùa đông không nên đi dầm, mũi, cổ, chân lạnh; đang ở nơi ấm, đừng ra ngay ngoài lạnh mà không mặc thêm áo; mùa nực không nên phơi dầm trần ngoài nắng, đừng tắm khi mình-mây đang dầm mồ-hôi, và cũng đừng nên tắm đêm, rồi lại ra nằm gió.

Còn cách trị các chứng ho gió thì không khó gì. Ho gió nhiều khi tự-nhiên cũng khỏi, chỉ cần phải giữ vệ-sinh cẩn-thận: đừng ở nơi lạnh, đừng làm việc nhọc mệt, tránh nơi có bụi, mặc quần áo cho đủ ấm, uống nước nóng có pha rượu. Nếu ho nhiều, ngứa cổ, hơi sốt và nhức đầu, thì có thể giã, bôi *teinture d'iode* vào ngực và sau lưng, uống *quinine*, *antipyrine benzoate de soude*, *codéine* hay *poudre de Dower* cũng đủ. Những người già yếu, những trẻ-con, lắm khi ho nhẹ không chịu chữa ngay, có thể mở đường cho những bệnh nặng hơn, như bệnh sưng phổi, bệnh ho kinh-niên, bệnh ho-lao, bệnh siễn và nhiều bệnh phổi khác nữa. Vậy tuy ho gió là một chứng nhẹ có thể không thuốc-thang cũng khỏi được, nhưng ta không nên cầu-thả quá tin ở cái khỏi tự-nhiên, mà cần phải trị ngay để phòng sự bất-trắc.

Cách chữa hơi ngạt, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-Ngo

Bệnh sung ống-thở, sung phổi trẻ-con Cách đề-phòng và cách chữa

(*Bronchite capillaire, broncho-pneumonie des enfants.*
Prophylaxie et traitement)

Bệnh này trẻ-con hay mắc lắm, nhất là trẻ-con dưới hai năm. Về mùa lạnh và ở những nơi không-khí ẩm-thấp, hay có bệnh này, những trẻ-con yếu-đuối, gày còm dễ làm hơn trẻ có sức-lực. Bệnh do nhiều thứ vi-trùng sinh ra : vi-trùng pneumocoques, vi-trùng streptocoques, vi-trùng pneumo-bacilles là những thứ hay tìm thấy ở trong đờm dãi.

Bệnh này ít khi tự-nhiên phát ra. Thường thường, kỳ thủy trẻ-con bị cảm lạnh, ngạt mũi, sổ mũi, ho loãng-soảng không si đề ý, rồi dần dần thấy vật-vã, khó ngủ, quấy, khóc, ho mỗi ngày thêm nhiều, thêm nặng hơn, sốt ít nhiều, khó thở, trớ, cũng có khi sài-kính, sài giật, tai chảy mủ.

Bệnh sung phổi cũng hay đến sau những bệnh sởi, bệnh ghíp, bệnh yết-hầu, bệnh ho-gà và nhiều thứ bệnh khác nữa. Vậy trẻ nào bị các bệnh ấy mà thấy ho, thì phải coi chừng, vì bệnh sung phổi này nguy-hiểm gấp mấy bệnh sung phổi vì cảm lạnh. Nhưng dù vì cảm lạnh, hay vì nhân một bệnh khác mà phát ra, bệnh sung phổi của trẻ-con là một chứng bệnh rất nặng, thường có đến một phần ba, hay nửa số trẻ-con mắc bệnh bị thiệt mạng.

Cách đề-phòng.— Những vi-trùng sinh ra bệnh sung phổi, theo đường mũi, cổ-họng mà vào phổi, vậy trẻ-con mỗi khi sổ mũi, ho hay là mắc bệnh gì có thể gây ra bệnh sung phổi, thì điều thứ nhất phải nhớ dùng cách sát-trùng ở mũi và cổ-họng (antiseptie du nasopharynx). Vậy mỗi ngày 4 bận (sáng, trưa, tối và đêm)-tra vào mỗi lỗ mũi một vị trong các vị thuốc này :

Huile hay là pommade camphrée à 1/10.— Huile hay là pommade goménolée à 1/20.— Huile hay là pommade mentholée à 1/100.— Huile hay là pommade résorcinée à 1/20.— Solution de protargol à 0,50 pour 100

Trẻ-con dưới 1 năm, không nên dùng thuốc có *menthol*, vì thuốc này có thể gây họa làm cho trẻ-con tắc thở.

Ở các hiệu bào-chế có bán sẵn nhiều thứ thuốc khác cũng dùng về một mục-dịch như các thứ thuốc kể trên : thuốc rhinaquintine, léniforme, argyrophédrine, rhine, ercérhinol, électargol nasal, v.v.... đều dùng được cả. Nếu trong nhà nhiều con, mà có một đứa bị bệnh sung phổi, thì phải để riêng ra một nơi, không cho đứa lành đến gần. Nếu người mẹ hay người vú bị sổ mũi, ho, thì phải che miệng khi bế ấm đứa bé,

Cách chữa hột com xem Tân-Nam-Lich năm Nhâm-Ngo

Cách chữa. — Lễ tất nhiên là phải mời thầy - thuốc đến thăm bệnh và chỉ-bảo cách chữa thì mới chắc-chắn, song có một phép chung là phải đề đưa trẻ đau nằm trong buồng riêng, sáng - sủa, thoáng - khí, có sông hơi nước đun sôi pha thuốc alcool mentholé à 4 ‰, hoặc teinture d'eucalyptus et de benjoin, để cho không-khí đỡ khô-ráo, sạch-sẽ và dễ thở. Mũi, tai, cổ-họng phải giỗ thuốc sát-trùng như đã nói trên. Chân tay lạnh, phải buộc bông. Sốt nhiều, phải tắm nước ấm hay nước nóng (30, 35 độ), 4 giờ 1 bận, mỗi bận 10 phút.

Ho nhiều, khó thở, phải giác, chườm cơm nóng, cám nóng, buộc ngực và sau lưng bằng bông tẩm dầu goménolée à 1/20, cho uống thuốc long đờm (benzoate de soude, oxyde blanc d'antimoine, sirop de Desessartiz), cho uống thuốc bổ tim (acétate d'ammoniarque, teinture de digitale, sulfate de spartéine, sirop d'éther).

Thuốc tiêm thì có serum antipneumococcique, vaccin antipneumonique de Minet, vaccin I. O. D. type 3, poly-vaccin pulmonaire de l'Institut Pasteur, tùy bệnh nặng nhẹ, ngày nào cũng tiêm hay là cách một ngày tiêm một ống.

Có khi bệnh trầm-trọng quá, đưa trẻ ngạt, không thở được, phải cho ngửi dưỡng-khí (inhalation d'oxygène).

Lịch xem ngày tháng chữa đẻ

(Almanach obstétrical)

Các bà thai nghén, phần nhiều không nhớ tất kinh về tháng nào, thành ra không tính được đến ngày, tháng nào thì đẻ, đành phải nhờ bà-dỡ hay thầy-thuốc thăm hộ để chỉ-bảo cho. Nhưng bà-dỡ hay thầy-thuốc sành đến đâu chẳng nữa, nếu không biết đích cái ngày tận của tháng thấy kinh cuối cùng, chỉ căn-cứ vào cái bề cao tử-cung trong bụng mà đoán, thì cũng chỉ đoán được phỏng chừng mà thôi, sai lầm có thể quá hai ba tuần-lẽ là thường. Vậy tôi xin hiến các bà cái bảng dưới đây để xem, khi có mang, các bà sẽ biết đến ngày tháng nào thì sinh, miễn là phải nhớ ghi ngày tận của kỳ kinh - nguyệt cuối cùng vào cái bảng ấy. Ở trên bảng này, ngày tháng thụ-thai và ngày tháng đẻ, in hai lối khác nhau: ngày tháng thụ-thai thì in chữ đen, ngày tháng đẻ thì in chữ đỏ. Thí-dụ các bà « thấy » lần cuối cùng vào tháng janvier và ngày tận của kỳ kinh - nguyệt ấy là ngày mồng 10 chẵn hạn, thì đánh dấu vào ngày 10 janvier ấy, rồi xem sang cột bên cạnh về bên tay phải (tay mặt) thì sẽ biết tháng đẻ là tháng octobre và ngày đẻ là ngày 17. Tôi không cam-doan cái ngày ấy đúng hên cả 100/100, nhưng có xê-xích, thì cũng chỉ sớm hơn, hay muộn hơn một tuần-lẽ là cùng, trừ những trường-hợp ra ngoài luật-lệ của tạo-hóa về kỳ-hạn sinh-nở thì không kể.

Chớng chết, vợ góa được quyền gì, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

(Almanach obstétrical)

[illegible]

Làm thế nào tránh được bệnh hoa-liểu

Bệnh hoa-liểu gọi nôm là bệnh, tình có ba thứ :

1-) Bệnh lậu (blennorrhagie) :

2-) Bệnh hạ-cam (chancre-mou) :

3-) Bệnh giang-mai (syphilis).

Muốn tránh các bệnh tình, cách mầu-nhiệm hơn hết là tránh tìm vui thú ở những nơi đã nổi danh, hay có thể ngờ là sào-huyệt của các bệnh ấy. Nếu không được, thì cần phải thi-hành những phương-pháp vệ-sinh một cách kỹ-lưỡng, họa may đỡ lo ngại về

QUYỀN-LỢI CỦA CÁC NHÀ MUA LỊCH

Các quyền lợi ấy là :

1o — Mua một quyền có quyền xin giải-đáp về pháp-luật, y-học, thú-y, khoa-học, nông-phổ, xã-giao, văn vãn... mà không phải trả tiền. Chỉ việc cắt những phiếu in ở dưới mà dán kèm vào thư hỏi với một cái tem và phong-bì đề sẵn chỗ ở của mình để trả-lời. Năm nào hỏi, chỉ được dùng phiếu năm ấy, không được dùng phiếu cũ.

2o — Trong lịch năm sau, muốn đăng những mục gì, chỉ việc viết thư cho bản-xã từ cuối tháng sáu trở lại.

3o — Mua lịch các năm cũ, nếu hãy còn, thì được trừ 30 o/o, nghĩa là 1\$ chỉ phải trả có 0\$70 thôi.

Mua lịch hoặc sách vở của bản-xã, xin cư chiếu theo giá đề ở trong lịch năm nay, cộng thêm với tiền cước-phi của sở bưu-diện. Sách nào bản-xã cũng gửi theo cách bảo-dảm (recommandé) cho khỏi thất-lạc, nhưng không nhận gửi cách tính-hóa giao-ngân (contre-remboursement), vừa phiền cho bản-xã, vừa tốn thêm cho các ngài.

TÂN NAM LỊCH 1944

Phiếu mua lịch năm cũ trừ 30 o/o

TÂN NAM LỊCH 1944

PHIẾU HỎI LẦN THỨ I

TÂN NAM LỊCH 1944

PHIẾU HỎI LẦN THỨ II

Lời dặn. — Thư có gửi kèm đủ tem, không có cái nào là bản-xã không trả lời. Nếu người hỏi việc gì không nhận được thư trả-lời thì có thể viết thư hỏi lại, bao giờ bản-xã cũng có bản-sao đề lại.

Thẻ-lệ lấy thẻ căn-cước xem Tân-Nam-Lịch năm Tân tị

sau được phần nào hay phần ấy. Vậy trước khi nhập cuộc, đôi bên đều phải coi sự sạch-sẽ làm trọng, không những phải rửa bằng thuốc sát-trùng, như là permanganate de potasse (thuốc tím) à 0.50 pour 1.000, sublimé à 1 pour 2000, mà còn phải xoa thêm thuốc mỡ phòng-bị, như là pommade au calomel, pommade à l'oxyde jaune de mercure, onguent mercuriel double. Sau sự giao-hợp, nhớ phải đi tiểu ngay, và sau khi rửa cẩn-thận bằng nước có thuốc sát-trùng, phải giở vào ống tiểu-tiên vài giọt thuốc nitrate d'argent à 2 pour 100 hay là protargol à 4 pour 100, rồi giữ cho thuốc ấy ngấm trong 5 hay 10 phút.

Bệnh lậu.— (đi tiểu buốt, chảy mủ) phát ra từ ngày thứ ba cho đến ngày thứ năm sau khi giao-hợp.

Bệnh hạ cam.— (một hay nhiều mụn ngứa, đỏ, loét dần và nổi hạch như quả soài ở bẹn) phát ra ngay từ ngày thứ hai sau khi giao-hợp.

Bệnh giang-mai.— (khi hiện hình, chỉ là một mụn đỏ, cứng, loét dần) phát ra từ ngày thứ 10 cho đến ngày thứ 30 sau khi giao-hợp. Cũng có khi phát chậm hơn, nhưng không bao giờ quá 90 ngày.

Theo như kỳ-hạn phát-sinh của bệnh tình vừa nói ở trên, thì một tuần-lễ sau khi giao-hợp, nếu không thấy gì lạ, thì chắc đã thoát được bệnh hạ-cam hay bệnh lậu rồi, còn đối với bệnh giang-mai, bao giờ đã qua được 3 tháng rất yên-đn, mới thật hết những nỗi lo âu vì một cuộc vui chốc lát.

NGUYỄN-VIỆT-AN

Librairie - Papeterie - Mercerie

HOANG - HAI

DÉPOSITAIRE DE JOURNAUX — REVUES

ET PHARMACIE

25, Commerce — Kiến-an



Hiệu sách độc nhất ở Kiến-an mở từ năm 1935, chuyên bán tạp-hóa và các thứ sách vở, giấỵ bút cho học-sinh, các đồ dùng về bàn giấỵ. Đại-lý độc-quyền các báo hàng ngày, hàng tuần và các nhà thuốc có danh tiếng nhất ở Đông-dương. Bán buôn và bán lẻ đủ thứ thuốc của Nhật-bản, giá hạ không đản bằng.

CHỦ NHÂN KÍNH CẢO
HOANG-HAI

Thống-chế Pétain đã nói :

« Trong lúc gian-nan của Tổ-quốc, chúng ta ai cũng
hiều rằng không có vận mệnh hoàn-toàn cá-nhân và dân
Pháp : ổng còn, là toàn nhờ ở nước Pháp ».

Cách chữa kinh giậỵ xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

ĐIỀN-VIÊN

Cách chứa phân bón đất

Ở nhà quê ta, thường chứa phân ở gần nhà mà lại không biết khơi cống cho thoát nước, để mùi ó-aế xông lên rất khó chịu. Sau nữa, vì phân dễ lẫn với nước, thành mất những chất amoniacque (nước-đái-quỉ) là chất bón ruộng đất rất tốt. Nếu ta biết rắc lên những hố phân ấy một ít thạch-cao đã nung và lán ra bột thì chẳng những phân hết mùi hôi, mà còn giữ được chất nước-đái-quỉ lại.

Nuôi vịt

Vịt là giống dễ nuôi hơn gà, vừa mắn lại vừa chóng béo (mập). Nó ưa ở đầm ao hơn là ở chuồng. Không nên thả nó đi xa quá. Như vậy, vịt không mệt và nhà nuôi vịt không bị mất trứng.

Làm chuồng. — Cứ 10 con vịt thì phải đóng một cái chuồng, bề ngang một thước tây, bề dài hai thước, bề cao một thước rưỡi. Ba phía phải có vách. Phía thứ tư để làm cửa. Cửa nên làm thật rộng, then thật thưa cho thoáng khí. Lợp mái bằng lá hay bằng tranh cũng được. Mái phải dốc cho nước mưa chảy thoát. Trong chuồng, trải một lớp rơm, cứ mỗi tuần-lẽ thay một lần. Chuồng phải ở nơi cao-ráo, chung-quanh có một khoảng đất rộng. Vịt độ mười mười-hai tháng thì đẻ, và hãy đẻ từ tháng tư đến tháng tám ta, từ 7 giờ đến 10 giờ sáng. Vậy từ 11 giờ trở đi hãy thả.

Ấp trứng. — Vịt càng già, càng ấp dễ. Cứ sáu con cái, thì phải nuôi một con đực. Vịt không chịu ấp lâu ngày, nên dùng gà mái ấp thay. Mỗi lần cho gà ấp độ chừng 10 hay 15 quả là nhiều. Độ 28 ngày thì vịt nở. Người Âu-Mỹ dùng thùng máy ấp, mỗi lần nở được hàng nghìn vịt con.

Cách nuôi. — Vịt mới nở phải nuôi ở chỗ khô-ráo, đừng cho nó lội nước. Quá tám ngày, thì có thể cho nó bơi lội mỗi ngày độ năm bảy phút. Nếu vịt con ngâm nước lâu quá, mình nó sẽ ỉu-lã dễ toi. Cho nó tắm vào một cái chậu cao thành. Tắm xong, bỏ nó vào lồng phơi nắng cho khô lông rồi hãy thả, vì lông ướt dính đất, cát, bùn hay các thứ dơ-bẩn khác làm cho vịt sinh bệnh.

Đồ mừng, đồ phúng tế nào cho nhà, xem Tân Nam-Lịch năm Quỉ Mùi,

Khi vịt đã cứng-cáp thì đào một vũng nước con cho nó bơi lội, và khi lớn hãy thả ao.

Cách cho ăn. — Vịt con thì mổ và bỏ máy-tiêu-hóa còn non, không nên cho đồ-ăn cứng. Chỉ nên cho ăn cám, tằm, bèo, rau băm nhỏ mà thôi. Mỗi ngày cho ăn độ bốn năm bận. Dần dần có thể cho ăn vừng, đậu, cơm được. Khi vịt đã lớn thì nên cho ăn thêm ngô, khoai và lóe. Vịt ra hồ ao kiếm ăn lầy : bắt cá, giun, dế, châu-chấu, chóng béo lắm.

Nuôi độ hai tháng rưỡi thì nên đem bán, vì nuôi lâu nữa, vịt ăn tốn và không lớn thêm được mấy.

Cách chữa gà-con

Gà-con mới nở được non tuần-lễ, thường hay bị bệnh ỉa chảy rồi chết. Muốn chữa, cần nhất là phải giữ chuồng cho thật sạch, tẩy chuồng gà bằng nước Javel, rồi để thật khô hãy cho gà vào. Ngâm thóc, ngô vào nước nóng, có pha chất *extrait de cachou* (cứ 1 lít nước thì bỏ 20 gr. *extrait de cachou*).

Cách giữ chim bồ-câu khỏi đi

Chim bồ-câu hay bỏ chuồng đi nơi khác. Muốn khỏi mất chim thì cho nó ăn những hạt gì mà nó thích nhất. Hãy treo vào trong chuồng một cái đuôi cá-thu ướp muối là thứ nó thích ăn nhất.

Bệnh giun sán của loài chó

Tùy theo chó lớn, nhỏ, hoặc nhỏ mà cho thuốc. Lấy 3 gr. bột hạt cau (chó nhỏ : 1gr, chó lớn : 5gr.), tán thành bột, đem trộn vào cơm cho chó ăn. Làm hai ba ngày liền như thế và độ 3 giờ sau khi uống lần thứ ba thì cho chó uống 30gr. dầu-tây. Bắt chó nhịn đói hẳn 24 giờ, bao nhiêu giun sán sẽ ra hết.

MỘT MỐI LỢI THÊM CHO DÂN-QUÊ THẢ CÁ Ở RUỘNG MÙA

I. — Vụ thả

Thường thường người ta thả cá ở ruộng mùa vào hạ tuần tháng năm hay thượng tuần tháng sáu ta. Nền ruộng đủ nước cho cá lội thì nên thả sớm càng hay, việc cấy bừa tiếp sau có làm chết một ít cá con, cũng không hại mấy nổi. Cá chóng lớn về đầu vụ cấy (cuối xuân sang hạ), chậm lớn về cuối vụ, khi lúa đã tốt che rợp cả ruộng.

II. — Giống cá chọn để thả

Kể các thứ cá, duy có cá chép là nuôi được ở ruộng thôi, vì :

a) nó ưa nước đục, nước bùn và chịu được nhiệt-độ cao của nước ruộng ;

Những ai được xin đất làm đê-điền,

- b) nó chia được mực nước nóng từ 8 đến 10 phần táy ;
- c) nó không hay nhẩy chỗ này ra chỗ khác ;
- d) nó dễ ăn và chóng lớn ;
- e) nó mắn lắm ;
- f) bán cá-chếp không bao giờ sợ ế.

Song nhà nuôi cá phải lo nhất về hai điều này : cá đi mất và cá chết.

III. — Cách giữ cho cá khỏi đi mất

Ruộng cao quá hay cạn-khan, không nên thả cá. Tuy vậy, nếu ruộng ấy ở gần máng-nước hay một con sông-dào có thể tát nước vào thì cũng nuôi cá được. Ruộng thấp quá, hay bị nước mưa hoặc nước lũ tràn bờ, làm cho nhiều cá đi mất. Ruộng trung-bình thì tốt nhất. Vì nếu có bị nước mưa hay nước lũ tràn, thì có thể tháo nước thừa xuống ruộng dưới. Bờ ruộng nào cũng phải cao hơn mặt ruộng ít ra là 35 phần táy. Bờ ngang nên làm khá rộng, không thì bị chuột và cua nó đục thủng và nước ruộng sẽ chảy đi. Muốn cho mực nước bao giờ cũng cao vừa phải, thì nên có những ống tháo nước thừa. Lấy ống bương, bỏ hết mắt đi, đặt ngang với mực nước mình muốn giữ. Phải đặt hai lượt, mỗi lượt từ 3 đến 6 ống, tùy ruộng rộng hay hẹp. Lượt dưới, cách mặt ruộng độ bảy tám phần, lượt trên cách mặt ruộng 15,20 phần. Sau khi lùa đẻ thì bịt lượt ống dưới lại. Đằng trước ống tháo, phải có màn-mành che cho cá khỏi chai qua ống ra ngoài. Nhưng màn-mành giữ những tàn vật nổi lên mặt nước, nước không chảy được lùa-loát. Vây ngoài màn-mành, phải đặt thêm cái phên mắt thưa độ 5 phần. Màn-mành và phên, phải làm cao hơn mặt bờ ruộng.

IV. — Cách giữ cho cá khỏi chết

Đáy ruộng phải thật phẳng để khi tát nước, cá không mắc cạn. Nhưng ruộng phải có chỗ cho cá trú-ẩn những khi gió bão, đại-hạn. Nếu thửa ruộng rộng 1.000 thước vuông thì cái hố cho cá ẩn phải rộng chừng 5 thước vuông táy, sâu 80 phần. Thành hố nên làm chênh-chếch

NHÀ BUỒN

泰 HŨ'U-THÁI 有

Sáng lập đã lâu năm ở Long-xuyên (Nam-kỳ)

CHỦ NHƠN : NGUYỄN-HỮU-THUẾ KÈO THÁI

Tổng phát hành :

Sách, báo, tiền-thuyết xuất-bản ở Đông-dương và ngoại quốc

Bán : Đồ dùng văn-phòng và học-sanh

Đủ thứ Cao-đơn, hoàn-tán danh tiếng ở Đông-dương và Nhật-bồn.

xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-Mùi.

cho đất khỏi lở. Hố phải ở quãng nước chảy khi người ta tát gần sát ngay chỗ tát nước. Ruộng phải có nhiều lối để cá có thể về hố được mau chóng. Vậy nên khơi một đường mương sát với chân bờ và một đường mương nữa ở ruộng, giữa hai hàng lúa. Chang-quanh hố, phải đóng một vài cái cọc làm dấu để khi cày, trâu không sa xuống.

V. — Cách lấy nước vào ruộng

a) Ruộng có lối dẫn thủy thông với con sông-đào. — Đặt ở bờ ruộng những ống bương đã lộng mắt, giống những ống dùng để tháo bớt nước ở ruộng đi. Khi lấy nước vào ruộng, phải đặt phên và mảnh sau miệng ống để chắn cá. Khi đủ nước rồi, lấy rơm ngào bùn lấp ống lại.

b) Ruộng thông với một thửa khác cao hơn. — Muốn lấy nước ở ruộng cao xuống, cũng xếp-dặt như trên, nhưng phải cho nước chảy từ từ. Ống nào cũng phải có phên và mảnh chắn cá.

c) Ruộng phải tát nước bằng gầu hay bằng máy. — Chỗ tát nước vào, phải có phên và mảnh chắn cá. Khi đổ nước, phải đổ vào chỗ giữa phên và bờ.

VI. — Cách thả cá

Cá nhẹ dưới một gramme, thả vào ruộng thì hay chết. Cá nặng từ 1 đến 10 grammes là vừa.

Cứ mỗi mẫu ta thả chừng 4, 5 trăm con thì lợi nhất. Thả nhiều hơn, cũng không lợi, mà thả nhiều quá thì cá hay chết.

Khi gánh cá, đồ chứa phải nóng lòng và rộng miệng cho thoáng khí. Gánh đi xa, phải năng thay nước luôn, hay lấy tay khỏa nước cho tan không-khí vào nước. Có thay nước thì phải từ-từ, và phải dùng nước cùng nhiệt-độ với nước trong thùng. Đừng thả cá vào ruộng ngay trước, hay sau khi cày-bừa. Phải thả vào buổi sáng sớm. Phải đổ dần nước ruộng vào thùng đựng cá, cho cá quen nước ruộng. Rồi từ-từ đổ xuống cái hố gần bờ.

VII. — Đánh cá

Nửa tháng trước khi gặt lúa, người ta tháo hết nước ở ruộng ra để cho lúa chín đều. Lúc đó là lúc bắt cá. Phải tháo nước từ-từ để cho cá có đủ thì-giờ theo mương vào hố. Không thế, nhiều cá sẽ mắc cạn hoặc vấp chúi vào gốc lúa, có tìm để bắt ra được thì cũng mất thì-giờ và làm nát lúa. Nếu chưa đến ngày tháo nước cho lúa chín mà có mưa to gió lớn làm cho lúa đổ, thì cũng hại mất nhiều cá. Bấy giờ không nên đợi nữa, nên tháo nước để bắt lấy cá, vì có đợi cũng không lợi thêm bao nhiêu. Cuối vụ lúa rồi, cá cũng không lợi thêm được mấy.

VIII. — Mỗi lợi

Trung-bình khi tát nước, một con cá cân được từ 60 đến 130 grammes. Mỗi mẫu tây được từ 50 đến 130 cân tây cá. Thật là một mốt lợi lớn cho dân-quê ta.

.Bọn gái làm thổ nào được trẻ lâu, xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-Mùi

NHI - ĐỒNG

Tính hài-hước của người Maroc

Người Maroc ít khi cười cợt nhả nhớt. Bộ dạng lúc nào cũng nghiêm-trang đứng đắn. Nhưng chó tướng họ là một dân hay buồn-bã đầu. Những khi hứng thú, người Maroc thường kể cho nhau nghe những chuyện hài-hước rất ngộ-nghĩnh. Những hạng người mà họ hay chế-giễu nhất là đàn-bà tham ăn, gian-giảo, lảm điều, các thầy-lang băm, các thầy-tu giả-dối và những kẻ ngu-ngốc. Xem mấy chuyện sau này thì rõ ;

1. — Người đàn-bà tham ăn và con vẹt.

Chàng kia có một con vẹt. Một hôm anh ta đi vắng, vợ vào chuồng gà lấy hết trứng đem luộc ăn. Nhưng con vẹt bắt được quả tang chị ta ăn vụng, đợi chủ về liền mách. Chồng mắng vợ là ăn tham. Vợ chối bai-bải và nói rằng : « Rồi nhà xem, con vẹt này chỉ nói diên thôi ». Hôm sau, anh ta vừa ra khỏi nhà thì vợ đem lồng vẹt vào một chỗ tối, lấy cái cối-xay bột xay ầm-ầm làm giả tiếng sấm. Rồi lại lấy nước đổ vào một cái thùng chảy nước giở giọt lên mình con vẹt như thể trời mưa. Đoạn, chị ta lại đem lồng vẹt đặt vào chỗ cũ. Một lúc sau, chồng về, con vẹt mừng rỡ, hỏi chủ : « Đương lúc mưa to gió lớn, sấm ù ù, ông đi đâu thế ? » Chị vợ liền bảo chồng rằng : « Đây nhà xem, con vẹt có điều không ? Trời nắng thế mà lại bảo là mưa ! » Anh chồng cho vợ là phải. Từ đấy trở đi, con vẹt nói gì, anh ta cũng không tin nữa.

2. — Người đàn-bà đa mưu.

Một người lái buôn mua được hai con gà sống thiện, đem quay rồi mời bạn đến đánh chén. Vợ bác ta vốn tham ăn và đa mưu, muốn một mình ăn cả hai con gà. Khi người khách đến nhà, chị ta mời ngồi bên cạnh giường đưa con đương ngủ. Đưa bé thức dậy khóc òa lên. Người bạn hỏi : « Tại sao nó

Làm thế nào cho xa-phòng đỡ hao, xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-Mùi.

Khóc thế? » Bằng một giọng rầu-rĩ, chị ta đáp : « Khổ quá ! Nè thương ông đấy. Không biết tại sao chồng tôi độ này, cứ hay mời bạn-hữu đến đánh chén no say, rồi lại giết phăng đi. Con tôi nó khóc là vì thế. » Người bạn hoảng hồn, liền nhẩy lên ngựa đi mất. Đương lúc ấy, bác lái buôn trở về, chưa hiểu câu chuyện ra sao thì chị vợ đã vội nói : « Nhà nhìn kia ! Ông bạn quý của chúng ta, thấy hai con gà quay ở trên bàn, phỗng mất cả rồi tể ngựa chạy trốn ! » Anh chồng tiếc gà, liền nhẩy lên ngựa đuổi theo. Người bạn tưởng anh ta đuổi theo để giết mình, cũng quất ngựa phi như tên. Đương lúc ấy, chị vợ ở nhà ung-dung đem hai con gà quay, ngồi lăm một mình.

3.— Ông thầy - tu với bà vợ.

Một hôm ông thầy tu Ben Attar giảng đạo, có dạy các tín-đồ nên nhân-tử, bác-ái, bố-thí cơm áo cho kẻ nghèo và biết kính-

Librairie

VO - VAN - KICH

PAPETERIE, BAZAR, RELIURE

50, VAN VOLLENHOVEN

PHNOM - PENH



NHÀ BUÔN SÁCH, CÁC HIỆU
THUỐC CAO ĐƠN HOÀN TÁN,
MUA SÁCH CŨ VÀ CÓ ĐỦ
VỀ TẬP HÓA

trọng kẻ tu - hành. Vợ ông ta nghe giảng xong, vào bếp lấy cơm bánh phân-phát cho những người nghèo. Khi Ben Attar về nhà gọi vợ dọn cơm ăn. Vợ nói : « Ông vừa mới giảng đạo rằng nên kính-trọng kẻ tu-hành, bố-thí cho kẻ nghèo đói những cái gì quý nhất. Tôi xem không có gì quý bằng cơm bánh, nên tôi đã đem phân - phát cho kẻ nghèo cả rồi. » Ben Attar nổi giận, mắng vợ rằng : « Đồ ngu, mi không hiểu rằng ta giảng như thế là cốt để các tín-đồ biểu xén tá luôn hay sao ? »

4.— Con lừa đánh vỡ cái gương.

Hai bác lái buôn, Mohammed và Abdessalam kiện nhau. Mohammed vốn tính ranh, đem lễ ngay quan án một cái gương thật đẹp. Quan án vui vẻ nói : « Được ! Mai ta sẽ xử cho anh được kiện. » Abdessalam được tin

Lệ giá-thú ở các làng mới sáp-nhập Hanoi,

của người nhà quan án mách rằng người kiện mình vừa đem lễ đút quan rồi, đang đem liền vào chuồng tháo một con lừa của mình, cũng đến lễ quan. Hôm sau xử kiện, ai nghe đối chất cũng đoán ngay rằng anh lễ lừa tất được kiện. Muốn nhắc lời hứa của quan án hôm trước, Mohammed liền nói : « Lòng ngay thẳng của tôi trong-sáng như cái gương Tàu. » Quan án nghiêm-nhiên phán : « Anh không biết à! con lừa nó đã chà vỡ (bể) mất cái gương rồi. »

5.— Thầy khát-hộ và thịt lừa.

Có một ông lang có tài đoán, hễ bệnh-nhân ăn gì, ngày hôm xem mạch cũng không giấu được. Một thầy khát-hộ phục tài ông lắm, van lạy ông ta dạy nghề cho. Ông lang nói : « Có khó gì đâu, khi đi thăm bệnh thì có ý nhìn vào đồng rác của nhà bệnh-nhân. » Thầy khát-hộ mừng lắm, cũng đi làm nghề chữa bệnh. Một hôm thầy ta đi xem bệnh, thấy một mảnh gèn lừa ở đồng rác, liền bảo bệnh-nhân : « Ông đau là phải. Ai bảo ông ăn lắm thịt lừa thế ? »

6.— Ba anh nói khoác.

Cũng như người Việt-Nam, người Maroc thích ăn thịt sỏ lắm, mà trong cái sỏ thì họ thích nhất đôi mắt. Một hôm, ba người bạn chung tiền mua hai cái sỏ cừu đánh chén. Mỗi người được ăn một phần và một con mắt. Trên mâm còn thừa một cái mắt, anh nào cũng nhận phần mình, không ai nhường ai. Kết cục, cả ba định rằng hễ trong bọn, ai kể một chuyện khoác-lác nhất thì người ấy được ăn.

Anh thứ nhất nói : « Một hôm, tôi và 950 người kỵ-mã đi qua bãi sa-mạc. Trời nắng dữ quá, chúng tôi thấy ở đằng xa có một cái vườn đầy hoa quả (trái). Chúng tôi lại gần, thấy một cái bấp - cái to đến nỗi cả người cả ngựa đều nấp dưới những lá cái mà cũng vừa. »

Anh thứ hai nói : « Một hôm tôi với 950 người thợ bện làm một cái nôi khổng-lồ, nôi to đến nỗi những thợ ở phía nôi bên này không nhìn thấy thợ làm ở phía bên kia, và những tiếng búa đóng đánh ở bên kia, người bên này cũng không nghe được. »

Anh thứ nhất hỏi : Cái nôi ấy dùng để làm gì mà to thế ?

— À ! có gì đâu, cái nôi ấy để lược cái bấp-cái của anh mà ! »

Anh thứ ba nói: « Hôm qua, tôi mua hai cân bột mì bỏ vào một cái tráp treo lên trần. Được một lúc thì lạ thay! cái tráp ấy rơi xuống đất, thế mà bột hầy còn nguyên trên trần nhà. »
— Khá lắm! Thế cái tráp ấy, hiện nay anh cất đi đâu?

— Đừng tưởng là chuyện bịa! Bột hầy còn nguyên trên trần kia kia, nhìn mà xem. »

Đương lúc hai anh kia ngàng đầu lên tìm bột thì anh này dứt ngay cái mắt cừu vào mồm nuốt chửng.

7.— Jéha, thằng ngốc.

Một hôm, mẹ sai con là Jéha ra chợ mua một cái chảo, một cái nồi và ba cái chày.

Jéha không biết làm thế nào đem về nhà được, bèn mượn một cái dùi, khoan thủng cả chậu, chảo và nồi, mỗi cái một lỗ, rồi lấy dây xâu qua mà xách về. Mẹ tức giận mắng: « Mày làm hại tao rồi, không mang được thì sao không thuê người xách cho? »

Hôm sau, mẹ lại sai con đi mua một cái kim. Jéha không ngần ngại gì, thuê ngay người đem kim về, trong bụng nghĩ: Hẳn mẹ ta phải bằng lòng, vì ta đã vàng lời mẹ.

8.— Jéha và ông vua.

Một hôm, vua cho đòi Jéha vào cung, phán rằng:

« Ngày mai, mày phải đến đây, vừa làm ky-mã, vừa làm bộ-hành, vừa khóc, vừa cười. Nếu không tuân lệnh thì mày sẽ mất đầu!

Hôm sau, Jéha vào cung, cười một con lừa thấp, đến nỗi ngồi trên lưng lừa mà hai chân nó vẫn chấm đất. Trong mồm nó nhai một củ-hành cho nước mắt chảy giàn-giụa ra, nhưng miệng vẫn cười khanh-khách. Ai cũng phải phục Jéha là tinh-ranh.

9.— Dân thành Fès và cuộc chiến-tranh.

Người nhà-quê Maroc thường chế-riếu người tỉnh-thành là nhút nhát. Họ bèn nghĩ ra câu chuyện này để chế cái tính cả sợ ấy:

Năm 1128, dưới triều vua Abd-el-Moumen, thành Fès bị quân địch vây. Đã mấy tháng, trong thành lương-thực thiếu thốn. Nhiều người chết đói. Sau ông chủ tỉnh mộ được một loạn quân để giải vây. Cả đoàn rầm-rộ ra khỏi thành, gươm giáo, súng ống đều sẵn sàng cả. Ông tướng đi đầu.

Ở cổng thành, có một người ăn-mày già thấy binh-lính kéo qua, chấp tay chào mà thưa với ông tướng : « Bầm quan lớn, tôi xin theo đi đánh giặc. »

Nhưng chẳng may, ông già lại móm, không còn một cái răng nào. Thành ra khi nói đánh bắn một cục đờm vào giữa mắt ông tướng. Nghĩ là một viên đạn đã trúng mắt mình, ông tướng sợ quá, vội rút quân vào thành đóng ập cửa lại.

Quân quan ai nấy đều nói : « Một cục đờm của một tên cướp đã làm cho tướng mình mù, huống chi đạn thật thì không biết mạnh đến đâu ! »

Một nửa đội binh thành Fès phát bệnh vì sợ. Cũng có vài chục người chết vì kinh hãi quá.

Phỏng theo báo « Information d'Outremer »



Hỡi anh em Lạc-Hồng !



—Hỡi anh em Lạc-Hồng !
Cùng nhau quyết một lòng :
Hút « thuốc Lào Đông-linh »
Cho tỉnh giấc mơ - mòng.
—Trung-Nam-Bắc, chị cùng em !
Thuốc Lào Đông-Linh giọng êm
khỏi trường !
Làm cho tỏ mặt phi thường !..

THUỐC LÀO ĐÔNG-LINH
236, Đầu Cửa-Nam — HANOI

Lệ dán tem vào bì danh-thiệp thế nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-Mùi.

Mấy cái tính - đồ giải-trí
Những cái tính-nhân toàn số
như nhau

Em hãy đồ bạn làm một cái tính-nhân thế nào mà số-thành (produit) có ba con số cùng như nhau cả. Thí - dụ, số thành cùng ba con 2, hay ba con 5. Bạn có giỏi tính cũng không nghĩ ngay được.

Vậy em chỉ việc lấy số 37 mà nhân với số 3, 6, 9, 12, 15, 18, 21, 24 và 27 thì sẽ thấy :

37	x	3	=	111
37	x	6	=	222
37	x	9	=	333
37	x	12	=	444
37	x	15	=	555
37	x	18	=	666
37	x	21	=	777
37	x	24	=	888
37	x	27	=	999

Nếu bây giờ muốn được những số-thành có 9 con số giống nhau thì làm thế này :

Biên 9 con số thứ-tự từ 1 đến 9, và bỏ con 8 đi, là 12 345 679. Rồi nhân cái số 12 345 679 ấy với số 9 hay là các multiple của 9. Thí-dụ, muốn cái số thành có 9 con số toàn 1 cả, thì nhân với 9 vì $9 \times 9 = 81$. Muốn 9 con số toàn 7 cả thì nhân với 63, vì $3 \times 9 = 27$. Xem những số sau này sẽ rõ :

NGUYỄN-THẾ-BÌNH



Hiệu Táp hóa, nhà chế-tạo và phát-hành các thứ hàng nội-hóa và được tin-nhiệm nhất ba kỳ.

BẮC-KỲ :

Số nhà 151-153 hàng Bông

XUỞNG CHẾ-TẠO :

Thanh Trì — Hà Nội

DUYỆT CÁC BÁO

Thuật việc kẻ - trộm đào mả một nhà giàu kia trong làng X, một tờ báo có đăng rằng « Gian-phi đến đào lăng ông cụ... » Ôi chết ! Chử lăng chỉ dùng để chỉ mồ-mả các vị đế-vương mà thôi. Người ta nói : Lăng Hùng-Vương, chứ không nói được lăng cụ Mỗ, lăng quan Mỗ, dù cụ Mỗ hay quan Mỗ muốn giàu sang thế nào mặc lòng.

Làm thế nào bánh cao-su được bền giải

12 345 679 x 9 =	111 111 111
12 345 679 x 18 =	222 222 222
12 345 679 x 27 =	333 333 333
12 345 679 x 36 =	444 444 444
12 345 679 x 45 =	555 555 555
12 345 679 x 54 =	666 666 666
12 345 679 x 63 =	777 777 777
12 345 679 x 72 =	888 888 888
12 345 679 x 81 =	999 999 999

Tính-trừ quý-thuật

Em có thể đổ bạn làm một cái tính-trừ ba con số rồi giấu đi, làm xong chỉ cho mình biết một con số cuối, nghĩa là hàng unité thì mình khắc biết cả những con số khác. Nên nhớ rằng chỉ làm được đến hàng trăm thôi, và phải nó lại trừ nó mà quay ngược lại. Thí-dụ số 452 mà quay ngược lại là 254. Đem trừ, thấy: $452 - 254 = 198$. Nếu người làm tính-trừ bảo cho mình biết con 8, thì mình tự đoán số hàng trăm là 1 và số hàng chục là 9, nghĩa là 198. Có khó gì đâu! Tính-trừ quay ngược như thế, bao giờ con số hàng chục cũng nhất-định là số 9, mà con số hàng unité với hàng trăm cộng với nhau bao giờ cũng thành 9. Nếu hàng unité là 1 thì hàng trăm sẽ là 8

2	—	—	—	7
3	—	—	—	6
4	—	—	—	5
5	—	—	—	4
6	—	—	—	3
7	—	—	—	2
8	—	—	—	1
9	—	—	—	0

Thí-dụ nữa: $726 - 627 = 099$

xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-Mùi.

NÊN ĐỌC

Luật Lao - Công

GIÁ : 0 \$ 30

Bán tại HÀ-THÀNH AN-QUÁN

85, PHỐ HÀNG BÔNG, HANOI

HẢI ĐÀM

Thư thả của trẻ

- Bà đến thu họ, phải không?
Me đi vắng xa rồi!
- Me đi có chóng về không?
- Tôi không biết... chề me ướp,
đang xây trên lò kia kia!

hiệu **HỘI-KÝ**

34, Rue Carreau 34
NAM DINH



là hiệu sách
có tín - nhiệm
nhất thành Nam

GIA-CHÍNH

Trang-sức

Giữ da cho trắng. — Muốn trắng da thì rửa bằng nước này : lấy độ hai chai nước « eau de son » pha với một chai sữa tươi và một thìa cà-phê teinture de benjoin.

Muốn giữ tay được trắng, hãy dùng cách này : Vắt chanh quã lấy nước-xoa vào tay cho kỹ, cứ để tự-nhiên cho khô, đừng lau. Tối đến, lại vắt chanh hòa với kem mà xoa thật mạnh, tay sẽ mịn và trắng lắm.

Phụ-nữ ta ngày nay thường dùng glycérine để trang-sức nhiều lắm. Glycérine tuy không hại da, nhưng không nên dùng nguyên chất, vì về hóa-học, nó cũng là loài rượu. Khi pha với các thứ nước có rõ lẫn nước-hoa thì da không hại. Muốn khỏi nẻ, mùa hanh chỉ việc xát một ít vào tay là da sẽ nhuận ngay.

Một cách nhuộm tóc không tốn mấy đồng tiền. — Các ngài hay các bà tóc đã hoa râm, muốn được xanh tốt, không cần phải thuê hiệu cắt tóc nhuộm, hoặc mua thuốc về nhuộm, có thể tự làm lấy thuốc theo cách sau này không tốn mấy đồng tiền :

Lấy một cái chai 250 grammes, đổ 30 grammes nước eau de Cologne vào (chừng ba thìa xúp) với 7 grammes glycérine (một thìa cà-phê) và một hộp Lexol, rồi đổ nước lã cho đầy chai. Những thuốc ấy, hàng thuốc nào cũng có bán. Mỗi tuần-lễ hai lần, lấy nước trong chai ấy bôi vào tóc, bao giờ thấy đen mượt thì thôi.

Nước đánh răng. — Lấy hạt hồi 20 gr., đinh-hương 5 gr., quế 5 gr., dầu bạc-hà 3 gr. Ngâm liền 8 ngày vào trong một chai 560 gr. rượu 85 phân. Lọc rồi thêm 0,25 teinture d'ambre cho nó nhầy-nhầy, nhưng không cần lắm. Mỗi lần dùng, rỏ vài giọt vào một cốc (ve) nước mà đánh răng.

Muốn có nước trong sạch. — Ở những nơi không có nước trong sạch, bỏ nghi là nước bẩn thì dùng cách sau này ; mỗi lít nước, rỏ một giọt nước Javel vào. Đợi 24 giờ, lại thêm một giọt bisulfite de

Muốn rõ thể-lệ khăn đất làm đồn-diễn không mất tiền,

sonde để cho hóa mất chất Javel đi. Như thế, nước không có mùi gì, sạch trùng và đem dùng được ngay.

Hồ áo.— Quần áo muốn hồ được cứng và bóng thì bột hồ tằm phải pha với một phần sei de borax. Thử này phải nghiền nhỏ ra rồi trộn với bột mà nấu.

Cách chữa quần áo bị xém bàn-là.— Bỏ một đùm borax vào trong một cốc nước lã, khuấy cho đều; đem quần áo xém nhúng vào nước ấy mà vò qua đi, đoạn giặt bằng nước lã.

Trừ mốc.— Chỗ nào có giày, dép, đồ bằng da mà ẩm ướt, muốn khỏi mốc thì rắc một vài giọt dầu thông vào chỗ ấy.

Bếp nước

Thế nào là cá tươi.— Muốn chọn cá tốt, phải xem còn tươi hay không, rồi mới xem thịt dãn và dày. Cá tươi thì mang nó phải đỏ sẫm, nẩy nhô và không có mùi, vây phải cứng và mắt sáng. Không được như thế là cá ươn.

Cách đánh sauce mayonnaise trắng.— Đập hai lòng-trắng trứng tươi vào một cái bát. Cho muối và hồ-tiên vào. Lấy thìa (muỗng) khuấy cho đều, vừa đánh, vừa đổ dầu ăn từng giọt vào bát. Khi nào thấy đặc và không dính bát thì thôi, đừng cho dầu nữa. Bấy giờ mới cho dấm hay vắt chanh vào bát. Lại tùy thích, thêm muối và hồ-tiên mà đánh cho đều. Nếu thấy đặc quá thì có thể thêm một ít nước lã, hoặc một hai thìa crème.

Làm nước chanh.— 1.) Chanh hai quả thật to, đem cắt thành khoanh, ngâm vào một cốc rượu dấm trắng thật tốt trong 24 giờ. 2.) 10gr houblon (hoặc chè hạt cũng được). 3.) 15 gr acide tartrique. 4.) 1 kg rượu đường. Ngâm ấy thứ, bỏ vào một cái hũ sạch đựng 25 litres nước. Khuấy thật mạnh ngày hai buổi. Được 8 hôm thì đóng chai và đem nút chặt (buộc dây thật kỹ) đặt chai nằm trong 5 hôm rồi đem uống.

Cách làm rượu curacao.— Trong một litre rượu 90 phần, ngâm những vị sau này : Da cam (vỏ ngoài bỏ hết cùi đi) chừng bốn quả; 600 gr. đường, ba củ đinh-hương, 1 centigramme nghệ, một cái đế-khăn đầy hạt mùi. Thỉnh-thoảng, khuấy lên. Ngâm được sáu tuần-lẽ thì đem lọc cho trong, rồi pha chừng 750 grammes nước lã cho rượu xuống phân độ 40°. Như thế vừa được ba chai 75 centilitres.

Cách thử rượu vang (rượu chát).— Đun sôi rượu lên. Lấy một sợi len nhúng vào nước lã, rồi nhúng vào rượu. Lúc lấy ra, nếu sợi len đổi màu, là rượu xấu có pha phẩm, uống rất độc.

Gióc vẩy cá.— Muốn bóc vẩy cá được dễ dàng thì trước khi làm, ngâm cá vào nước sôi trong nửa phút đồng-hồ.

Cách thử trứng.— Muốn thử trứng tươi hay trứng cũ, phải đem ra ánh sáng soi : trứng càng trong thì càng tươi, càng đục thì càng cũ. Lại có cách thử biết được bao nhiêu ngày nữa : Lấy 125 grammes muối ngâm vào trong một litre nước ; đợi muối tan hết, thả trứng vào. Nếu là trứng mới đẻ thì nó chìm xuống đáy chậu ; nếu trứng đẻ được một ngày thì nó chìm gần đến đáy ; nếu đẻ được ba ngày thì nó nổi lưng chừng. Nói tóm lại, trứng càng cũ thì càng lên cao.

Cách lau chùi trứng.— Trứng đẻ bần lăm thì khó bán, vì khó biết là trứng tươi hay trứng cũ. Muốn trứng được sạch thì cần phải giữ ở cho sạch, năng thay rơm luôn. Nhưng trứng lỡ bần thì phải biết cách lau chùi. Nhúng trứng vào nước ấm ấm, rồi bỏ ra ngay và xát bằng đá-bột tán rất nhỏ. Vì nếu rửa bằng nước thì vỏ bóng nhoáng, không khác gì trứng cũ, mà xát bằng đá-bột thì cái bóng nhoáng mất đi. Đừng bắt-chước lăm người đem nhúng vào nước pha dấm, trứng không đẻ lâu được. Còn những trứng ấp mà muốn lau sạch thì nhúng vào nước ấm, nhưng chớ xát đá-bột và chớ lau mạnh, gà không nở được.

Cách rang cà-phê.— Cà-phê có biết rang thì uống mới thơm. Rang cho tốt, phải dùng những ống-rang riêng mà quay trên lửa thì các hạt mới chín đều. Nếu không có ống-rang thì có thể dùng chảo gang hoặc chảo đất. Muốn giữ cho cà-phê cái hương tự-nhiên của nó thì phải dùng chảo mới, hoặc chảo xưa nay chỉ dùng riêng để rang cà-phê, chớ không rang những thứ gì khác. Cách rang phải thế này :

Đổ cà-phê vào chảo, chừng nửa chảo thôi, đừng đầy quá hay vơi quá. Lửa phải diu-diu, để cho nóng vào đến tận trong hạt. Lấy thìa gỗ hay thìa-cả rang luôn tay. Rồi cho lửa hồng thêm lên. Tay vẫn rang cho đều. Khi thấy hạt cà-phê sắc đã nâu thẫm là vừa chín, đừng để cháy đen mới bắc chảo ra. Đổ cà-phê lên một cái khăn khô cho hạt nguội đi. Khi cà-phê đã lạnh hẳn thì bỏ vào một cái hộp hay ống sắt tây, hoặc bỏ vào lọ hay vò thủy-tinh, nút chặt, đóng đến đâu hãy xay đến đó.

Cách chữa món ăn quá mặn.— Lấy một miếng đường đặt trên một cái thìa. Khẽ nhúng thìa vào bát đồ ăn quá mặn trong giây phút, lúc đường bắt đầu tan thì nhấc thìa ra. Bát đồ ăn sẽ hết mặn, vì bao nhiêu chất muối đều bị đường hút hết.

Cách để dành khoai tây.— *Cách thứ I.*— Muốn để dành khoai tây, thì mùa khoai rộ, mua về ngâm vào nước nóng già (80 độ) trong nửa phút đồng-hồ. Rồi lấy ra rắc với bột hay tro phủ lên khoai mà để dành.

Cách thứ II.— Ngâm vào nước muối (cứ 10 phần nước thì 2 phần muối) trong bảy tám giờ đồng-hồ, rồi lau khô cất đi. Làm như trên, ta có thể để dành khoai được 9, 10 tháng.

Mẫu đơn xin đất làm đồn điền, xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-Mùi.

Những điều kinh-nghiệm

Muốn giữ cho sữa chậm ôi, đem đun sôi lên rồi rắc một chút bicarbonate de soude vào.

Muốn tẩy vết hoen cháy thì cho vài grammes borax vào một chén nước lã mà tẩy.

Phơi dù, chớ có phơi ngửa, vì nước đọng lại trong gọng, làm rỉ mắt gọng.

Hễ ống khói thấy không thông, phải nạo ngay, không thì có khi cháy nhà.

Muốn giữ bơ được tươi thì lấy khăn tẩm nước có bỏ dấm mà bọc, rồi để vào nơi lạnh.

Muốn tẩy vết rượu vang (rượu chát), ngâm vào sữa đun sôi.

Đánh soong hay chậu cháng men thì lấy mặt-cưa mà đánh, chớ dùng lấy giao mà cạo.

Nút chai cũ, muốn rửa sạch thì ngâm một ngày vào nước có pha 1/10 acide sulfurique.

Muốn rửa chai, thái nhỏ khoai tây bỏ vào mà xúc với nước.

Ếch hay cóc thấy nhiều hơn mọi ngày là điềm sắp mưa.

Hoa quả, khoai, rau, muốn trữ lâu, chớ xếp lên giường, lên bàn hay xếp vào thùng; phải xếp lên giàn hay chõng thưa cho thoáng hơi.

Móng-chân chớ cắt tròn như móng tay, hai bên phải cắt vuông, không thì nó ăn sâu vào thịt thành vết thương ở ngón-chân.

Thông-chê Pétain đã nói :

Các người cần nhất không nên ngã lòng. Vì dù Bản-Chức được quyền như vậy thì đã ngã lòng từ lâu rồi. Bản-Chức sẽ gánh việc lớn cho đến khi hoàn thành và mong rằng ai ai cũng nói theo gương đó.

Điềm lành, điềm dữ của người Tây

Điềm lành, điềm dữ của tở-truyền, nước nào chẳng có ?

Sau đây, hãy chép mấy việc mà người thôn-giã bên Tây cho là điềm lành, điềm dữ :

Gặp xe đám không có sừng là điềm lành.

Nhện sa buổi sáng là điềm dữ, buổi chiều là điềm lành.

Cần vồng buổi sáng là có mưa, buổi chiều là trời tốt.

Mèo vắt chân lên tai, là có khách sắp đến hay trời sắp mưa.

Chim sẻ hay gà lẩn trong bụi, hay chim yến bay là-là mặt đất, hay ếch kêu là trời mưa.

Nếu ngói rơi (rớt) hay dây điều đứt là trâu bò lạc.

Nhặt được sắt bít móng-ngựa hay cái đinh mà dắt vào mình, là điềm lành.

Ra ngõ gặp cụ-đạo là điềm dữ.

Gặp người gù lưng, hay bất-thần người ấy đụng phải mình là điềm lành.

Nếu gặp người gù lưng, một người lính và con ngựa t ăng cả ba thứ một lúc thì lại lành nữa.

Vô ý dẫm phải phân là phát tài.

Dẫm phải vũng nước mà lại bị mặt-trời xối vào mắt thì trong năm, thế nào cũng thành gia-thất.

Khâu áo cho cô-dâu mà đề rơi một sợi tóc của mình vàoi gấu áo, cũng là điềm sắp cưới.

Con gái trộn rau xà-lách, đánh rơi bao nhiêu lá ra ngoài, thì chạp lấy chồng bấy nhiêu năm.

Lấy nhẫn của người đã có vợ có chồng, đeo đùa vào tay mình thì phải chạp cưới lại mất bảy năm.

Ngồi ăn với vị-hôn-thê của mình, có ai mời ăn quả-tàn thì phải cắt một quả làm đôi, đưa biếu vị-hôn-thê nửa quả có dư, không thì việc kết-hôn chẳng bao giờ thành.

Con gái dùng dao mà quấy chén cà-phê thì lấy chồng chạp mất mười năm.

Mua phẩm của ăn-cấp có thể phải tại thế nào ?

Lấy vòng-hoa cam của cô-dâu đội thử lên đầu mình, cũng chậm mất bấy nhiêu năm. Nếu con gái đội thử, chính là thợ làm vòng hoa ấy mà không đi lại với cô-dâu thì không ngại gì.

Đám cưới và đám ma cùng làm lễ ở nhà-thờ một lúc, thì đám-cưới không ra gì.

Khi cụ-dạo đã làm phép cưới rồi, nếu cô-dâu đeo nhẫn cho chú-rẻ thật chặt và đi tiến lên một bước trước, thì về sau sẽ lẩn hết quyền chồng mà gia-đình lục-đục.

Muốn biết vợ chồng ăn ở với nhau được sung-sướng bao nhiêu năm thì hôm cưới, lấy một cái chén đập xuống đất. Chén vỡ (bể) làm bao nhiêu mảnh thì được bấy nhiêu năm.

Cô nào nhặt được một mảnh và giữ lấy thì nội năm ấy sẽ lấy chồng và làm ăn thịnh-vượng.

Nếu dao dĩa để chéo chữ - thập, hay là để kéo rơi (rớt) xuống đất mở thành chữ - thập là điềm dữ.

Đánh đồ muối cũng là điềm dữ. Nhưng muốn trừ sự dữ thì phải lấy ngón tay-trỏ và ngón tay - cái nhặt muối ấy lên, ném qua vai bên trái ba lần.

Nếu cái đựng muối đổ về một bên, mà muối không ra ngoài thì tất có sự rủi-ro.

Cùng bàn ăn, đưa muối cho ai thì phải mỉm cười, không thì tất cãi nhau với người ấy.

Đánh vỡ (bể) gương là điềm rất dữ, không chết thì mắc bệnh.

Lấy được một màu dây của người thất cô thì nên giữ lấy, vì là điềm lành.

Nếu gặp người thất cô mà không giữ cho người ta thì lại rất độc, không cứ là người thất cô có chết hay không.

Thắp ba ngọn đèn trong buồng là điềm dữ.

Đánh rơi trăm cái đầu là có người nhớ đến mình.

Nếu đánh đồ lộp ghim mà không còn cái nào là điềm lành. Nếu còn lại một vài cái là tất có chuyện đánh nhau.

Đốt củi trong lò mà có tia lửa về tay trái là điềm lành, về tay-phải (tay-mặt) là điềm dữ.

Mặc áo trái, là gặp sự không hay.

Đàn-bà đánh mất nịt là chổng có ngoại tình.

Đàn-bà mặc váy trái, cũng triệu thê.

Ngựa mũi thì tất có người đến hôn mình.

Chưa ăn lót dạ mà hắt-hơi ba lần là có tin mừng.

Đàn-bà thối sáo miệng, tất có chuyện chẳng lành: rủi-rò, bệnh tật trong nhà, không khác gì gà-mái gáy, phải cấm ngay đi.

Mồng một tết, đàn-bà được khách đàn-ông đến xông nhà thì cả năm thịnh-vượng. Nếu đàn-bà đến xông, thì lung-cũng cả năm.

Đánh võ trướng là điềm cãi nhau trong nhà.

Ngựa tay-trái, tất có tiền, ngựa tay phải, tất mắc nợ.

SƠN TỐT CÓ
TIẾNG LÀ SƠN

“GECKO”

BÁN BUÔN VÀ LẺ TẠI :
THANG - LONG
PHỐ CHỢ HÀNG DA HÀ NỘI

DUYỆT CÁC BÁO

Báo tin con quan Mỗ chết, một tờ báo kia có đăng rằng : « Bản quán được tin buồn cậu....., con quan..... từ-trần..... năm nay hưởng thọ 15 tuổi ». Chết năm 15 tuổi mà thọ du ! Có yều thì có. Thọ, chữ nhỏ nghĩa là sống lâu, ít ra cũng sống đến 50, 60 tuổi mới là thọ được.

Muốn rõ luật mới về việc thuế phả, xem Tân Nam-Lịch năm Quý-Mùi,

KHOA-HOC VỚI CÁC KỲ-TÍCH

Những bậc anh-kiệt

Cứ như công việc Hội-nghị thần-kinh học mấy năm trước đây thì những bậc anh-kiệt xưa nay, ít khi là con của các vợ chồng trẻ, và phần nhiều là con út.

Trong số 74 vị anh-kiệt đàn-ông và đàn - bà trong các giới thì chỉ có bảy người là con đầu lòng.

Vậy thì các vĩ-nhân đó lúc sơ-sinh, các cụ thân-sinh đã vào thời-kỳ đứng tuổi rồi.

Tại làm sao gọi là Eau de Cologne

Thứ nước-hoa sức tóc mà người ta gọi là Eau de Cologne, cái nguyên-ủy nó rất lạ-kỳ.

Nguyên người chế ra nó, tên là Jean Pierre Farina ở thành Cologne, định dùng làm thuốc, rồi mấy giọt vào nước dùng như các thứ thuốc khác. Lúc gần chết, ông ta có làm di-chức dạy cách pha cho một người cháu, Paul Farina là một sinh-viên rất dưng - aan nhưng lại rất nghèo và tính nhút - nhát. Người cháu muốn cất đề bản, song tiền không có.

Sinh-viên đi lại với một nhà kiu có một người con-gái đẹp, sinh lòng thương nàng mà không dám ngỏ lời.

Một bữa đang ăn cơm, cô ta thốt-nhiên chóng mặt. Sinh-viên bèn rút lọ thuốc ở trong túi ra để cho nóng mấy giọt. Chẳng may, đương lúc mê-mán, cô ta dùng tay phải cới lọ, nước đổ bắn vào xiêm một bà lịch-sự ở Paris qua thành Cologne, lúc đó cũng ăn cơm ở nhà ấy.

Lấy làm thẹn, Paul xin lỗi mãi, nhưng bà ta thấy mùi thơm sực sưa ở áo liền khen sinh-viên và ước cô vát lọ như thế. Paul bèn kê thật sự - tình, chủ đề lại cho chỉ có một lọ ấy thôi.

Bà ta liền đem chàng sang Paris. Từ đó, Paul làm giầu về nước hoa và lại lấy được vợ, tức là cô con-gái mình thương yêu ở Cologne.

Cây cồ-thụ nhất thế-giới

Cây cồ-thụ nhất thế-giới, ai cũng nghĩ là cây bồ-đề ở đảo Ceylan mà đức Thích-ca nấp ở dưới bóng đến tuổi khôn-lớn. Nhưng xét ra

Muốn rõ nguyên bệnh trẻ con, xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-Mùi.

cây bồ-đề ấy mới mọc từ năm 288 trước Thiên-chúa giáng sinh. Vậy mà theo như báo Daily Mail ở Chapultepec, xứ Mexique, có một thứ cây bách sống ít ra đã được 6 000 năm, chu-vi nó đo được 36 thước. Sau nữa, ở Californie, lại có mấy thứ tùng - bách cao hơn 100 thước và sống đã 2.500 năm nay.

Nộp thuế bằng đuôi chuột.

Tại Bombay, mấy năm trước, giống chuột sinh nhiều quá. Không biết làm thế nào cho bớt được, chính-phủ phải hạ lệnh cho nhân-dân có thể nộp thuế bằng đuôi chuột được.

Cách ấy xem ra đã được kết-quả tốt lắm.

Xem bệnh bằng móng-tay.

Cứ như nhà bác-học Mangin Balhazar thì mùa hạ móng-tay người ta chóng mọc hơn mùa đông, lúc ăn rồi dễ mọc hơn lúc chưa ăn, móng-tay tay-phải (tay-mặt) mọc chóng hơn tay - trái. Mỗi ngày, móng-tay mọc thêm được một phần mười millimètre và cứ bốn tháng một lần, móng-tay lại đổi mới hết.

Người khoẻ-mạnh, bình-thường thì móng-tay hồng-hồng; hễ bóng-nhoáng là quả-hạch ở yết-hà làm việc quá, xám là máu xấu, trắng là người tạng dễ hao mòn, đỏ là máu chạy không đều.

Móng-tay có vết ngang, là có bệnh nặng, vết ở ngón-tay-cái là bệnh thần-kinh, ở ngón-tay-trỏ thì phải coi chừng bệnh thấp.

Trong thế-giới có bao nhiêu tiếng sinh-ngữ?

Theo như giáo-sư Lesling, người Hoa-kỳ, thì trong thế-giới, cả thảy có 2.796 tiếng sinh-ngữ, mà trong số ấy thì những thứ quan-hệ nhất có 860 tiếng.

Những tiếng quan-hệ nhất là 48 tiếng ở An-châu, 153 tiếng ở Á-châu, 118 tiếng ở Phi-châu, 44 tiếng ở Mỹ-châu và 117 tiếng ở Áo châu. Song, cứ như giáo-sư, thì cái số ấy xem chừng thấy ít dần đi, vì những tiếng thô-ngữ, những tiếng của rạ mọi bị những tiếng khác tàn-tiên-diệt dần.

Chỉ có rượu « Các kê » của hiệu Yune Hing 41 Hàng Điện Hanoi : là một nhà chuyên môn Rượu « Các-kê » chuyên chưng cất, bồ-thận. Đản ông làm việc nhiều, nhọc mệt, đau lưng, đản bà sinh nở kém sữa, ăn ngủ ít, thời nũng rượu « Các-kê » thấy một cách nhanh chóng khác thường.

Tổng phát hành tại hiệu :

YUNG-HING

41, Hàng Điện — Hanoi

Cách gửi mắng-đa, lnh mắng-đa, xem Tân-Nam-Lịch năm Quý Mùi.

XÃ - GIAO

Các cuộc yến-tiệc

Kể về phép lịch-sự, các cuộc yến-tiệc của ta xưa nay, xem ra còn khuyết-diểm nhiều lắm. Ngay ở trong thượng-lưu xã-hội cũng vậy. Lịch-sự đây không phải là phô trương tiền của, ăn tiêu sa-sỉ, mà chính ở như sự sạch-sẽ tinh-khiết, ở như sự lịch-thiệp chủ khách đối với nhau. Nay ta hãy xem bồn-phận chủ đối với khách và khách đối với chủ phải thế nào..

I. — Bồn-phận chủ đối với khách

Trừ những bữa cơm thân-mật không kể, phạm tiệc phải mời ít ra tám hôm trước để khách không nhận lời đám khác và có đủ thời-giờ sắm-sửa quần-áo. Ngày tiệc đến nơi, bao nhiêu công việc trong nhà phải sắp-dặt xong hết rồi. Giờ khách tới nhà, chủ-nhân chỉ việc đón ở phòng-khách mà tiếp chuyện, chứ không còn phải mắc bận việc gì nữa. không phải luôn luôn chạy vào nhà trong, hoặc thì-thào sai bảo người nhà nữa. Liệu khách có người nào không quen biết nhau thì phải giới-thiệu ngay để những người gặp nhau lần thứ nhất để cách nói chuyện, không phải nói toàn về trời nắng hay trời mưa.

Trước khi nhập tiệc, pha nước chè hay dọn rượu apéritif tùy ý, nhưng phải đem ấm, đem chai rót tại phòng khách, không được rót sẵn ở nhà trong đem ra. Đầy-tờ bung khay ra, chứ không được mời khách. Lắm nhà, vì không dạy, tưởng là khôn, đầy-tờ lại tự nói « mời ông, mời bà xơi nước ». Chén nào cũng phải có đĩa kê, mà đĩa phải sạch-sẽ, không có vết hoen, không có nước đọng dính vào chôn chén.

Buồng mũ áo khách. — Ở nhà ngoài, hoặc ngoài hiên, phải cất người nhà đứng đón mũ áo của khách. Hễ khách nhiều, phải đánh số từng cái, giao cho mỗi người một cái mẫu bìa đề số, để đến

khi về, lấy không lẫn. Khách đông thì ở ngoài phải đặt một cái bàn-đồ vẽ chỗ ngồi của từng vị để khi vào phòng ăn, không phải mất thì - giờ đi tìm.

Bày bàn.— An sắp hay ăn bàn là tùy sở-thích, tùy thói quen của khách và cũng tùy gia-tư nhà chủ.

Ngồi sắp thì mâm phải đề lên giá hoặc dùng mâm chân, mâm có bánh-xe. Đũa phải chia trước khi bưng mâm, không được đề cả nắm cho khách so lấy. Phàm những đồ dùng để ăn, như thìa, cốc, người hầu phải đề vào khay hoặc đĩa bưng ra, không được nắm tay vào thìa, dù cầm vào cán cũng vậy. Ăn bàn thì phải có khăn bàn trắng phủ; dưới khăn phải có một tầng khăn dày nữa lót cho êm và đỡ tiếng bát đĩa. Khăn phải trắng nuốt không có vết, trước mặt mỗi vị, phải đặt một cái khăn-ăn gấp sẵn và đồng màu với khăn - bàn. Không có khăn-ăn, có thể đặt giấy trắng mỏng cũng được, để lau miệng, nhưng phải rất tinh-khiết. Lắm nhà có việc, thiếu khăn-bàn, muốn dùng luôn mấy bữa cho khách hôm sau, lại phủ thêm một tờ giấy bóng trắng hay đỏ lên trên khăn cho khỏi bẩn. Như thế què lắm ! Trên bàn, phải bày bình hoa hay chậu hoa, cắm thắm-thắp cho người ngồi hai bên có thể nhìn thấy nhau, hoặc bày thêm hoa lá ở khăn-bàn cho ngoạn mục. Việc bày biện này phải do bà chủ nhà hay người có con mắt mĩ-thuật coi lấy, không nên mặc đầu-bếp hay thợ nấu, như lắm nhà vẫn làm xưa nay.

Phải tùy phòng rộng hẹp, tùy bàn to nhỏ, mà xếp chỗ ngồi. Ghế đừng có bày sát nhau quá, mỗi người ngồi ít ra phải 70,80 phân tay.

Không phải cỗ to là cỗ dọn đến mười mười-hai bát nấu, toàn những món cao lương mỹ-vị đàn. Cỗ to là cỗ nấu ngon lành, tinh-khiết, bày cho mĩ-thuật, dọn những thức gì, ở đây không nói đến, vì nó lại là một vấn-đề khác.

Thức ăn phải kê vào một cái thái-đơn viết hoặc in bằng giấy cứng, làm cho có mĩ-thuật để ở trước mặt khách mỗi vị một cái. Nếu không làm thiệp đề tên khách, thì có thể biên ngay tên lên cái thái-đơn ấy cũng được.

Bát, đũa, thìa, dao ăn đồ - nước, phải bày sẵn từ trước với khăn-ăn. Mỗi bát có một cái đĩa kê dưới, và đũa phải có

Mua nhà đất, phải chịu thuê trước-bạ bao nhiêu,

cái gác bằng bạc, bằng sứ hay bằng thủy - tinh. Nước chấm, mỗi người phải có một chén riêng. Ăn cơm ta không dùng đến dao cắt, song ăn đồ - nước phải cần đến. Vậy bên cạnh đĩa mỗi người, phải để sẵn một con, vừa đỡ việc cho bồi hầu, vừa đỡ phiền cho khách. Vì thế mà đĩa ăn đồ-nước cũng phải bày sẵn từ trước.

Những đồ dùng ấy phải rất tinh-khiết, không có hằn ngón-tay của người hầu, không có vết bẩn hay nhờn, để đến nỗi khách phải lau chùi. Cùng một bàn, bát đĩa, thìa chén phải đồng loại như nhau, chứ đừng bát này men xanh, đĩa kia lại men đỏ; cốc cũng vậy.

Đồ nấu dọn bát lớn hay bát con là tùy nhà chủ có nhiều bát thay, có nhiều người hầu hay không. Cái lịch-sự không hằn ở chỗ đó. Dọn bát to thì phải có một cái thìa lớn để dùng chung cho cả mâm hay cả bàn, không ai phải thò thìa riêng vào. Dọn bát con thì mỗi khi ra món khác, phải có đĩa lót cho người hầu bưng, chứ không được mó tay vào bát. Thìa không phải thay cũng được, song mỗi khi ăn xong, khách phải để thìa của mình vào một cái đĩa lót riêng. Điều này phải dạy kỹ, vì lắm nhà, người hầu hoặc vô ý, hoặc muốn tiện việc, thìa ăn dở của người nọ lại đem ngâm vào bát người kia. Có nhà, mỗi khi thay món ăn, lại thấy cái thìa ở đầu ngăn sẵn trong bát, khiến cho khách có thể ngờ là người hầu không thay thìa.

NHỮNG SÁCH RẤT GIÁ-TRỊ CỦA

LÊ-VAN-TRU'ONG

Lịch sử một tan vỡ 2\$80

Cùng một kiếp 2.10

Một tâm hồn giạt sóng 2.20

Kiếp hoa rơi 1.35

Chung quanh người đàn-bà., 0 95

Cải thiện (sắp có bán).

Trên dốc vật chất (sắp có bán)

Hội ở nhà xuất-bản **HƯƠNG SƠN**

97, Hàng Bông — Hanoi

và các hàng sách lớn các nơi

xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-Mùi.

Đặt chỗ ngồi. — Việc xếp - đặt chỗ ngồi không phải là dễ. Khách là bậc ngang hàng với nhau và không đông lắm thì tiện đâu ngồi đó là được. Chứ như khách đông mà cái địa-vị trong xã-hội khác nhau thì phải xếp làm sao cho đỡ mất lòng, chứ đừng nói là cho được lòng hết mọi người. Ngồi sập thì gian giữa là quý nhất, mà chỗ quý nhất là chỗ giáp tường, giáp tủ, ở phía trong trông ra. Còn ăn bàn thì tùy theo lối ta hay lối tây. Hai lối này, bây giờ ta cùng theo cả. Cứ như các nhà đại-gia ta xưa nay, thì chỗ quý nhất là ở đầu bàn (trái ngược với lối tây) trông mặt ra sân, rồi đến hai bên, cứ từ chỗ chính ấy mà ra, tay-hữu trước, tay tả sau ; hết bàn là chỗ cuối. Đối diện chỗ nhất, không được ngồi. Chủ-nhân thì phải ngồi vào chỗ cuối, trừ ra mình là người cao tuổi hoặc có chức-vị cao hơn cả thì không kể. Theo thói thường của ta, trong khi khách ăn, chủ-nhân cứ phải đi đi lại lại, đề phòng cơm việc hầu khách và ăn sau. Cái lịch-sự ấy, ký-giả không theo, vì không vui lòng cho khách.

Theo phép lịch-sự của người Pháp thì hai chỗ đối diện ở giữa bàn là nhất, rồi đến hai bên tay-phải và tay-trái là nhì, ba. Đặt thứ-tự, phải tùy đị - vị khách là quan-chức, là bậc tuổi-tác, là người có chức-nghịep trong xã-hội thế nào. Khách đông, cần phải làm một cái bàn-đồ bàn ăn, đặt ở nhà ngoài cho khách xem trước, không thì không tránh khỏi được sự hỗn-độn.

Cơm tối, phải thắp đèn cho đủ sáng. Mùa bức phải mở hết cửa cho thoáng, mùa lạnh phải có cửa đóng cho kín gió, dây-tơ không được chạy ra chạy vào, đề ngổ cửa, thành luồng gió, không nguy-hiểm thì cũng khó chịu cho khách. Một điều nữa nên dặn, là cổ dọ trong phòng ăn, lịch-sự thì đừng có chằng hoa giấy sắc-sỡ lên trần. Cách trầu thiết ấy, xin nhường xóm bình-khang hoặc các ông mới giàu lỏi học làm sang.

Người hầu hay là bồi bàn. — Trang này là trang khó nhất trong phép xã-nào đây. Cách lịch-sự của chủ-nhân, biết đâu ại ở người hầu ! Những nhà giàu sang thế nào, cũng không thể ư-dắc là có dây-tơ giỏi được.

Bởi vậy, những nhà lịch-thiệp thường phải bắt họ tập thử một hôm trước.

Cách chữa bỏng, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

Người nào hầu mâm nào hay bàn nào, cứ bàn ấy, mâm ấy hầu mãi cho đến khi xong tiệc, chứ đừng hầu sang chỗ khác. Cỗ dọn mâm, thì mỗi mâm phải một người hầu, dọn bàn thì cứ 7, 8 người khách, ít ra phải một người hầu. Đã gọi là lịch-sự thì người hầu, áo mặc phải hoặc trắng, hoặc thâm đồng loạt, không được mặc áo rách, áo bẩn hay áo sơ-mi, đề mồ-hội hay mùi hôi-nách đánh vào khứ-quan của khách. Muốn lịch-sự thì cho đi giày êm êm, không thì đi đất vậy, chứ đừng cho đi những giày đóng đinh lộp-cộp, hoặc đi guốc ra hầu. Nhà các quan, có dùng lính-cơ ra hầu cơm khách, thì phải bắt họ bỏ cái bộ áo lính và đôi giày kẻch-sù đi. Xin các bà chớ tưởng đem lính ra hầu như thế là sang đâu !

Dù xã-hội ta, chưa mấy nhà có thể bắt-chước người Âu-Mỹ cho bồi vận áo trao và đi bao-tay trắng ra hầu cơm, nhưng tưởng cũng có thể dạy dầy-tớ hoặc người mượn đến hầu cơm, mặc lấy bộ áo sạch sẽ, đánh hai bàn-tay bằng xà-phòng, dùng đem mười đầu ngón-tay cạo đất đen-xì ra phô-bầy trước mắt quan khách.

Ăn cơm tây, vì bụng đĩa lớn cho khách lấy lấy thì bồi phải đưa bên tay-trái, song cơm ta rồi dọn bát con, khách không lấy đồ-ăn lấy, thì bồi hầu phải đưa bên tay-pải. Đưa ai trước ai sau, chủ phải dẫn trước theo thứ-tự đã nói trên kia. Chủ hao giờ, bồi cũ g đưa sau cùng. Những khi thay bát đĩa hay rót rượu cũng vậy. Nếu rượu dọn nhiều bư th. bồi sẽ hỏi khách dùng thứ gì rồi mới rót. Lúc mở



Một cách bắt áo rất nhả

Hai công tử rủ nhau đi hát. Sáng hôm sau, lúc sắp về, một chàng nói quên mất ví tiền :

Nhà chủ bảo :

— Không hề chi ! Quan cứ biên tên và số nhà vào góc tường này để khỏi quên, lần sau quan chi cũng được.

— Biên thế, để những khách đến đây người ta biết tôi hát chiu à ?

— Ai trông thấy được, vì đã có cái áo ba dờ-xuy của quan, tôi treo đề lên chữ mà !

chai, phải lấy cái khăn trắng luôn luôn khoác ở cánh-tay sẽ lau miệng chai cho sạch xi và bụi. Rót thế nào? Tay phải cầm chai ở gần cổ, ngón tay-trỏ ruồi đè lên cổ chai, không được đụng vào miệng chai, rót cho mạnh bạo đừng g đầy cốc, gần xong hơi xoay cái cổ chai cho rượu không rót ra khăn-bàn. Nước-dá phải rửa kỹ, kéo dính mặt-cửa. Sẽ lấy bằng cái gắp mà bỏ vào cốc, đừng buông cao hay buông mạnh đánh bắn rượu ra ngoài. Xới cơm, phải đưa bằng khay con hay đĩa lót, không bao giờ được mó vào bát và phải có ý kéo lẫn bát. Khi đưa thức-ăn hay thay bát đĩa, không được vừa hẫu vừa ghéch mắt nhìn khách nói chuyện, hoặc dặn bảo gì các bồi khác. Bồi hẫu có n ười sơ ý, khi thay bát đĩa, lại để cả bát đĩa của người bên cạnh lên bàn ăn, chõng làm một mà thu nhá : thề. Như thế vô lễ lắm. Những nhà không có quạt-máy, hay quạt-kéo mà dùng quạt-tay thì người quạt hẫu phải để ý quạt cho đều, đừng quạt riêng cho một vài vị, dù là khách quý nhất cũng vậy. Trong khi đứng hẫu, đầy-tờ không được thì-thào nói chuyện với nhau, lúc nào cũng phải chú ý xem khách có sai bảo gì không.

Lỡ thiếu cái gì mà chủ nhà cần sai bảo đầy-tờ thì sẽ ra hiện, chứ đừng làm cái lối rỏm quát: Đưa nào đấy hay! Rất vô-lễ với khách.

Trong cuộc yến-tiệc, có mượn cô-đào đến hẫu rượu thì chủ-nhân phải để ý cho họ luân-chuyển cì o đều, đừng để cô nào vì lẽ gì đó, cứ đóng chặt một nơi, thành ra chỗ thừa chỗ thiếu.

Đồ-nước.—Cơm xong phải dọn đồ-nước ngay. Lúc này, người hẫu phải nhanh tay dọn hết những đồ gì ở trên bàn không cần đến nữa, chứ đừng đợi cả ban ăn xong món canh mới thu một thề thì chậm quá, để khách phải chua miệng. Đồ-nước dọn cũng phải hẫu như thức-ăn, đừng ra dáng hạn-chế, có bao nhiêu người, chỉ dọn có bấy nhiêu quả, bấy nhiêu cái bánh. Hoa-quả phải chọn t ứ tươi tốt. Những quả như lê, táo, cam, phải dọn nguyên, đừng cắt sẵn. Dùng đồ-nước, mỗi người phải có một đôi đũa thứ hai, một con dao bày sẵn từ trước như đã dọn trên kia. Nếu dọn chè-đường hay các thứ quả dầm nước ường, như dưa, dâu thì phải có một cái thìa để vào đĩa lót, chứ đừng cầm sẵn vào bát. Dọn na (mạng-cầu) hay m ồm cũng vậy. Ăn

Theo luật, thế nào gọi là công-chính chứng-thư

bánh trái, mỗi người phải có một cái đĩa lót như là ăn cơm, để khách không phải bỏ vỏ hay lá vào đĩa chung hoặc bỏ ra bàn.

Cơm xong, rửa tay bằng chậu lớn không tiện. Điều này, ta nên bắt-chước người Tây, là đem cho mỗi người một cái bát hay cái chậu con bằng bạc, bằng đồng, bằng sứ hay thủy-tinh, đựng tí nước nóng có thả vài cái lá chanh hay lá sả, hay là bắt-chước người Tàu, mỗi người dùng một cái khăn-mặt con giấp nước nóng. Theo cách này, thì nhớ mỗi người, trên bàn phải có một cái đĩa con để khăn-mặt, khỏi phải bỏ xuống bàn.

Khách dùng xong thứ gì, bồi dọn đi ngay thì bữa cơm xong, trên bàn ăn vẫn sạch, khăn vẫn trắng nuốt không có một cái gợn, mà chỉ còn lại cái bình-hoa tươi đẹp.

Như thế, những nhà không có phòng khách riêng, phòng ăn này có thể dùng cho khách ngồi lui lại uống nước-chè và nói chuyện lâu được, không phải buồng dĩa bát là phải kéo nhau ra về, lấy chỗ cho người hầu dọn dẹp.

IMPRIMERIE

MINSANG dit T. B. CAY

BUREAU : 27, B^e FRANCIS GARNIER
ATELIER : 101, ROUTE SINH-TU
HANOI - TONKIN

Impression Administrative
Militaire et Commerciale

東京 明新印字館 内

Bồ-phận của người hầu đến đây vẫn chưa hết, vì khách còn uống nước-chè, ăn trầu, hút thuốc.

Mỗi lần khách gọi lấy nước-chè nữa thì bồi không được đem chén đi sợ lẩn, phải đem bình đến tận nơi mà rót. Khách dùng đến ống-nhỏ, điều hút thuốc-lào phải bung hai tay lại tận nơi. Thuốc-lá, xì-gà, diêm, phải đặt lên khay mà bung không được đưa tay, hoặc phải đặt lên bàn, để khách tùy tiện dùng, chứ đừng theo cái lối cầm từng điều đi chia cho mỗi người một, không nhẽ.

II. — Bồn-phận khách đối với chủ

Khi nhận được thiệp mời, khách có nhận dự tiệc hay không, cũng phải trả-lời ngay, dù trong thiệp không có chữ « xin trả-lời cho » cũng vậy, để nhà chủ liệu số người ăn mà xếp-đặt.

Độc-giả chắc nhiều khi đã nhận thấy trong các bàn tiệc, ghế bỏ không đến năm bảy chỗ, có khi ế mất cả một thời l chỉ vì các ngài thiếu chút lịch-sự, nhận được thiệp mời, không buồn trả-lời chủ-nhân, hoặc đợi người ta đến « tái - thỉnh ».

Những người lấy việc phải trả-lời làm phiền, thật là vô-lẽ lắm.

Trước khi đến dự, nên biết duyên-cớ nhà chủ mời để mà liệu y-phục, bắt cứ là mặc quần áo ta hay mặc quần áo tây. Điều đó phải dặn, vì người ta đã từng thấy trong nhiều đám tiệc, sự ăn mặc rất là nhố-nhăng! Mặc ta thì dễ: mùa bức thì khăn lượt, áo sa thâm; mùa lạnh thì áo sa-tanh, áo đoan, cứ mùi thâm là hợp lẽ rồi. Dù trời nóng, cũng không bao giờ được hiên sai chữ tự-do mà mặc quần áo trắng. Quần áo tây thì khó hơn. Dù trong thiệp mời, chủ-nhân không theo lệ tây để là mặc « tenue » gì, khách dự tiệc có mặc thường-phục (tenue de ville) thì cũng phải có lẽ. Như cổ cưới mà mùa nực, bận quần áo short, hay áo cổ danton, đi sãng-đan thì không được. Chẳng bận smoking trắng hay spencer, thì ít ra cũng phải mặc lấy bộ áo trắng, cravate đen, giày đen. Mùa lạnh không bận smoking đen hay habit, thì ít ra cũng phải mặc áo thâm hoặc áo sẫm mùi, cravate sẫm mùi vậy, chứ đánh áo màu nhạt, cravate sắc-sỡ thì quá ư tự-do, không khỏi người trí-thức bình - phẩm là khiếm lễ.

Dự tiệc, phải đến đúng giờ hoặc trước giảm phút. Sớm quá, ra người có tính thốc-mách, chậm quá là vô-lẽ, để khách khác phải đợi.

Nếu chủ-nhân không đặt thiệp tên khách ở bàn ăn thì đợi chủ-nhân mời rồi mới ngồi. Nếu có bản-đồ thì phải xem chỗ mình trước, rồi hấy vào phòng ăn.

Độc-giả thử nghiệm mà xem. Có phải trong các cuộc yến-tiệc, khi khách mới ngồi vào bàn, là phần đông vớ ngay cái khăn-ăn hay cái giấy mà chùi bát, chùi đĩa, dù bát đĩa của nhà chủ sạch như li như lau cũng thế. Một người lau, người khác

Lối bác tín hiều-hỉ thế nào cho nhà,

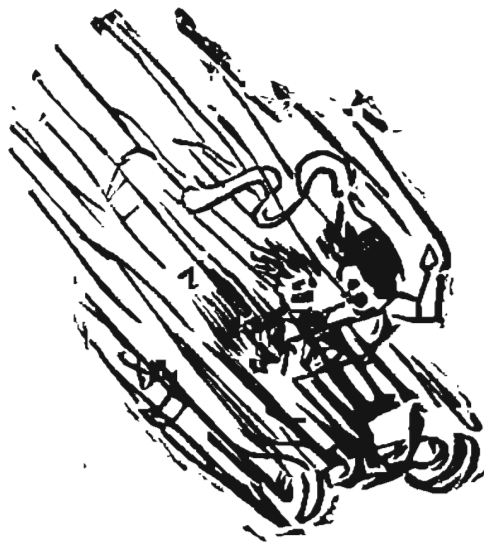
tương thế là lịch-sự, cũng lau, rồi đồng bàn cùng lau. Vô lễ lắm, các ngài ạ ! Xã-hội lịch-sự đâu có những thói ấy ? Người lịch-sự, lỡ gặp cái bát hay đôi đũa nhờn cũng phải chịu vậy, có vết bẩn thì lau một cách kín-đáo không để người ta trông thấy.

Xem thái-đơn, cũng nên xem một cách kín-đáo, không có đọc lên tiếng. Cái khăn-ăn phải gấp làm đôi để trên đùi mình, dùng cái vào khuyết áo, và chỉ được dùng để lau miệng, lau tay, chứ không được lau mũi, lau mặt. Khi đứng dậy, sẽ thu nhỏ nó lại để lên bàn, chứ không gấp lại như cũ, hoặc vắt lên ghế. Ăn đồ lỏng, xin chờ húp lên tiếng ; dùng thìa, chứ không húp vào bát, cái thìa phải theo chiều dọc để vào môi, chứ không đặt ngang thìa. Còn nóng thì dừng thôi. Đồ-nấu dọn bát to thì phải lấy thìa chung mà múc, không bao giờ được thò thìa riêng hay thò đũa riêng vào mà lấy. Phải giữ-dìu đừng đánh bắn đồ-ăn hay nước-mắm ra bàn. Cái khăn-bàn chỗ mình ăn, lúc vào thế

NHÀ GIỒNG RĂNG
NGUYỄN-HỮU-NAM
156-158, Phố hàng Bông Lờ
Hanoi — Téléphone 16-31

Chuyên môn : Giồng răng,
đánh, sửa, chữa răng, uốn
nắn răng khắp khềnh cho
đều.

và
Tổng phát hành toàn hạt
Bắc-Kỳ
Rượu hổ : Quinquina
Thethao
Rượu khai vị : Spoto



— Làm gì mà mở nhanh thế cậu ?
— Sợ gì ? Vừa lấy giấy bảo-hiêm
hôm qua rồi.

nào, lúc ra phải sạch như thế. Suốt trong buổi ăn, hai bàn-tay lúc nào cũng phải để trên bàn, không có để lên đùi mình hoặc buông thõng xuống dưới. Chờ dựa cả khuỷu-tay lên bàn. Nhớ ngồi như học-trò ở trước bàn viết là được. Khi nói chuyện, phải bỏ đũa xuống bàn, đừng vừa nói, vừa giơ đũa, giơ dao lên. Mỗi khi ăn xong món nào, thìa phải để vào cái đĩa riêng của mình. Đũa có cái gác thì gác lên, không thì gác vào đĩa con cho khỏi giầy bẩn ra khăn-bàn. Lau miệng sạch đã, rồi hãy uống, cho miệng cốc khỏi có vết nhờn. Uống rượu hay nước, không uống ực một hơi. Ngồi không sát ngực vào bàn, cũng không xa quá, không có ngã lưng vào sau ghế, hoặc nghiêng mình hẳn về bên tay-phải hay tay-trái. Nói chuyện với khách bên nào thì chỉ quay cái cổ, chứ không quay cả thân-thể. Có người lại quay hẳn cả cái ghế! Đối với người bên cạnh mình ngảnh lưng lại, vô-lễ đến thế nào!

Cần cái gì, sẽ ra hiện cho đầy-tớ, không có sai bảo to tiếng và nhất là không được mắng trách gì. Muốn lấy gì trên bàn, như cái tăm, chai rượu, ở chỗ xa tay mình thì không có đứng dậy với qua vai hay trước mặt những người ngồi cạnh, phải gọi người hầu, hoặc nhờ người ngồi cạnh đưa giúp.

Rượu không uống được thì chờ để bồi rót nhiều, vì khi đứng dậy, cái cốc của mình không được để rượu thừa.

Xỉa răng cũng có luật. Tục ta, tuy không lấy làm thô, có bà xỉa răng trông nhã thật, xinh thật, nhưng cái nhã ấy, xin bỏ đi quách, vì đối với con mắt người ngoại-quốc, không lịch-sự chút nào. Có giắt răng thì một tay che miệng, một tay sẽ lấy tăm gỡ ra, rồi thôi ngay, chứ không có xỉa cả hai hàm-răng trong bữa tiệc. Có người đã học lối lịch-sự xỉa răng lấy tay che miệng, nhưng lại phô-trưng cái lịch-sự của mình một cách thái quá, che rõ lâu, xỉa cho rõ lâu, để cho người đồng bàn phải để ý đến mình, mà không biết rằng thế lại không lịch-sự nữa.

Lỡ giầy bàn tay, thì sẽ chùi vào khăn-ăn, chứ chùi vào khăn - bàn. Lấy đồ-ăn thì mức hoặc gắp, chứ đừng cầm bát hay đĩa chung mà chút, hoặc gạt sang bát mình.

Nói chuyện thì lúc phải nói với người ngồi bên phải, lúc với người bên trái hay người ngồi đối-diện, chứ không nói mãi với một người này, mà không nói gì với người khác. Ăn nhai nói nghĩ,

Con trai, con gái chưa ở riêng có được phép có của

nghĩa là không bịa câu gì cũng nói. Phải tránh những chuyện có thể xúc-phạm đến tôn-giáo, đến phái-dảng, vì đồng bàn, tư-tưởng mỗi người một khác. Người có lẽ nói phải có chứng, phải dè-dặt lời, không có nói to, hoặc nói lấy một mình, tưởng là hùng-biện mà làm át cả chuyện của người khác.

Bữa tiệc mình đến dự là tiệc vui mừng của nhà chủ, như là việc giá-thú, thượng-thọ, vãn vãn, nếu mình không có địa-vị gì ở đó, thì không nên thay mặt ai mà chúc-tụng gì chủ-nhân cả, phải nhường cho người cao quý nhất, hoặc cao tuổi nhất chúc rượu thay cho cả bàn.

Một điều nữa nên dặn lắm. Nhà chủ có gọi cô-dầu đến mời rượu hoặc ca hát ngồi gần mình thì cử-chỉ phải chững-chạc. Được vui cười, song không bao giờ được lả-loi quá, hay hăm mãi người đẹp ở bên mình, không buông cho ra chỗ khác, làm như thể anh keo kiệt, dỗi khát. được một buổi mua vui không mất tiền thì đùa cho đến thỏa-thích. Lúc này, chớ quên rằng

nhà mình đang dự tiệc đây, không phải là chốn hồng-lâu, vợ con chủ nhà người ta đề ý đến đấy.

Tiệc xong, dù không có cuộc ca hát, khách cũng không nên đứng dậy về ngay. Phải ở lại, ít ra mười mười-lăm phút, có khi đến một giờ mà chuyện-trò với chủ-nhân, vì phải để cho chủ-nhân có cái cảm-tưởng rằng mình đến không phải chỉ cốt ăn-no, uống say rồi vội vàng đi thẳng.

Trích trong quyển « Lễ-Nghi »

của ông Tân-Nam

XỖ-SỐ

— Chẳng số nào là số me tôi không được.

— Me anh làm thế nào mà tài thế?

— Me tôi đi bán vé xỗ-số mà lại!

ĐÓN XEM

BƯ'Ờ'NG VỀ

CỦA
NGÔ-NGỌC-KHA



Một tác-phẩm soạn rất công phu, và có giá-trị trong làng văn Việt-Nam

riêng không, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

THỀ - DỤC

Thề-dục là khoa tối cần của thanh-niên ta ngày nay

Thề-dục ích lợi thế nào, không cần phải nói ai cũng hiểu rồi. Tuy vậy, từ trước đến nay, các nhà có trách-nhiệm về thề-dục, thường liệt khoa thề-dục vào hạng dưới mà ít đề ý đến. Nhiều nhà y-học cũng nghĩ lầm rằng luyện-tập thể-thao, chỉ cốt để thân-thể được khoẻ-mạnh, chứ không hiểu rằng mục-đích là để mở-mang những bản-năng trí-não và những đức-tính của thanh-niên.

Cách đây 25 năm về trước, có mấy người du học ở Pháp về, thấy người đồng-bang yếu-ớt, mới cử-động gây nên thề-dục ở trong nước, nhất là ở Hà-thành. Mấy người đồng-chí xin được phép mở trường thề-dục, sau đổi ra hội thề-dục Bắc-kỳ.

Phương-pháp dạy ở trường thề-dục cũng như ở hội thề-dục, là phương-pháp tự-nhiên của Hébert. Kết-quả rất tốt đẹp. Chỉ trông qua thân-thể thanh-niên vạm-võ cũng đủ biểu sự ích lợi. Đã hai năm nay, theo cái chính-sách mới của nước Pháp, Chính-phủ đã mở-mang riết việc dạy thể-thao cho nhân-dân, nên vấn-đề thề-dục đã bành-trướng một cách nhanh-chóng lạ lùng. Từ kẻ-chợ cho chí thôn-quê, nào là lập sân vận-động, nào là xây bể bơi, lập đoàn thanh-niên nào là tổ-chức các cuộc thể-thao, theo như mệnh-lệnh của Tổng-ủy ban thề-dục, thể-thao và thanh-niên.

Việc đặc-sắc nhất của Tổng-ủy ban là việc dựng Trường thề-dục tại Phan-thiết. Ở trường này cũng dạy theo phương-pháp Hébert để đào tạo những thầy dạy chuyên-môn thể-thao và tổ-chức các đoàn thanh-niên.

Các bạn thanh-niên đã nhận rõ thề-dục quan-hệ là đường nào, vậy ai nấy nên chăm-chỉ học hành để thành nhân-cách, mới mong gánh vác việc nước, trả nợ nam-nhi cho xứng-đáng.

Năm nào không nên ăn, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

THƯỜNG - THỨC

Cách chữa bỏng.— Lúc bị bỏng, lấy ngay tro củi trong bếp hòa với dầu-lạc, hoặc dầu olive đắp vào chỗ bỏng sẽ bớt ngay.

Nhựa gắn đá.— Đây là một bài làm nhựa gắn đá. Lấy 100 grammes nhựa-thông nấu chảy ra, đánh bọt lên rồi cho thêm vào 100 grammes sáp-ong, 100 grammes diêm-sinh. Quấy thật đều rồi đem gắn nóng.

Giữ cho mực khỏi có cặn.— Muốn mực khỏi đóng cặn, thỉnh-thoảng đổ vào lọ mực một thìa nước chè đặc, vì trong nước chè có chất tanin giữ mực khỏi đổi màu và khỏi đóng cặn.

Tóc rụng.— Muốn tóc khỏi rụng thì đem sứt vào tóc thứ thuốc này, mỗi ngày hai lượt.

Nước-dải-quí (amoniaque) 5 gr.

Essence de térébenthine 25 gr.

Alcool camphré 125 gr.

Cách trừ chấy, rận, rệp.— 1.) Chăn, màn phải đem nấu nước sôi.

2.) Mỗi ngày tắm rửa bằng nước muối và xà-phòng (xà-bong).

3.) Gội đầu bằng nước đun sôi hòa với dấm, vì trên mình chấy, rận có một cái màng (chitine) bao bọc (tại thể nên trứng chấy, rận mới bám vào tóc người được). Dấm là một thứ acide có thể làm tan chất chitine ra.

Khe, chân niềng, giường phải rửa dầu - xăng cả.

Đồng kin mít buồng có rệp. Nhưng khi đốt chất ấy xong, đừng nên đứng trong buồng, vì chính người cũng sẽ bị ngạt. Độ nửa giờ thì mở hết các cửa ra cho buồng thoáng-khí.

Thức ăn hằng ngày của dân ta phải bao nhiêu.— Thức ăn ấy, nhiều ít phải tùy tuổi, tùy thời-tiết và tùy sự lao-lực của mỗi người.

Muốn rõ thuế đáng bạ điền thổ, xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-Mùi.

Song, cứ như luật lao-công của Chính-phủ Đông-dương đã định thì phu ngoài Bắc mộ vào làm trong các đồn - điền ở Nam-kỳ, các điền-chủ phải cấp cho mỗi người một ngày như sau này :

Thịt tươi 200 grammes hay là cá tươi 400 grammes ; rau tươi 300 grammes ; hay là rau khô 150 grammes ; mỡ 20 grammes ; gạo 700 grammes ; muối 20 grammes ; chè 5 grammes : nước mắm hay tương 15 grammes.

Trừ sâu bọ cho những giống gia-súc. — Các giống gia-súc như chó mèo, phần nhiều hay bị những sâu bọ, rận nó đốt. Muốn trừ bọ cho nó cũng không khó gì.

Luôn trong hai tuần-lễ, ba ngày một lần, tắm xà-phòng cho nó và bằng nước crésyl Jeyès. Tắm nước này, phải dùng nước nóng, cứ mỗi lít nước pha ba thìa (muỗng) cà-phê crésyl. Lấy bàn-chải xát mình mẩy và cẳng cho kỹ, trừ đầu chó xát, vì sợ vào mắt.

Trong mùa ẩm thấp

THỜI TIẾT THƯỜNG HAY THAY
ĐỔI VÀ RẤT DỄ MẮC BỆNH CẢM
SỐT, ĐAU BỤNG, ĐI NGOÀI, V...V...



DÙNG DẦU

ĐẠI - QUANG

23, HÀNG NGANG HANOI, GIẤY NÓI: 805

Kháng-án và kháng-ý-cáo thế nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

Muốn gắn thư cho chắc. — Thư gắn bằng keo, hễ trời âm hay trời nóng, phong-bì có thể bong ra được, chứ gắn bằng lòng trắng trứng thì không tài nào bóc được, vì nó thành một chất với giấy.

Làm thế nào cho hết mùi nước-hoa ở những chai cũ ?

Lắm khi người ta dùng chai cũ đựng nước-hoa, rất khó chịu về mùi thơm còn lại, không tài nào rửa cho sạch mùi được. Vậy muốn chai không còn mùi thì lấy một thìa acide chlorhydrique đổ vào chai mà lắc cho đều, đoạn rửa lại 2, 3 lần bằng nước lã, mùi thơm trong chai sẽ đi hết.

Hành sống là vị thuốc rất bổ. — Hành tây có nhiều chất potasse và soude, có thể tổng được những chất muối (chlorure) ở trong người ra, cho nên rất bổ-ích cho những người đau bệnh tê-thấp, bệnh phù (oedème), bệnh sưng màng-phổi, bệnh bàng-nước và mẫn trứng đau gần. Nhưng hành tây có ăn sống thì mới công-hiệu.

Cho hết mùi dầu-hỏa. — Muốn làm sạch mùi dầu - hỏa ở tay thì cắt một củ khoai tây, xát mạnh vào da tay, đoạn rửa xà-phòng một lượt, thế là mùi hết ngay.

Lau chùi đá xây hè và bao-lơn. — Lấy cát nhỏ 80 grammes, xà-phòng đen 15 grammes, soude 5 gr. trộn cho đều, rồi xát bằng bàn-chải cứng và ẩm. Đoạn rửa bằng nước.

Thuốc chữa sưng. — Không có thuốc-cao thì lấy ngay tro củi (chứ đừng dùng tro rơm hay chất khác) và dầu ăn, được dầu olive thì tốt nhất, hòa với nhau mà đắp vào chỗ sưng.

Chớ bỏ hoại bồ-hóng. — Mỗi khi quét bếp có bồ-hóng, chớ bỏ hoại. Đẽ dành vào một xô vườn đẽ mà rắc vào luống cây. Khi đã làm đất rồi, trước khi đánh luống đẽ reo hạt thì rắc một ít bồ-hóng vào đất. Như vậy, cây không bị sâu ăn.

Hòa với nước, đổ một ít vào chậu cây cảnh, thì không có giun đất.

Đơn thuốc bóp. — Khi bị sai chân, sai tay, thối tim hay mình mẩy bị sưng thì dùng đơn thuốc bóp này :

Hồng-hoa, huyết-giác, quế-chi, thảo-quả, đinh-hương, đại-hồi và thương-chuật, 7 vị bình phân, mỗi vị 5 đồng cân, ngâm một chai rượu, để cạnh bếp tro nóng, trong hai ngày hai đêm.

Thế-lệ lấy thẻ căn-cước, xem ở Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

Khi dùng thì lấy gừng thang nóng với rượu mà xoa chỗ đau, xong lấy rượu trưng cho nóng lên mà bóp.

Giày ướt.— Giày ướt, muốn hong thì nong bóng thấm nước vào trong. Bóng ấy đem phơi lại dùng được mãi.

Dao hoen.— Dao hoen muốn cho sạch, không gì hơn chùi bằng chanh, nhưng chùi xong phải rửa nước lã ngay, không lại hoen hơn.

Muốn tránh ong đốt.— Muốn-khỏi ong đốt, lấy nước ngâm thuốc - là bôi vào mặt và tay.

Thay cho đồng - cân.— Thầy-thuốc kê đơn, thường bảo bệnh-nhân uống một thìa xúp hay một thìa cà-phê, vậy nên biết mỗi thìa ấy cân được bao nhiêu. Một thìa xúp rõ đầy nước thì cân được 20 gr ; dầu 18 gr ; nước-đường 24 gr ; bột 25 gr ; đường vụn 30 gr ; muối 40 gr.

Một thìa cà-phê : nước 5 gr ; dầu 4 gr ; nước-đường 7 gr ; bột 6 gr ; đường vụn 7 gr ; muối 10 gr.

Đồ cao-su giữ thể nào được bền.— Để vào chỗ lồi, kín gió và có hơi dầu-hỏa thấm vào thì giữ được bền mãi. Bởi vậy, người ta thường xếp vào một cái thùng bằng giấy bìa hay bằng gỗ, trong có để một lọ dầu - hỏa rộng miệng cho hơi xông lên. Còn những đồ-vật nhỏ, như bơm nước-hoa, ống, v.v... thì ngâm vào một lọ nước pha 8 ½% cồn và 8 ½% glycérine thì giữ được bền lắm.

Những đồ cao - su nhỏ, như các ống thật nước, để vào chỗ hanh thì nó nứt ra, không dùng được nữa. Muốn làm cho nó nhuận lại thì đồ một ít glycérine nguyên chất vào tay mà sẽ bóp cho đều cả ống, như thế ống sẽ mềm dần mà lại dùng được như cũ.

Dầu đánh đồ đạc.— Muốn đồ đạc, gương được bóng thì lau bằng một cái khăn nhúng thứ dầu làm như sau này : 2 thìa dầu olive, 4 thìa dấm, 3 thìa essence de térébenthine, quấy thật đều rồi hãy đánh.

Thông-chế Pétain đã nói :

Hỡi quốc-dân thân yêu, nếu các người không tuân mệnh-lệnh Bản-chức uốn mình theo kỷ-luật thì chính các người sẽ đầy nước vào hiềm địa

Mời khách ngồi ô tô thế nào là lịch sự, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

Lược khảo mấy nơi Đền, Chùa cổ Hà-nội

LỜI NÓI ĐẦU

Tên tỉnh Hà-nội, tuy mới thấy xuất-hiện từ năm Minh-mệnh Tân-mão (1831) là năm đặt các tỉnh ở Bắc-kỳ, nhưng đất Hà-nội vốn là một nơi đó-kỳ của Việt-Nam ta đã từ mấy nghìn năm nay. Từ hồi Bắc-thuộc trở về trước, khi thuộc Giao-chỉ, lúc gọi Đại-la không kể, ta hãy xét từ năm Thuận-thiên Canh-tuất (1010) là năm đầu vua Lý Thái-tổ, thiên đô ở Hoa-lư (Ninh-bình bây giờ) lên Đại-la. Ứng diêm trời mà đổi Đại-la gọi là Thăng-long. Từ đó đến nay cũng ngót nghìn năm. Tại thế, ít lâu nay có câu thành-ngữ :

« Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long ».

Từ Lý tới nay, mấy lớp phế hưng, bao hồi biến-cải, trải Trần, Lê, qua Mạc và Lê Trung-hưng đều định-dĩnh ở Thăng-long. Bởi vậy, đất Hà-nội nay còn bảo-làng được biết bao danh-lam thắng-tích, có quan-hệ đến lịch-sử.

Riêng về các đình, chùa, đền, miếu cũng rất nhiều. Khi Hà-nội còn là nơi đế-đó, nào làng, nào xóm, nào phố phường, nào trại ấp, mỗi khu-vực có một ngôi đình, ngôi chùa ; ngoài ra còn đền tư, chùa tư, kẻ sao cho siết. Lấy hiện-tình mà nói, theo như bản thống-kê của tòa Đốc-lý Hà-nội điều-tra gần đây, tất cả đình, chùa, đền có tới 289 ngôi. Trong số ấy, có 56 ngôi chùa, 50 ngôi đền, còn là đình của các dân.

Xem thế đủ biết tổng-số đình, chùa ở Hà-nội nhiều thật. Đầu xuân ta còn nhân-hạ, chiêm trời óng-ả, cảnh-vật

tung-bưng, nam thanh nữ tú, là-lượt thướt-tha, rủ nhau cùng đi vãn cảnh, sánh vai cùng tới cửa thiền, sức nhớ đến câu ca cổ :

- « Gần xa nao-nức tung-bưng,
- « Vào chùa Quan-thượng xem bằng động tiên.
- « Lầu chuông, gác trống hai bên ;
- « Trông ra Chợ-mới, Tràng-tiền kinh-đô ;
- « Sau lưng Đồn-thủy, trước hồ Hoàn-guơm.
- « Phong-quang cảnh-trí trăm đường,
- « Trong xây chín giếng, ngoài tường lục-lăng.
- « Rõ mười cửa động từng từng.
- « Đèn vàng, tòa ngọc chắt từng như nê-m.
- « Đức-trì phơi tỏ màu sen,
- « Tháp phương chư Phật ngồi trên đủ mười.
- « Đạo xem tam-bảo khắp rồi,
- « Hành-lang, nhà-hậu các nơi rõ-ràng.
- « Kẻ thanh-lich, khách quyền-sang,
- « Vào chùa lễ bái, mọi đường vui xem.
- « Ai ai mến cảnh mùi thiền,
- « Lòng trần giữ sạch, nhơn nhơn ra về.
- « Bước ra hòn đá xanh-ri,
- « Nhìn xem phong-cảnh, muốn về nữa đâu. »

. . .

Rủ nhau ta tới Hồ Guơm : « Sóng lớp phể hững coi cũng rợn ! ». Trông lên vẫn đủ tòa ngang, rầy dọc. Ngắm lại cũng thấy bia đá, tượng đồng. Gẫm kỹ mà coi, cảnh-tượng ngày nay, nào đã giống xưa. Dấu-tích chùa Quan-thượng Giai chỉ còn trơ-vơ một ngọn tháp xây, trên đề ba chữ « Báo-thiên tháp ».

Thấy thế, chắc ai cũng phải phân-vân : biết đi vãn cảnh nào ? Cho nên phần nhiều người đi chùa thì đi, thăm đền thì thăm. Chỉ biết thành tâm đến lễ, ít ai lý-hội đến đền

Nhà nông muốn rõ cách trồng khoai tây thế nào,

ấy thờ vị gì, chùa nọ làm từ bao giờ, có ý-nghĩa gì ? Không tránh người ngoài bảo ta mê-tin cũng không oan mảy. Bởi vậy, nhân khảo-sát các đình, chùa, đền, từ ở Hà-nội, tôi lựa chọn lấy 27 cảnh, xưa nay nhiều người sùng-bái, có thể gọi là danh-lam, thắng-tích, chia làm ba hạng :

Một là các đền chuyên thờ các vị hoặc thiên-thần, hoặc nhân-thần, đã từng hiển-linh, có sự-tích đối với lịch-sử, có ý-nghĩa đối với phong-tục.

Hai là các chùa mà là đền, nghĩa là chùa thờ Phật mà lại có đền thờ các vị hiển-linh, cũng có các ý-nghĩa như trên.

Ba là các chùa chỉ là nơi thờ Phật.

Tóm lại, những điều kể sau đây chỉ rất sơ-lược, đủ hiểu đại-khái. Mỗi ngôi đền hay chùa, chỉ chừa qua : danh-hiệu, địa-chỉ, thờ vị nào, làm từ năm nào, ai đứng lên làm. Còn đến nói rõ ràng về các sự-tích, tuy cũng thật là cần, nhưng sợ dài quá, nên để chép riêng thành tập khác, xin hải nội quán-tử thể lượng cho.

Viết ngày 27 tháng mười năm Quý-mùi, tại văn-phòng riêng trường Viễn-dông Bác-cổ Hà-nội,
Thúc-ngọc Trần-văn-Giáp

BÀO-HÓA

92, phố hàng Trống — Hanoi

Chế-tạo, cho thuê, mua bán và đổi
chác các đồ cũ và đồ mới

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-Ngo

1. — Đền Bà-Kiện

Đền Bà-Kiến tên chữ là Thiên-tiên-diện, ở đường Bờ-bò Hoàn-kiểm (boulevard Francis Garnier), trước cửa đền Ngọc-sơn.

Nguyên đền này là một ngôi điện tư, thờ đức Thánh-mẫu : Liễu-hạnh công-chúa, của Bà-Kiến, hầu giá các cung-phi chúa Trịnh đời Lê. Sau thấy linh-ứng, nhiều người kêu cầu hiệu-nghiem, Bà-Kiến làm ra đền to, giao cả cho dân làng thờ cúng mà con cháu bà được dự hưởng lộc thánh. Hồi cuối Lê, có quan Thượng-thư Lê-văn-Thành bị tội, đến kêu đền, sau được ân-xá. Muốn báo ân, xin trùng-tu cả đền, nhưng Bà-Kiến không nghe. Quan thượng Lê chỉ được cúng một quả chuông, hiện hãy còn. Sau quan thượng làm một ngôi đền ở làng mình cũng thờ đức Thánh-Bà. Làng ấy, tên nôm gọi làng Móc, tên chữ là Nguyên-khiết, ở chỗ nhà máy sợi cũ ở bờ sông, sau phố Mới, gọi là nhà Bắc-quá. Hàng năm, ngày 21 tháng 2, rước thần-vị ở đền Móc đến Thiên-tiên-diện cùng tế. Vì đền đức Thánh-Bà làng Móc, người ta gọi tắt là đền Bà-Móc cho nên thiên-hạ tưởng Bà-Kiến và Bà-Móc là hai chị em.

Ngôi đền hiện - thời là do quan tuần - phủ Hưng-hóa Nguyễn-huy-Kỷ trùng tu vào hồi Tự-đức, tới nay chừng non một trăm năm.

2. — Đền Bạch-mã

Đền Bạch-mã ở phố Hàng Buồm hiện thời. Nguyên xưa, đền thuộc phường Hồ-khâu, nên bây giờ có quan viên dân làng Hồ-khâu coi nom phụng-sự. Đền thờ đức Bạch-mã đại-vương. Người là một vị thiên-thần, ứng hiện từ đời Cao-Biên, hồi nước ta thuộc nhà Đường, đến nay chừng hơn một nghìn năm. Người giúp Cao-Biên xây đắp xong thành Đại-la là thành Hà-nội xưa. Theo tục truyền, đền dựng từ hồi đó. Đến đời vua Lý Thái-tổ (1010) thiên đô từ Hoa-lư (Trùng-an, Ninh-bình) lên Hà-nội gọi là Thăng-long, thần

Danh-thiếp đề thế nào cho nhà, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

lại hiển ứng, nên vua Lý phong làm Thăng-long thành-hoàng đại-vương. Vua Lý cho trùng tu lại đền. Từ đó về sau, vào thế-kỷ thứ 18, thứ 19, đời thi trùng-tu, đời thi tu-bồ. Hiện nay, đền vẫn nguy-nga : chính cung thờ đức Bạch-mã ; bên phải thờ đức Phúc-ba tướng-quân ; bên trái thờ đức Thánh-mẫu (?)

3. — Đền Đông-hương

Đền Đông-hương tục gọi là đền Hàng Trống, ở số 66, phố hàng Trống bây giờ. Nguyên đền này, khi xưa là đình giáp Lục-hợp, làng Tự-tháp, bây giờ chỉ còn ngôi hậu-cung. Theo thần sắc, đền thờ một vị thiên-thần là Ngọc-Kiều phu-nhân, nên người ta viết ba chữ « Nghiễn-thiên-muội » để thờ ngài. Nhưng tục truyền, người lại là một vị nhân-thần. Sinh thời, người nương thân một nhà hồng-lâu, mất vào giờ thiêng, hóa thần hiển ứng. Tại thế, dân làng Tự-tháp kiêng không được hát xướng cô-đào. Đền làm từ hồi Tự-đức, đến nay chừng ngót trăm năm, nhưng gần đây mới sửa lại.

4. — Đền Ngọc-sơn

Đền Ngọc-sơn làm trên một cái gò ở giữa hồ Hoàn-kiểm. Gò ấy tên gọi là Ngọc-sơn, nên đền cũng lấy tên Ngọc-sơn. Theo tục truyền, đền làm từ đời Trần, đến nay hơn 800 năm, để kỷ-niệm những trận đánh đuổi quân Mông-cổ sâm-lãng nước ta. Theo bài bi-ký làm năm Thiệu-trị thứ ba (1843) thì đền này trước kia lại cũng là nơi diếu-đài của vua Lê. Hồi Thiệu-trị, có một ông cụ người làng Nhị-khé, nhân đền đài cũ, đứng lên sửa-sang. Từ đó về sau, đời Tự-đức, đời Thành-thái, lại có tu-bồ nhiều lần, nên mới được tráng-lệ như ngày nay. Ở chính-diện : ban giữa thờ đức Quan-đế, một vị võ-tướng trung-dũng đời Hán ; ban bên trái, thờ đức Long-thần ; ban bên phải, thờ đức Trần Hưng-đạo đại-vương. Ở riêng một ngôi đền thứ hai, chỉ

Cách y phục Âu-tây, nên xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

thờ đức Văn-xương đế-quân là một vị thiên-thần chủ việc văn-chương, nên ở cửa đền có nghiễn-đài và büt-tháp.

5.— Đền Phù-Ứng

Đền Phù-Ứng ở số 26, phố Nhà-thờ bảy giờ. Nguyên đền này là vọng - đình của dân làng Phù-Ứng ngụ ở Hà-nội, nên cũng gọi là Đền Ứng. Đền thờ đức Phạm-Ngũ-Lão là con rể đức Trần Hưng-đạo. Bên giữa thờ đức thánh Phạm ; bên trái thờ đức thánh Bà ; bên phải thờ đức Trần cung-phi là con-gái ngài. Đền làm hồi Tự-đức, đến nay chừng ngót một trăm năm.

6. — Đền Quán-thánh

Đền Quán-thánh tên chữ gọi là Trấn-võ quán. Đền ở vào địa-phận làng Thụy-chương, hiện nay ở góc Cường Quán-thánh (avenue du Grand Bouddha) trên bờ hồ Tây. Đền thờ đức Huyền-thiên Trấn-võ, là một vị thiên-thần, trấn áp phương Bắc, làm từ đời Lý-Thái-tổ (1010). Năm Chính-hòa (1768) trùng tu và đúc tượng đồng thay tượng mộc xưa. Tượng đồng ấy tức là tượng hiện còn, cao 8 thước, 2 tấc ; chu-vi 8 thước, 7 tấc ; nặng 6600 cân tạ.

7.— Đền Trung-liệt

Đền Trung-liệt làm ở địa-phận làng Nam-đồng, tức là cái gò cao gần ấp Thái-hà, xẽ trước cửa chùa Đông-quang. Đền làm từ đầu đời Tự-đức, đến nay ngót một trăm năm. Nguyên kỳ thủy, thờ bốn vị danh-thần bản triều tử-tiết tại Bắc-kỳ : 1. Trương-quốc-Dung, năm 1862, đánh giặc Quận-Tề, chết ở Quảng-yên ; 2. Đoàn-Thọ, bị giặc Tàu vây, chết ở Lạng-sơn ; 3. Nguyễn-tri-Phương, chết ở Hà-nội năm 1873 ; 4. Hoàng-Diệu, cũng tử - nạn ở Hà-nội ngày 25 avril năm 1882.

Về sau, đổi tên gọi là Trung-lương để thờ thêm mấy vị khác nữa. Đền mới sửa lại mấy năm gần đây.

Muốn rõ tiêu án thế nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

8. — Văn-miếu

Văn-miếu không phải là một ngôi đền như các đền khác. Không ai gọi là Đền Văn-miếu. Nhưng cũng là một chốn danh-lam, liệt kê ra đây tưởng cũng không phải là thừa. Văn-miếu Hà-nội nguyên xưa ở vào địa-phận làng Thanh-giám, nay ở đường Sinh-tử. Cũng như các văn-miếu các tỉnh, thờ đức Khổng-tử, phối thờ các môn-đệ ngài và các tiên-nho nước Tàu, tiên-nho nước Nam. Văn-miếu Hà-nội làm từ năm Thần-võ thứ hai đời Lý (1070), tới nay hơn chín trăm năm. Từ đó về sau, đời nào cũng có sửa chữa lại. Sơn trước có 82 cái bia, đề danh các cụ đỗ tiến-sĩ triều Lê. Sau Văn-miếu, có đền Khải-thánh thờ các vị sinh ra đức Khổng-tử, phối tự các vị sinh ra môn-đệ ngài: Nhan, Tăng, Tư, Mạnh.

9. — Đền Võ-thạch

Đền Võ-thạch hiện thời ở số 11, 13, phố Gia-long. Nguyên đền này là đình làng Võ-thạch xưa, thờ vị thiên-thần, duệ-hiệu là Tam-giới-chúa-ôn - thiên - phù - đại - đế, và các bộ-hạ người, duệ-hiệu là Ngũ-phương-ôn-bộ-hanh-binh chi thần. Ngoài ra, còn thờ đức Thánh-mẫu: Liễu-Hạnh công-chúa. Bởi vậy, mỗi năm về cuối mùa xuân, có rước sách hội-hè, cầu cho thành-phố khỏi dịch tễ. Đền làm cùng với chùa, tên gọi chùa Quang-minh, vào cuối đời Lê, đến nay ngót hai trăm năm. Từ đó về sau, có sửa chữa lại nhiều lần.

10. — Đền Voi-phục

Đền Voi-phục tên chữ gọi là đền đức thánh Linh-lang, làm trên địa-phận làng Thủ-lệ, thuộc đại-lý Hoàn-long, ở gần ô Cầu-giấy. Đền thờ một vị hoàng-tử đời Lý, phong hiệu Linh-lang đại-vương. Tục truyền, đền làm từ đời Lý Thái-tôn (1028-1054). Từ đó về sau, có sửa chữa lại nhiều lần. Người Pháp gọi đền này là đền Balny, vì chính ở gần vùng này, năm 1873 Balny d'Avricourt bị chết.

Đại tang có thể kết hôn không, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-gọ

11. — Đền Vua Lê

Đền Vua Lê hiện thời ở bờ Hồ Hoàn - kiếm, đường Beauchamp, cạnh nhà hội Khai-tri-tiến-đức. Nguyên đền này là đình làng Kiếm-hồ, xưa thờ đức Lê Thái-tổ Cao hoàng-đế. Hồi năm Thành-thái (1889 - 1907), quan Kinh-lược Bắc-kỳ đứng lên sửa chữa lại, xây bi-đình, làm tượng vua Lê, bây giờ còn trông thấy.

II. — CÁC CHÙA MÀ LÀ ĐỀN

12. — Chùa Bích-câu

Chùa Bích-câu, tên chữ gọi là Bích-câu đạo-quán, thuộc địa-phận phố Thanh-giám, bộ lục, khối Văn-miếu đi xuống, gần hội Thê-dục. Đền thờ đức Trần-tú-Uyên, là một danh-sĩ triều Lê, theo học đạo tu tiên. Gần đền, có chùa thờ Phật tên là An-quốc tự. Đền làm vào khoảng năm Hồng-đức đời Lê (1470-1497). Năm Minh-mệnh thứ mười-một (1830) có trùng tu. Từ đó về sau, dân Thanh-giám cùng các thiện-tin có sửa-sang lại. Trong đền có một cái khánh đề niên-hiệu năm trùng-tu (1830) chép sự-tích đền. Ngày tiệc : 14 tháng hai và 12 tháng tám.

13. — Chùa Láng

Chùa Láng ở về địa-phận làng Yên - lã, thuộc đại-lý Hoàn-long, ở Ngã - tư Sở rẽ sang, hay ở ở Cầu-giấy đi vào. Chùa thờ Phật tức là đền thờ đức thánh Từ-đạo-Hạnh, là người làng Láng, nên gọi là đức Thánh Láng. Trong đền, có thờ cả tượng vua Lý Thần-tôn là hóa-thân đức Thánh Từ (1054-1072). Chùa làm từ năm Thiên-thuận (1128-1133) đời Lý. Năm Thịnh-đức thứ tư (1656) trùng-tu, đổi tên gọi là Chiêu-thiền-tự như tên hiện-thời. Sở dĩ có tên ấy, là vì khi trùng-tu, thấy các tường-thụy *chiêu* hiên mà chùa đó là nơi đản-sinh đức *Thiền*-sur đại - thánh, nên lấy hai chữ *Chiêu-thiền* đặt tên. Ngày hội : mồng 9 tháng ba.

Theo luật ta, ai được làm công-chính chứng-thư

14. — Chùa Đế-thích

Chùa Đế-thích, tục gọi tắt là chùa Vua hay chùa Vua Đế-thích, tên chữ là Long-khánh-tự. Chùa thuộc làng Thịnh-yên, hộ bát, bây giờ ở phố Dumoutier. Bên chùa thờ Phật, có đền thờ một vị thiên-thần hiệu Đế-thích. Chùa và đền dựng từ đời Lý (1010-1225), năm Gia-long thứ mười-một, có trùng-tu. Năm Đồng-khánh thứ hai (1886) có tu-bồ. Sau đó, cũng lại có sửa chữa. Tục-truyền, thần Đế-thích cao cò, nên ngày hội về mồng 8 tháng giêng, có đánh cò ở sân chùa. Lại nhân câu phương-ngôn : « Muốn sống lâu, cầu vua Đế-thích », nên ngày hội tháng giêng, nhiều người đua nhau đến lễ.

15. — Chùa Đồng-quang

Chùa Đồng quang ở địa-phận làng Yên-hạ, tổng Yên-hạ, thuộc đại-lý Hoàn-long, đối diện Thái-hà-ấp và đền Trung-liệt. Tục truyền, chùa này dựng trên gò Đống-đa từ năm 1789 để thờ các tướng-sĩ tử trận trong trận vua Quang-trung Nguyễn-Huệ đánh tan quân Tôn-sĩ-Nghị của Tàu, ngày mồng 5 tháng giêng. Bởi vậy, người ta lấy ngày mồng 5 tháng giêng là ngày giỗ trận, kéo nhau đến lễ để kỷ-niệm trận ấy.

16. — Chùa Hai Bà

Đền Hai Bà tên chữ gọi là Nhị Trưng từ, ở làng Đồng-nhân, hộ ngũ, gần đường Armand Rousseau và phố Dumoutier, phía nam nhà Rượu. Đền thờ hai đức Vua Bà Trưng-Trắc và Trưng-Nhị. Hồi ta thuộc Hán, hai Bà khởi-nghĩa đánh đuổi quân Hán, trả thù cho chồng. Tại thế, gọi là đền Hai Bà. Bên cạnh đền, có chùa gọi là chùa Viên-minh. Trong đền thờ hai pho tượng đá rất to. Theo tục truyền, đền và chùa làm từ đời Trần, thế-kỷ thứ 12, đến nay hơn tám trăm năm. Nhưng, hồi Gia-long (1812) đã làm lại. Năm Thành-thái quý-tị (1893) và năm Khải-định tân-dậu (1921) có tu-bồ lại.

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

17. — Chùa Huyền-thiên

Chùa Huyền - thiên ở phố Đồng-xuân, hộ nhất, giáp chợ Đồng - xuân, ngay ngõ hàng Khoai. Chùa thờ đức Huyền-thiên Trấn-võ, có tượng mộc to và đẹp. Ngoài ra, có thờ Phật. Chùa làm từ năm Thiệu-bình thứ bảy (1440). Đến năm Vĩnh-tộ (1619-1628) và năm Cảnh-trị (1668) đã trùng-tu. Năm Cảnh-thịnh đời Tây-sơn (1797) có tu-bồ lại. Ngày tiệc: mồng 3 tháng ba.

18. — Chùa Ngọc-hồ.

Chùa Ngọc-hồ tục gọi là Chùa Bà Ngô ; tên chữ còn gọi là chùa Tiên-phúc. Chùa thuộc về giáp Thanh-ngô, hộ lục, hiện ở phố Sinh-tử. Chùa thờ bà sáng lập ra, tên là Bà Ngô, nên lấy tên ấy gọi tên Chùa. Tục truyền, chính ở chùa này, vua Lê Thánh-Tôn và Trần-tú-Uyên đều gặp tiên-nữ. Chùa làm từ đời Vua Lê Thánh-Tôn (1465). Đời Tự-đức có trùng-tu (1864). Gần đây cũng có tu-bồ.

III.— CHÙA THỜ PHẬT

19. — Chùa Am

Chùa Am tên chữ là Phồ-quang-Am tự, ở địa-phần phố Yên-thành, hộ nhất, nay là phố Đỗ-hữu-Vị. Chùa mới làm từ đời Lê Trung-hưng, đến nay chừng ngót hai trăm năm. Năm Minh-mệnh thứ năm (1824) trùng-tu. Năm Duy-tân sửa chữa lại (1907). Chùa tuy không cổ lắm, nhưng qui-mô tráng-lệ. Riêng là nơi các sư-ni mùa hạ về yên-cư học tập.

20. — Chùa Bà-Đá

Chùa Bà-Đá tên chữ là Linh-quang, ở về rẫy tay-trái phố Nhà-thờ (avenue de la Cathédrale), tục truyền sáng-lập tự đời Lê Hồng-đức (1470-1497) tới nay ngót 600 năm. Trung-gian đổ nát, đời Tây-sơn bị binh hỏa tàn hại hết.

Những ngày phiên chợ khắp toàn kỳ:

Năm Thiệu-trị (1848) trùng-tu. Năm Tự-đức (1849) tu-bồ. Tên Bà-Đá mới có từ đời Lê Trung-hưng. Khi đào đất vườn chùa, bắt được pho tượng đá nhỏ, nên nhân việc ấy dựng ngôi am gianh, gọi tên là chùa Bà-Đá. Pho tượng nhỏ ấy hiện đem thếp vàng thờ ở nhà tổ. Chùa này xưa kia có tiếng lắm, vì có mấy vị sư học giỏi, nhiều học-trò đến yên-cư giảng sách.

21.— Chùa Hàm-long

Chùa Hàm-long còn tên gọi là Hàm-châu, ở số 18, phố Hàm-long (boulevard Doudart de Lagrée), làm từ đời Lê Hồng-đức (1470-1497) đến nay chừng non 600 năm. Năm Vĩnh-thịnh Giáp-ngọ (1714) trùng-tu. Trong chùa có nhiều bìa cổ, có thờ tượng đức Ngô-Long, có lẽ là người sáng lập ra chùa.

22.— Chùa Hòa-giai

Chùa Hòa-giai tên chữ là Hồng-phúc, ở phố hàng Than, làm từ đời Lý, tới nay ngót nghìn năm. Sau bị hỏa hoạn tàn phá. Đến năm Chính-hòa thứ tư (1683) trùng-tu. Năm Thành-thái thứ mười-một (1899) tu-bồ. Chùa này khi xưa là nơi danh-lam. Chính đó là chốn tổ phái Tào-động ở nước Nam ta.

23. — Chùa Liên-phái

Chùa Liên-phái ở địa-phận Bạch-mai thuộc đại-lý Hoàn-long, làm từ hồi Lê Trung-hưng, đến nay hơn 300 năm. Năm Bảo-thái Bính-ngọ (1726) trùng-tu, năm Tự-đức thứ mười-hai (1859) tu-bồ lại. Nguyên chùa này khi xưa tên là Liên-tông; vì lúc khai-sáng đức Cửu-sinh Trịnh thánh-tổ, Lân-giốc thượng sĩ, xẻ móng tường chùa thấy một cái ngổ sen, đem trồng mọc cây. Sau tránh chữ hủy, đổi là Liên-phái. Chùa là một chốn tổ, từ xưa có nhiều môn-phái phụ-thuộc. Mỗi năm kỳ yên-cư, các sư về giảng học rất đông. Hiện bây giờ vẫn còn vẻ sầm-uất nghiêm-trang.

xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-Mùi.

24. — Chùa Linh-sơn

Chùa Linh-sơn ở phố Yên-ninh trong vùng phố hàng Bún, gần chùa Hòa-giai hàng Than. Chùa nguyên trước ở trong thành, là một nơi tu-hành của một bà phi họ Nguyễn ở triều Lê, được phong làm đại-bồ-tát, làm từ năm Cảnh-hưng thứ hai (1741). Đời Gia-long năm thứ ba (1804) thiên ra ngoài thành, xóm Yên-ninh hiện-thời. Đời Minh-mệnh, Tự-đức có tu-bồ lại.

25. — Chùa Nhất-trụ

Chùa Nhất-trụ tên chữ là Duyên-hựu, có người gọi là chùa Ngọc-thanh, vì ở phố Ngọc-thanh; tục lại gọi là chùa Một-cột, vì có ngôi chùa xây trên một cái cột. Chùa ở tại làng Ngọc-thanh hộ lục, ở về phía nam vườn Bách-thảo (Jardin Botanique), sau nhà thuốc súng cũ. Chùa có thờ riêng tượng đức Quan-âm. Tục truyền, chùa này của Cao-biên dựng từ năm Hàm-thông đời Đường, đến nay đã hơn một nghìn năm. Nhưng nói thế là sai. Thực ra, chùa này dựng năm Sùng-hung Đại-bảo thứ nhất (1049) đời vua Lý-Thái-tôn. Vua Lý năm mộng thấy đức Quan-âm ứng hiện cho ngài sinh hoàng-nam. Khi sinh vua Thánh-tôn, ngài cảm ân, theo đúng trong mộng, dựng nên chùa, xây một cái cột ở giữa hồ, làm chùa lên trên, thờ đức Quan-âm. Năm Gia-long Giáp-ti và Đinh-mão (1804 và 1807), Thiệu-trị thứ bảy (1847), Khải-dịnh thứ bảy (1922) đều có tu-bồ. Chùa này phong-cảnh rất thanh-quang mà cũ-kĩ

26. — Chùa Quán-sứ

Chùa Quán-sứ xưa kia thuộc thôn Yên-tập, huyện Thọ-xương, bây giờ ở số 73, phố Richaud, đường trước cửa Hội-chợ, gần nhà ga Hà-nội. Chùa này nguyên trước vào hồi đời Trần, tới nay ngót một nghìn năm, là nhà Thiên-sứ quán đề tiếp sứ-thần Trung-hoa Đời Lê Trung-hung. dùng làm sứ-quán để tiếp các sứ-thần các nước Chiêm-thành,

Muốn rõ lẽ tái-thăm xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

Nam-chương, Vạn-tượng, vân vân, tức là Ai-lao, Cao-mên, sang cống - hiến các triều vua ta. Các nước ấy cũng lấy đạo Phật làm quốc-giáo, nên đổi thành chùa thờ Phật cho hợp phong-tục nước người. Sau nhân thế, lưu mãi đến ngày nay, thành hội-quán của hội Phật-giáo Bắc-kỳ. Trong chùa có thờ tượng đức Minh - không là thành-hoàng làng Yên-tập xưa.

27.— Chùa Trấn-quốc

Chùa Trấn-quốc ở địa-phận làng Yên-phụ, thuộc đại-lý Hoàn-long, xây trên một eo - đất trong Hồ - tây, kề ngay bên đường tục gọi là đường Cồ-ngư. Chùa làm từ năm Hoảng-dịnh thứ mười-sáu (1615). Năm Dương-hòa thứ mười (1639) trùng-tu. Từ lúc khai-sáng về sau vẫn gọi là Trấn-quốc. Đến năm Thiệu-trị thứ hai (1842) ngự giá Bắc-tuần, ban tiền tu-bổ và giáng chỉ đổi gọi là Trấn-bắc. Trong chùa có bàn thờ riêng đức Uy-linh-lang đại-vương là một vị hoàng-tử đời Lý và là thành-hoàng làng Yên-phụ.

TRONG DỊP TẾT XIN MỜI QUÝ KHÁCH LẠI HIỆU

HIỆU QUỐC-HOA

61A, PHỐ LỚN THANH-HÓA

SẼ ĐƯỢC VỪA Ý



Hiệu Quốc-Hoa bán sách, truyện, báo, chí để thưởng-thức trong dịp tết.

Hiệu Quốc-Hoa bán các tặng-phẩm và các đồ dùng để quý-khách tặng bà con trong dịp tết.

Hiệu Quốc - Hoa bán nhiều áo len mặc rét đủ mọi kiểu và nhiều thứ hàng thời - trang (nouveau) và tạp hóa khác nữa.

Văn-tự, văn-khẽ làm bằng chữ gì, xem Tân-Nam-Lịch năm 1 Nhâm-ngọ

BIỂU KÊ CÁC NGÀY LỄ NGÀY HỘI TÂY NAM

về năm 1944

Các ngày đại lễ của Nam triều

Lễ Từ-Khương (sinh-nhật Hoàng-Thái-Hậu) : mồng 7 tháng giêng ta (31 - 1 - 1944).

Lễ Vãn-Định (ngày Đại hôn) : mồng 10 tháng hai ta (4-3-1944).

Lễ Tiên-Thọ (sinh-nhật Thái-Hoàng Thái-Hậu) : 26 tháng ba ta (18-4-1944).

Lễ Hưng - quốc khánh-niệm (ngày kỷ-niệm đức Gia-Long lên ngôi) : mồng 2 tháng năm ta (22-6-1944).

Lễ Vạn-Thọ (sinh-nhật Đức Kim Thượng) : 23 tháng 9 ta (8-11-1944).

Lễ Trường-Hy (sinh-nhật Hoàng-Hậu) : 17 tháng 10 ta (2-12-1944).

Lễ Thiên-Xuân (sinh-nhật Đông-cung Bảo-Long) : mồng 10 tháng 12 ta (23-1-1945).

Các ngày lễ Tây

	Ngày Tây	Ngày ta
Tết nguyên-đán Tây	1er Janvier	6 tháng 12
Pâques	9 Avril	27 — 2
Ngày hội Lao-công	1er Mai.	13 — 3
Ngày lễ Jeanne d'Arc	14 Mai	22 — 4
Ascension	18 Mai	26 — 4
Pentecôte	28 Mai	7 — 4
Lễ Dân-quốc kỷ-niệm	14 Juillet	24 — 5
Assomption	15 Août	27 — 6
Toussaint	1er Novembre	16 — 9
Noël (Thiên-Chúa giáng-sinh)	25 Décembre	11 — 11

Các ngày tết ta

	Ngày ta	Ngày Tây
Tết Ông Táo	23 tháng chạp	18 - 1-1944
Tết Nguyên-đán	mồng 1 tháng giêng	25 - 1-1944
Tết mồng ba tháng ba	— 3 — 3	26 - 3-1944
Tết Đoan-ngũ	— 5 — 5	25 - 6-1944
Tết Trung-nguyên	rằm — 7	2 - 9-1944
Tết Trung-thu	rằm — 8	1-10-1944

Cách xin tạm tha thuế nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-Ngọ

CÁC NGÀY HỘI CỦA TA

Ngày ta	THÁNG GIÊNG	Ngày tây
1 đến 14, Hội châu Thường-xuân (Thanh-hóa) . . .		25 đến 7-2-1944
1 đến 14, Hội châu Ngọc-lạc (Thanh-hóa) . . .		25 đến 7-2-1944
5 Giỗ trận chùa Đồng-quang (Thái-hà-ấp) . . .		29-1-1944
6 Hội đền Sóc làng Xuân-tảo (Hà-đông) . . .		30-1-1944
7 Hội đền Sĩ-vương (phủ Thuận-thành, Bắc-ninh) . . .		31-1-1944
8 Hội chợ Thánh (Phủ-giấy, Nam-định) . . .		1-2-1944
9 Hội chùa vua Đế-thích làng Bạch-mai (Hà-đông) . . .		2-2-1944
10 Hội Kỳ-sâm (Cao-bằng) . . .		3-2-1944
12 Hội làng Phù-ung (Ản-thị Hưng-yên) . . .		5-2-1944
13 Hội làng Lim (Bắc-ninh) . . .		6-2-1944
13 Hội chùa Kính-chủ làng Dương-nham (Hải-dương) . . .		6-2-1944
13 Hội làng Hiền-quan (Tam-nông Phủ-thọ) . . .		6-2-1944
15 Hội đền Và (Sơn-tây) . . .		8-2-1944
16 Hội các dân Thổ ở Đồng-mỏ (Lạng-sơn) . . .		9-2-1944
24 Hội Đốt pháo ở Kỳ-lừa (Lạng-sơn) . . .		17-2-1944

• THÁNG HAI

5 Hội đền bà Trưng (làng Đồng-nhân, Hanoi) . . .	28-2-1944
6 Hội đền Lộ (Thanh-tri Hà-đông) . . .	29-2-1944
10 Hội mùa Xuân-phả (phủ Thọ-xuân Thanh-hóa) . . .	4-3-1944
11 Hội đền Voi-phục (Cầu-giấy, Hanoi) . . .	5-3-1944
15 đến 25, Hội đền Sông (phủ Hà-trung Thanh-hóa) . . .	9 đến 19-3-1944
18 Hội chùa Bà-Bầu (Thanh-liêm Hà-nam) . . .	12-3-1944
22 đến 24, Hội đền bà Triệu-Ầu . . .	16 đến 18-3-1944
25 Hội đền Tuần-tranh (Ninh-giang Hải-dương) . . .	19-3-1944
26 Hội đền Sùng-sơn (Thanh-hóa) . . .	20-3-1944
26 tháng 2 đến mồng 2 tháng ba : Hội đền Phố-cát (Thanh-hóa)	20 đến 25-3-1944
28 Hội chùa Hương-tích ở Mỹ-đức (Hà-đông) . . .	22-3-1944

THÁNG BA

4 Hội động Thiên-tôn làng Đa-gia (Ninh-bình) . . .	27-3-1944
7 Hội Láng (Hà-đông) . . .	30-3-1944
7 Hội kéo chữ Phủ-giấy (Nam-định) . . .	30-3-1944
7 Hội chùa Thầy (Quốc-oai, Sơn-tây) . . .	30-3-1944
9 Hội bơi làng Đám (Tây-tư Hà-đông) . . .	1-4-1944
10 Hội đền Hùng-vương (Phủ-thọ) . . .	2-4-1944
10 Hội Đồng-phủ, huyện Mỹ-lộc (Nam-định) . . .	2-4-1944

Cách dùng giấy tín-chỉ thổ nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

THÁNG TƯ

- 8 Hội Gióng (làng Phù-đồng Bắc-ninh) 30-4-1944
 11 Hội Bần-yên-nhân (Hưng-yên) 3-5-1944

THÁNG NĂM

- 2 Lễ Hưng-quốc khánh-niệm 22-6-1944
 15 Hội Trém (Hà-đồng) 5-7-1944

THÁNG SÁU

- 5 đến 15. Hội đền Hàng, huyện Hậu-lộc (Thanh-hóa) 24-7 đến 3-8-1944

THÁNG BẢY

Hội điện Hòn-chén, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên ;
 trung tuần tháng bảy

- 22 Giỗ đức Lê-Lợi 9-9-1944

THÁNG TÁM

- 10 Hội Chọi trâu (Đồ-sơn) 26-9-1944
 10 Lễ kỷ-niệm ông Nguyễn-Du (Khai-trí-tiến-đức) 26-9-1944
 12 Hội đền Ghềnh (Bắc-ninh) 28-9-1944
 13 Hội đền Phù-ùng (Hưng-yên) 29-9-1944
 13 Hội chùa Keo (huyện Vũ-tiên Thái-bình) 29-9-1944
 20 Hội đền Kiếp-bạc (Hải-dương) 6-10-1944
 20 Hội đền Bảo-lộc (Nam-định) 6-10-1944
 27 Giỗ đức Khổng-Tử 13-10-1944

THÁNG MƯỜI

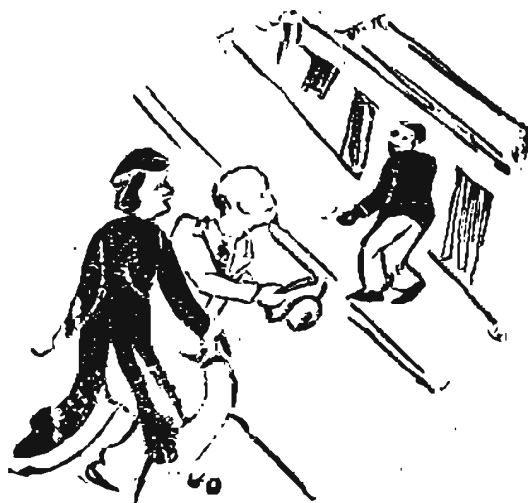
- 30 Hội đền Thanh-lâm (Thanh-hóa) 14-12-1944

Một cách báo thù

Ông Hàn D. dạo hoi, một bữa cùng vợ đi chơi phố. Gặp một người coi bộ tầm thường, mà ông Hàn D. cũng cất mủ rất lâu. Vợ ngạc-nhiên hỏi:

— Người ấy là ai mà phải kinh cần thế?

— Nào có phải kinh! Chàng đó là hàng bán thuốc chữa hoi tóc, lọ mua dọ trước, chính là của hần ta đây. Cho nên mỗi lần hoi gặp hần, lại mở đầu cho hần rõ lời cam-đoan một tháng mọc tóc là lời nói khoác.



Lời đề danh-thiếp mời ăn, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Nhà xuất bản "SANG"



Một trong những nhà xuất bản to nhất hiện thời.
Toàn in những sách đứng đắn, có giá trị về
phẩm lẫn về lượng.

Có những nhà văn nổi tiếng cùng cộng tác:
Nguyễn - khắc - Mẫn, Phạm - văn - Giao, Nguyễn-
xuân Huy, Ngọc-Hoàn, Tô-Hoài, Nam-Cao v. v..

NHỮNG SÁCH ĐÃ RA BẮT ĐẦU TỪ THÁNG JUN 1943:

I) Loại « Truyện Giải-trí » :

- 1o) *Một gia-đình trên hoang đảo*, của Nguyễn-xuân-Huy, giá 1\$45
- 2o) *Bà Chúa rừng mai trắng*, của Việt-Tinh, giá 1.30
- 3o) *Người khỉ*, của Việt-Tinh, giá 1.55

II) Loại « Truyện Sáu Bộ » :

- 1o) *Đời bi mật của con kiến*, của Phạm-văn-Giao, giá 0.50
- 2o) *Đời Bộ Cáp*, của Phạm-văn-Giao, giá 1.20

III) Loại « Những Tác Phẩm Quý » :

- 1o) *Cổ Thủy*, tiểu thuyết của Nguyễn-khắc-Mẫn đã được giải thưởng Văn-chương Tự-Lực-Văn-Đoàn năm 1935.
- 2o) *Hồn Quê*, tiểu thuyết của Nguyễn-khắc-Mẫn, sách dày hơn 400 trang in trên giấy bản thượng hạng. Tranh ngoài bìa 2 màu vẽ trên giấy vóc Phụng-Hoàng rất quý và rất hiếm đặt ở làng Nghệ. giá 4 50
- 3o) *Vọng tiếng chuông*, tiểu thuyết giáo dục, của Ngọc-Hoàn. giá 2.50
- 4o) *Lòng cha*, tiểu thuyết giáo dục của Nguyễn-khắc-Mẫn, giá 4 80

IV) Loại « Khoa-Học-Phổ-Thông » :

- 1o) *Giác quan thứ sáu*, nói về Ma, mộng, phù thủy v.v., do Ngọc-Hữu soạn rất công phu. giá 0.40

Ở xa mua một cuốn xin trả tiền trước, kèm thêm tiền cước phí—
Mua từ 10\$ trở lên được trừ 20o/o và không phải chịu cước phí.

Muốn có bảng thông kê các sách giá trị xin gửi thư kèm 0.06
tem về cho ông Giám-Đốc nhà xuất bản « SANG » N° 46 Quai
Clémenceau. HANOI.

Những việc giao-dịch với sở Bưu-điện

Trong Tân-Nam-Lịch năm Quý-vị (1943) đã chỉ-bảo mọi cách-lức giao-dịch với sở Bưu-điện, nay theo ý độc-giả, bần-xã lại đăng thêm những điều sau này để mỗi khi cần đến, các ngài không phải đi hỏi tận các sở bưu-điện.

Những giờ làm việc của các sở Bưu-điện

Những giờ các sở bưu-điện giao-dịch với công-chúng như sau này :

Hạng nhất.— Những sở mở cửa cả ngày

a) Saigon, Chợ-lớn Phnom-Penh

Ngày thường :

Các việc bưu-cục. — từ 7 giờ đến 18 giờ

Điện-tín và	{	từ 7 giờ đến 22 giờ
Điện-thoại		

Chủ-nhật và ngày lễ :

Điện-tín và	{	từ 7 giờ đến 22 giờ
Điện-thoại		

b) Hanoi, Hải-phong

Ngày thường :

Các việc bưu-cục. — từ 7 giờ 30 đến 18 giờ

Điện-tín. — từ 7 giờ 30 đến 22 giờ

Điện-thoại. — từ 7 giờ — 22 giờ

Cách chữ ngũ độc, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

Chủ-nhật và ngày lễ

Điện-tín. — từ 7 giờ 30 đến 22 giờ
Điện-thoại. — từ 7 giờ đến 22 giờ

a) Hué, Tourane

Ngày thường

Các việc bưu-cục. — từ 7 giờ 30 đến 18 giờ
Điện-tín và { từ 7 giờ 30 đến 22 giờ
Điện-thoại

Chủ-nhật và ngày lễ :

Điện-tín và { từ 7 giờ 30 đến 22 giờ
Điện-thoại

d) Dalat

Ngày thường

Bưu-cục và Điện-báo { từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30
từ 14 giờ 30 — 17 giờ 30
Điện-thoại. — { từ 7 giờ đến 12 giờ
từ 14 — đến 20 giờ

Chủ-nhật và ngày lễ

Điện-báo. — { từ 7 giờ 30 đến 11 giờ
từ 19 — đến 19 giờ 30
Điện-thoại. — từ 7 giờ đến 11 giờ

e) Cap Saint-Jacques

Ngày thường

Các việc bưu-cục { từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30
từ 14 giờ 30 đến 17 giờ 30

Thống-chế Pétain đã nói:

Sống vào thời này, mỗi người phải nhận lấy trách-nhiệm. Bản-chức nêu gương mà nhận trước vậy.

Điện-tín.— từ 7 giờ đến 22 giờ

Điện-thoại.— từ 7 giờ 30 đến 22 giờ

Chủ - nhật và ngày lễ

Điện-tín.— từ 7 giờ đến 22 giờ

Điện-thoại.— từ 7 giờ 30 đến 22 giờ

Hạng nhì.— Các sở khác :

Ngày thường

Bưu-cục Điện-tín
và Điện thoại { từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30
 { từ 14 giờ 30 đến 17 giờ 30

Chủ - nhật và ngày lễ

Điện-tín { từ 7 giờ 30 đến 11 giờ
 { từ 19 giờ đến 19 giờ 30

Điện-thoại.— từ 7 giờ 30 đến 11 giờ

Các điện-báo đặc-biệt.— Các điện-báo đặc-biệt là các điện-báo không gửi theo thường-lệ như đã đăng trong Tân-Nam-Lịch năm ngoái.

Muốn gửi theo lối đặc-biệt nào thì phải viết một chữ tắt sau này lên trên địa-chỉ của người nhận là :

D = *Télégramme urgent*, là điện-báo khẩn-cấp (phải trả tiền gấp đôi).

L C = *Télégramme différé*, là điện-báo gửi chậm (phải trả nửa tiền thôi).

ẢNH ĐẸP VÀ CÓ GIÁ-TRỊ

LÀ ẢNH CHỤP TẠI HIỆU

HUONG-KY PHOTO

ở số 92, Hàng Trống

Rue Jules Ferry — Hanoi

Thế nào là phạm tội ngăn-trở thương - chính.

XLT = *Télégramme de souhaits de Noël et de nouvel an*, là điện-báo chúc mừng về dịp lễ Noël và tết Táng.

XP = (*Express payé*) nghĩa là giao ngay.

Poste = Là điện-báo đến nơi, phát cùng chuyển với thư-từ.

MP = Là gửi cho người nào phải giao tận tay người ấy.

GPR = *Poste restante recommandée*, là người nhận điện-báo phải đến sở bưu-điện mà lĩnh.

RP = *Réponse payée avec indication du nombre de mots*, là người gửi trả tiền trước cho người nhận, để khi trả-lời không mất tiền.

RGTE = Hỏi lại những điện-tín đánh sai mà không mất tiền.

MT = *Mandat télégraphique*, là mǎng-đa gửi bằng điện-báo.

TC = *Télégramme collationné*, là điện-báo soát lại xem có đúng không.

AR = *Accusé de réception*, là báo tin cho người gửi biết rằng điện-báo đã giao rồi.

Điện-báo khẩn-cấp D.— Nội địa-hạt Đông-dương, người gửi điện-báo có thể xin sở bưu-điện đánh bức của mình đi trước và giao trước các điện-báo khác, nhưng phải trả tiền một gấp đôi và phải viết chữ D ở trên, mỗi bức phải trả ít nhất 2\$00.

Điện-báo gửi chậm LC.— Điện-báo gửi chậm được giảm nửa tiền; sở bưu-điện cũng nhận trong những giờ như điện-báo thường. Nhưng chỉ nhận chuyển ra ngoài Đông-dương thôi.

Điện-văn phải viết thật minh-bạch, nghĩa là không được nói lỏng. Điện-báo gửi chậm, phải đợi khi nào các điện-báo thường và các điện-tín của các báo-quán chuyển hết rồi mới đánh đi.

Thống - chế Pétain đã nói :

Hỡi các bạn thân quý, hãy đuổi sự ngờ-vực ra khỏi cõi lòng và cố bỏ những lời phỉ báng chua-chát. Hãy nghĩ đến vị Quốc trưởng yêu mến chúng ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước cơn giông-lố.



Muốn chóng giàu, muốn tậu ô-lô, nhà lầu, hà tất phải mượn những cách phi-thường! Có một kế giản-dị trước mắt, là mua ngay một vé xổ-số Đông-pháp, may ra trúng số mười vạn đồng

Điện-báo chúc mừng ngày lễ Noël và tết Tây X L T.— Các điện-báo này sẽ gửi đi chậm và được tính giá hạ, nhưng chỉ có thể chuyển sang những xứ nào có điều-uớc nhận chuyển lẫn cho nhau và chỉ được gửi trong hạn từ ngày 15 décembre đến 5 janvier thôi. Trên bức điện-báo, phải đề chữ X L T, tiền cũng tính là một chữ. Địa-chỉ có thể đề tắt hay đề theo như đã định-uớc trước với sở bưu-điện cũng được. Điện-văn phải minh-bạch, theo như tiếng ở xứ chuyển đi hay xứ nhận được. Ngoài lời chúc mừng, không được viết gì cả. Điện - báo X L T phải đánh sau các điện-báo thường và các điện - báo gửi chậm. Từ ngoài ngày 24 décembre mới phát. Tiền tính bằng một phần chia ba các điện-báo thường và mỗi bức cũng phải biên ít ra 10 chữ.

Express (X P) hay là poste.— Điện-báo gửi cho người nhận ở ngoài địa-hạt thành-phố thì trước địa-chỉ, phải đề thêm chữ « poste » hay chữ « express ».

Đề chữ « poste » thì khi điện-báo đến nơi, sở nhận sẽ đợi chuyển thư mà phát cùng với thư một lúc cho người nhận. Còn như đề « express » thì hễ nhận được, sở điện-báo sẽ phát ngay. Tiền express tính mỗi kilomètre là 15 xu, và ít ra cũng phải trả 0\$ 50. Gửi cho các tàu-biển đậu ở bến thì tính giá riêng.

Điện-báo giao tận tay người nhận (M P).— Người có điện-báo gửi đi có thể yêu-cầu rằng phải đưa tận tay cho người nhận. Chỉ việc đề thêm chữ « M P » trên địa-chỉ, và trước tên người nhận, nên đề thêm chữ « Monsieur », « Madame » hay « Mademoiselle ».

Điện-báo trả-lời trả tiền trước (R P).— Gửi điện-báo cho ai, có thể trả tiền trước cho người ta trả-lời mình cũng được. Ở địa-hạt Đông-dương, số tiền trả trước ấy, ít ra định là 1\$00. Không có hạn định nhiều nhất là bao nhiêu.

Điện-báo đến nơi, phải lại sở bưu-điện mà lĩnh (G P R).— Điện-báo đề như thế thì khi tới nơi, người nhận phải đến tận sở bưu-điện mà lĩnh. Khi lĩnh, phải có giấy nhận-thực căn-cước mình. Địa-chỉ phải đề rõ họ tên người nhận, không được đề tên tắt, đề số-mục, đề một tên không, hay là tên bịa. Ở trong địa-hạt Đông-dương, người gửi phải chịu lệ-phí là 0.05

Hỏi lại những điện-tín đánh sai mà không mất tiền (R G T E).— Nhận được điện-báo mà hồ-nghi là có chỗ đánh sai thì có thể hỏi lại những chỗ ấy. Phải hỏi tại sở bưu-điện phát điện-tín cho mình. Nếu xét ra sai thực, thì tiền bức điện-tín hỏi ấy sẽ được hoàn lại.

Điện-báo soát lại (T C).— Người gửi điện-báo có thể xin soát lại xem có đúng không. Trước khi gửi đi, trên bức điện-tín của mình, phải đề chữ (T C) và phải chịu thêm tiền chữ ấy. Sở nhận được sẽ đánh lại cả bức điện-tín ấy cho sở chuyển đi. Tiền đánh lại như thế tính bằng nửa tiền lúc đánh đi.

Báo tin bức điện-tín đã giao rồi (A R).— Mình gửi điện-báo cho ai, có thể yêu - cầu sở điện-báo giao cho người ấy vào giờ nào, ngày nào thì báo tin ngay cho mình biết bằng điện hay bằng thư. Trước địa-chỉ, phải đề chữ tắt F C hay P C P và những chữ ấy cũng tính tiền như chữ đánh đi.

Xin báo tin cho mình bằng điện thì phải chịu tiền bằng một bức điện thường 10 chữ, và báo bằng thư thì phải chịu 15 xu.

Các lệ-phi.— Điện-báo gửi đi đã trả tiền rồi mà chưa chuyển, muốn bỏ đi thì phải trả

—	0.20
Hỏi xem bản-chính bức điện-báo tại sở bưu-điện	0.20
Cấp bản - sao một bức điện-báo 50 tiếng trở lại —	0.25
Gửi điện-báo mà có đòi giấy biên-lai. —	0.08

LỜI DẶN TÔI CẦN

Lúc lịch sắp in xong thì có lệ mới của sở Bưu-điện tăng giá tiền tem (con-niêm) gửi thư 6 xu lên 10 xu kể từ ngày 1er Decembre 1948 trở đi

Vậy các thư nhờ giải-dáp pháp-luật, y-học, khoa-học, văn-văn, gửi cho bản-xã phải dính theo cái tem 10 xu hoặc 15 xu tùy bài giải-dáp cân 10 grammes, hay quá 10 grammes.

Thống - chế Pétain đã nói :
Muốn cứu - vãn một nước thì cả quốc-dân phải gắng sức. Các người lại phải hiểu trước kia đã vậy, bây giờ đã vậy thì mai sau phải như thế nào.

Các bà không có sữa nuôi con phải làm thế nào,

BIỂU - KÊ

các sở bưu-điện Đông-dương và chức-vụ của mỗi sở thế nào

Lời - dặn.— Những chữ tắt đề ở bên cạnh là để chỉ những công việc mà sở ấy được làm. Thí-dụ :

C.— *Service complet* : làm đủ mọi công việc của một sở bưu-điện hoàn - bị.

L.— *Service limité*, làm đủ mọi công việc, trừ ra các vật gửi có khai-giá (*valeur déclarée*) và mặng-đa ngoại-quốc thì không nhận.

S.— *Bureau secondaire* : chỉ nhận những vật gửi thường hay gửi bảo-đảm (*recommandé*) và điện-báo thôi.

A P U.— *Agence postale urbaine* : chỉ nhận những vật gửi thường hay bảo-đảm (*recommandé*) và mặng-đa đến 200 đồng là cùng.

A P R.— *Agence postale rurale* : chỉ nhận những vật gửi thường hay bảo-đảm (*recommandé*) thôi.

CHỒNG TÔI MÊ GÁI

CHỒNG TÔI MÊ GÁI CHỈ VÌ TÔI KHÔNG ĐỌC TỜ
TUẦN-BÁO ĐÀN-BÀ
nên

*không biết sắp sọc cho đẹp hơn — không biết làm đồ-ăn ngon hơn
không biết dạy con khéo hơn — không biết giao-thiệp giỏi hơn
không biết ăn mặc thanh-lịch hơn.*

NHƯNG TỪ KHI TÔI ĐỌC TỜ

TUẦN-BÁO ĐÀN-BÀ

*với những mục đẹp, trang-nhã, việc trong nhà, gia chính,
nhì-đồng, thể-thao, tâm-tình, thì chồng tôi không mê gái nữa,
chỉ yêu tôi thôi vì tôi đã trở nên một người vợ hoàn-toàn*

TUẦN-BÁO ĐÀN-BÀ

là báo phụ-nữ lâu nhất ở nước ta

Direction et Administration

76, Wielé — Hanoi

Téléphone : 479

Giá báo

1 NĂM. 15\$00

6 THÁNG. 8 00

3 THÁNG. 4 00

Mua báo trả tiền trước, gửi mandat cho
Madame la Directrice du **TUẦN-BÁO ĐÀN-BÀ**, 76, Wielé Hanoi

BẮC-KỲ

An-châu	S	Đin-lập	L	Lạc-quần	C
Bachat	C	Đồng-đăng	C	Lai-châu	C
Bắc-kạn	C	Đô-g-kê	L	Lạng-sơn	C
Bắc-ninh	C	Đồng-mỏ	C	Laokay	C
Bắc-mục	S	Đồng-triều	C	Lộc-binh	S
Bắc-quang	L	Hồng-văn	L	Lục-an-châu	S
Ban-na-coum	S	Đồ-sơn	C	Lục-nam	C
Bân-yên-nhân	C	Fort-Bayard	C	Manmei	S
Bảo-hà	C	Gia-lâm	C	Mao-kê	C
Bảo-lạc	C	Hà-cối	C	Mo-cay	C
Ba-xát	L	Hà-đông	C	Mon-cay	C
Bến-hiệp	APR	Hà-giang	C	Mường-khương	L
Bình-liên	S	Hà-lang	S	Na-cham	C
Các-bà	AP	Hải-duyong	C	Nam-dinh	C
Cầmpha-Mine	C	Hải-phòng	C	Nga-kê	S
Cầmpha-port	C	Hàng-kênh	C	Ngâu-sơn	L
Cao-bằng	C	Hanoi R. P	C	Nguyễn-binh	C
Chan-poung	C	Hanoi A	APU	Nhã-nam	S
Chapa	C	Hanoi B	APU	Ninh-giang	C
Chiêm-hóa	C	Hanoi C	APU	Ninh-binh	C
Chi-nê	C	Hanoi D	APU	Núi-Dẹo	L
Chợ-bờ	C	Hanoi E	APU	Núi-chai	S
Chợ-chu	C	Hòa-binh	C	Pa-kha	L
Chợ-diên	C	Hoàng-sư-phi	L	P an-mế	C
Chợ-mới	S	Hoành-sơn	S	Phát-diệm	C
Chợ-rã	L	Hongay	C	Phó-bang	S
Chũ	C	Hưng-hóa	C	Phổ-binh-gia	L
Đáp-cầu	C	Hưng-yên	C	Phổ-lu	L
Diêm-diên	L	Khao-sơn	S	Phong-tho	C
Điện-biên-phủ	C	Kiến-an	C	Phủ-đa-phúc	S

BẮC-KỲ

Phủ-đoan	C	Son-la	C	Trà-linh	S
Phủ-lạng-thương	C	Son-tây	C	Trùng-khánh-phủ	C
Phúc-yên	C	Ta-lung	L	Tuyên-quang	C
Phủ-lý	C	Tam-đảo	C	Uông-hi	C
Phủ-nho-quan	C	Tchécam (KIW)	C	Vào-đỉnh	L
Phủ-thọ	C	Thái-binh	C	Văn-lý	C
Phủ-yên-binh	L	Thái-nguyên	C	Vạn-yên	C
Port-Wallut	C	Thất-khê	C	Việt-tri	C
Quảng-uyên	C	Thụy-lôi	S	Vĩnh-tuy	S
Quảng-yên	C	Tiên-yên	C	Vĩnh-yên	C
Sept-Pagodes	C	Tĩnh-túc	C	Yên-báy	C
Soc-giang	S	Tong	C		

ĐĂNG-NGOC-BÁU

N° 13, R. C. N° 9 Savannakhet



DÉPOT PHARMACIE, MERCEURIE, ÉPICERIE, LIBRAIRIE

Chúng tôi đứng đại-lý lâu năm tại xứ Lào, nhận bán hàng tạp-hóa và các thứ thuốc có danh tiếng. Đủ các thứ sách, báo-chi và đồ dùng trong văn-phòng, cùng các thứ tiên-thuyết xuất-bản ở ba kỳ. Vậy các nhà xuất-bản và các hiệu thuốc nếu muốn đề chúng tôi phát-hành và tiêu-thụ, xin biên thư cho chúng tôi, chúng tôi vui lòng đứng Đại-lý. Và chúng tôi xin thêm lời không những chúng tôi bán và phát-hành nguyên tỉnh Savannakhet mà thôi, chúng tôi lại giao-dịch với các vùng lân-cận đều có chỉ-điểm của chúng tôi. Một cửa hàng đáng tin cậy và có tin-nhiệm lâu năm ở xứ Lào.

TRUNG-KỲ					
An-khê	C	Ea Noet	C	Pho-châu	S
Ba-đôn	C	Faifo	C	Phú-mỹ	C
Bái-thượng	C	Hà-tĩnh	C	Phú-nghĩa	L
Ba-na	C	Honecohé	C	Phú-phong	C
Bang-hoi	C	Hồi-xuân	C	Phủ-quảng	C
Banmethuot	C	Huế	C	Phủ-qui	C
Bến-thủy	C	Huế A	APU	Pleiku	C
Bình-định	C	Kontum	C	Quảng-ngãi	C
Bồng-sơn	C	Kỳ-anh	L	Quảng-trị	C
Cana	C	Lagi	C	Qui-nhơn	C
Chu-lệ	C	Lao-bảo	S	Qui-nhơn (gare)	T
Cửa-lô	S	Linh-cam	C	Sầm-sơn	C
Cửa-rào	S	Mường-man	S	Sông-cầu	C
Cửa-tùng	C	Mường-sen	S	Sông-mao	S
Cung-sơn	S	Nha-trang (cita-		Tam-kỳ	C
Đại-lanh (gare)	C	delle)	C	Tam-quan	C
Đà-lat	C	Ninh-chu	C	Thanh-hóa	C
Điêu-trị (gare)	T	Nha-trang	C	Thu-xá	C
Djiring	C	Ninh-hoa	C	Tuy-hóa	C
Đô-lương	C	Phan-rang	C	Tourane	C
Đồng-hới	C	Phan-ri	C	Tourcham	C
Dian	C	Phan-thiết	C	Vinh	C
Duc-pho (gare)	T	Phu-khê	S		

Thông-chế Pétain đã nói:

Oai-lực của vị Quốc-trưởng vẫn thường đề cho mọi người trông thấy và cảm thấy. Oai-lực đó chỉ có thể ủy và chia vì những sự cần dùng định nghĩa rõ-ràng, mà không làm lẫn-lộn quyền-hành cùng trách-nhiệm.

AI-LAO

Attopen	C	Muonghoun-		Paklay	C
Banthouei	S	Xienghoung	R	Paksane	S
Banvang	S	Muongkhona	R	Paksé	C
Bassac	S	Muongluong-		Phongsaly	C
Boneg	L	Namtha	R	Phonthou	L
Fiafay	S	Muongngoi	R	Samneua	C
Houei-sai	C	Muong ou neua	APR	Saravane	C
Kamtongiai	S	Muong ou tay	C	Savannakhet	C
Khône	C	Muongsai	S	Tchépone	C
Khong	S	Muongsinh	C	Thakhet	C
Luangprabang	C	Nuongyou	C	Vangvieng	S
Muonghounneua	R	Napé	C	Vienpoukha	S
Muonghountay	L	Naphong	S	Vientiane	C
		Pakhinboum	S	Xiengkhouang	C

NGUYEN-VAN-DU

MÉDECIN CIVIL



Chuyên trị bệnh ban - cua (fièvre typhoïde)
và bệnh dư-ruột (appendicite)

Giờ khám bệnh { mai : 8 giờ đến 12 giờ
 chiều : 3 giờ đến 6 giờ

10, Rue Frères Louis — SAIGON

CAO-MÊN					
Bacnam	S	Kompongtrabek	S	Pursat	C
Bacpréa	APR	Kompongtrach	C	Réam	C
Banam	C	Kraianh	APR	Rocakong	S
Barai	R	Kratie	C	Samrong	S
Battambang	C	Krauhmar	L	Skoun	S
Cheomkhsan	L	Le Bokor	C	Siemréap (Ang-	
Chhlong	S	Mimot	L	kor	C
Hôtcone	T	Mongkolborey	S	Siemang	S
Kampot	C	Muongboun-		Sisophon	S
Kep	L	neua	APR	Snoul	S
Kompongcham	C	Muongbountay	C	Soairieng	C
Kompongchang	C	Pailin	L	Sré-Umbel	S
Komponkdey	C	Phnompenh	C	Stungtreng	C
Kompongluong	L	Poipet frontiere	S	Suong	S
Kompongspen	C	Prek-Kak	L	Takeo	C
Kompongthom	C	Preyveng	C	Veunsay	L

Trước hiệu giày

Chàng. — Gồm, một đôi giày họ tăng giá đến gấp năm lần năm ngoái!

Nàng. — Vì đắt thế, cho nên tôi chỉ xin mình có mua, thì lấy đôi nhỏ thôi.

Hàng giày. — Nhưng mà hàng tôi giày đã ướm thử, không có lấy lại đấy nhé.



Thống-chế Pétain đã nói :

Các người cứ vững lòng tin cậy bản-chức. Bản-chức vẫn vững lòng mong đợi các người.

NAM-KY

Au-hòa	L	Chợ-mời—Long-		Phước-hoa	L
Bắc-liêu	C	xuyên	L	Poulo-Coudore	C
Baixa	C	Chợ-quau	C	Rạch-giá	C
Barai	S	Chuachan	S	Rạch-gôi	S
Batia	C	Cuchi	L	Sa-dec	C
Batri	C	Culaogiên	C	Saigon Central	
Bến-cát	L	Daingai	L	Saigon Commerce	C
Bến-sa	APR	Dautieng	APR	Saigon Messageries	C
Bến-tre	C	Duchoa	S	Saigon Tân-định	C
Biên-hòa	C	Duongdong	C	Soc-trang	C
Binh-dai	APR	Gia-đinh	C	Tam-binh	C
Budop	S	Gioug-trom	S	Tanan	C
Caibé	C	Gò-công	C	Tân-châu	C
Cailay	C	Hà-tiên	C	Tân-uyên	C
Ca mon	L	He -mon	L	Tây-ninh	C
Cainhum	L	Hon-quan	C	Thanh-phu	APR
Cairang	C	kê-an	S	Thanh-tri	L
Caitauha	L	Lai-thiên	C	Thot-not	C
Caitaunhuong	C	Lap-vo	L	Tàu-dau-mot	C
Cà-mâu	C	Lộc-ninh	C	Thu-duc	C
Can-duc	S	Long-hai	L	Thu-thua	L
Cần-giốc	C	Long-mỹ	C	Tiên-can	C
Cần-thơ	C	Long-phu	APR	Tinh-biên	L
Cao-lãnh	C	Long thành	C	Tra-cu	C
Cap St-Jacques	C	Long xuyên	C	Trang-bang	L
Canké	L	Mỹ-tho	C	Tra-ov	C
Caungan	C	Núi-sáp	L	Tra-vinh	C
Châu-độc	C	O-mon	C	Tri-ton	L
Chogao-Bac	S	Phong thanh	L	Vinh-chau	L
Chợ-lạch	L	Phong-hiệp	C	Vinh-long	C
Chợ lớn	C	Phước-bai	S	Vung-iêm	C
Chợ-lớn-Binh-thay	C	Phước-long	C	Xuân-lôc	L

ĐOÀN CA KỊCH KIM-THỜI



ÁI-LIÊN

Directeur : HÀ-QUANG-ĐÌNH



Cờ ÁI-LIÊN, ngôi sao sáng của Radio-Saigon, có giọng ca du-dương, êm-ái và mê hồn, đã từng được ban nhiều huy-chương lại được một nhà báo bên Pháp tặng danh-hiệu là « Rose d'Asie »

Gánh ÁI-LIÊN là gánh hát gồm những nghệ-sĩ trẻ tuổi, lịch-sự, hát hay, nên được hoan-nghenh khắp cõi Đông-Dương.

Đi xem hát ÁI-LIÊN là để nghe những giọng hát hay và xem các nghệ-sĩ danh-hiệu.

LUẬT MỚI VỀ NGHỀ LÀM THUỐC BẮC THUỐC NAM

Dịch-giả : PHẠM HUY-LỤC

Muốn rõ điều-kiện làm nghề ông lang, làm nghề chế thuốc, bán thuốc ; muốn rõ thuốc ta chỉ được chữa theo phương-pháp nào, và phương-pháp nào bị cấm, những vị thuốc nào coi là thuốc độc, cũng là sự trừng-phạt những khi làm trái lệ thể nào, ai cũng cần xem sách này.

BÁN TẠI : IMPRIMERIE DE HANOI

(NHÀ IN PHẠM HUY - ĐỊNH)

55, Phố Hàng Bông — Hanoi

GIÁ : 0\$50.

Tiền cước gửi bảo-đảm : 0\$25

HÀN THUYỀN

XUẤT BẢN CỤC

PHÁT HÀNH VÀO ĐỢI TẾT (20-1-44):



NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

một cuốn phê-bình rất có giá trị
của NGUYỄN-BÁCH-KHOA

GIÁM ĐỐC: Nguyễn-xuân-Tái
Trụ-sở: 71, Tiền-Tsin Hanoi

ĐẠI-HỌC THƯ-XÃ

50, Sinh-Tử — Hanoi

Giám-đốc: NGUYỄN-TẾ-MỸ

TRÌNH BÀY

LÃ GIÀ

của Hải-Trần

MẸ TÔI

của Nguyễn-khắc-Mẫn

ANH THƯ ĐỜI MẠC

của Chu Thiệu

THANH NIÊN CẢ

của Đào Hợp

ĐỒNG TIỀN HAI MẶT

của Nguyễn-khắc-Mẫn

VÀI TÁC PHẨM VIỆT-NAM DƯỚI MẮT PHỤ-NỮ

của bà Mộng-Sơn

MÓN QUÀ TRẺ EM

của bà Tương-Phổ

tủ sách danh nhân

giá 2\$80

tủ sách gia đình

giá 2\$80

Lịch sử tiểu thuyết

giá 5\$80

Lời ca và Âm nhạc

giá 1\$00

Giáo dục thanh niên

Giáo dục nhi-đồng

Etablissements HOUANG-P'ENG

N° 74, Rue des Teinturiers 74

HANOI — TONKIN



**PÂTISSERIE, CONFISERIE, ÉPICERIE,
MERCERIE & PARFUMERIE**

Nhà chế tạo bán buôn và bán lẻ các thứ :
Bánh, Kẹo, Mứt làm bằng các thứ quả đựng
vào lọ thủy tinh rất trong sạch mỹ thuật.

Brillantines : JOLIDOR làm toàn bằng Vaseline
pure, nước hoa thơm dịu giăng.

Fixateurs : GOMEDOR và MILDOR làm bằng
Gomme nước hoa thơm quý,
những nhà mua buôn để lâu không
ngại, hư hỏng như mọi thứ khác.

Rượu chồi Là thứ rượu thuốc rất tiện dùng
Bắc-kỳ : cho mọi người, như đàn bà mới
sinh nở, tê thấp đau xương mỗi
gối, và những người bị cảm mạo.

Huile pour Dầu thơm để các bà các cô dùng
Chevelure : bôi 'óc rất tốt, những thứ dầu của
bản hiệu chế ra đều toàn dầu tốt
và nước hoa thơm mát